

Jules Verne

HÒN ĐẢO BÍ MẬT



WWW.VNTHUQUAN.NET, 2008.

Jules Verne

Hòn đảo bí mật

www.vnthuquan.net, 2006

Jules Verne

Hòn đảo bí mật

Nguyễn Văn Cửa phỏng dịch

Chương 1

Tai nạn trên không

Hẳn mọi người còn nhớ cơn bão khủng khiếp xảy ra vào năm 1865. Trận cuồng phong đã hoành hành không ngớt từ ngày 18 đến ngày 26 tháng ba và sức tàn phá thật là ghê gớm: khắp châu Mỹ, châu Âu, châu Á, bao trùm cả một vùng rộng một ngàn tám trăm hải lý, kéo dài từ hướng đông bắc tới tận xích đạo.

Hậu quả do bão gây ra thật khủng khiếp. Tàu bè bị sóng đập nát, thành phố bị tàn phá, hàng ngàn người bị những trận lốc xoáy cuốn đi hoặc nhận chìm xuống lòng biển.

Khi trên đất liền và trên biển đang chịu đựng trận thiên tai này thì một thảm kịch không kém phần khủng khiếp cũng đã xảy ra trên không do bão tố gây nên.

Trong những ngày tháng ba năm 1865, trận cuồng phong đã cuốn phăng một quả khí cầu mà trên đó có năm người khách đang viễn du, nhòì nó lên tận đỉnh cột lốc như một quả bóng, rồi xoáy hút nó theo.

Trên giỏ treo của khí cầu có năm người. Ta có thể loáng thoáng nhận ra họ trong làn sương dày đặc quyện lẫn bụi nước đại dương.

Lúc này các nhà du hành đang ở trong giỏ treo của khí cầu không thể biết được họ đã vượt một chặng đường bao xa và khí cầu của họ bị cuốn đi đâu, họ không có một cột mốc nào để xác định vị trí cả. Mãi đến khi khí cầu vùn vụt lao xuống họ mới hay mình đang bay trên những lớp sóng biển hung dữ, và hiểu ra mình đang gặp nguy hiểm chết người.

Nhưng khi họ vứt hết những vật nặng trong giỏ treo của khí cầu như súng đạn, lương thực thì khí cầu lại vọt lên.

Ngày hôm sau, khi bão bắt đầu yên cũng là lúc vỏ khí cầu lại dài ra, co rúm lại và họ xuống liên tục. Rõ ràng là không thể nào giữ cho khí cầu thăng bằng trên cao được nữa, vì nó không còn đủ hơi gas. Thế là cái chết đang sẵn sàng tìm đến họ!

Bên dưới không phải là đất liền, mà là biển cả mênh mông, không có cù lao, không đảo nổi, không một dải đất để neo khí cầu.

Đến hai giờ chiều ngày 24, khí cầu chỉ còn cách mặt đại dương khoảng bốn năm bộ. Đúng lúc ấy một tiếng nói quả cảm vang lên:

- Vứt bỏ hết mọi thứ rồi chứ?
- Chưa! Còn lại vàng, mười ngàn đồng Franc cả thảy! – một

giọng nói khác kiên quyết nói.

Ngay tức khắc, chiếc bao tải nặng đựng tiền rơi vụt xuống đại dương.

- Còn vật gì để quăng đi được không?

- Hết rồi!

- Mọi người hãy bám lấy lưới. Chúng ta sẽ vớt cái giỏ treo xuống biển.

Thật vậy, chỉ còn cách cuối cùng và duy nhất ấy là có khả năng làm cho khí cầu nhẹ bớt mà thôi. Những sợi dây buộc nối vào vành đai lưới đã bị cắt đứt, và đến khi chiếc giỏ tách rời ra, khinh khí cầu bốc lên trên mực nước biển hai ngàn bộ.

Năm nhà du hành leo lên vành đai và bây giờ họ trụ trên các mắt lưới, tay bám chặt vào những sợi dây. Phía bên dưới, đại dương đang gầm thét. Đến bốn giờ chiều, khí cầu chỉ còn cách đại dương năm trăm bộ.

Bỗng con chó mà các nhà du hành mang theo sủa vang. Nó cũng đang ở bên dưới khí cầu, cạnh viên kỹ sư chủ nhân của nó.

- Con Top đã trông thấy cái gì rồi! – một người trong số du khách kêu lên.

Và liền ngay đó có tiếng reo vang:

- Đát liền! Đát liền!

Quả thật, trước mặt các du khách xuất hiện một bờ biển khá cao cách họ khoảng ba mươi hải lý. Muốn đến đó, khí cầu cần bay ít

nhất một giờ, với điều kiện là gió không đổi hướng. Nếu hơi gas bị xì hết trước thời hạn đó thì sao?

Thật là một câu hỏi khủng khiếp! Các du khách bất hạnh đã cố phân biệt rõ mặt đất phía bên dưới. Họ không biết đó là đảo hay đất liền. Nhưng dù trước mặt họ là một hòn đảo hoang, thì cũng cần phải đến được đó bằng bất cứ giá nào.

Nửa giờ trôi qua, họ chỉ còn cách mặt đất không quá một hải lý, nhưng hơi gas trong khí cầu hầu như đã cạn kiệt, chỉ còn chút ít ở phần trên. Các du khách bấu chặt vào lưới và trọng lượng của họ quá tải đối với khí cầu.

Vỏ khí cầu bị gấp khúc, gió thổi trôi trên mặt nước như một cái thuyền buồm, chỉ còn cách bờ hai cabeltov nữa thôi. Nhưng bỗng bốn du khách bật lên tiếng kêu, và quả khí cầu bị mất hết sức nâng lại bất ngờ vọt lên cao khoảng một ngàn tám trăm bộ. Đến đây, nó lại sa vào một vùng không khí loãng và bị gió cuốn đi, không phải vào bờ, mà hầu như song song với bờ. Hai phút sau thì gió đổi hướng và quả cầu bị hất lên bờ cát.

Các du khách giúp nhau chui ra khỏi lớp lưới bao quanh họ. Quả khí cầu, sau khi thoát khỏi tình trạng quá tải, vọt bay lên khi gặp cơn gió đầu tiên, rồi biến mất trong bầu trời bao la. Trên giỏ treo của khí cầu trước đó có năm nhà du hành và một con chó, nhưng khi xuống mặt đất chỉ còn có bốn người.

Người thứ năm chắc đã bị sóng cuốn đi mất. Nhờ vậy mà trọng

lượng của khí cầu nhẹ bớt khiến nó vọt lên lần cuối cùng và sau vài phút nó bay được vào bờ.

Những người bị tai nạn trên không vừa đặt chân xuống mặt đất, không thấy người thứ năm đâu, đều thốt lên:

- Có lẽ ông ấy tự nguyện rời khỏi khí cầu để cứu chúng ta đây.

Bây giờ thì ông ấy đang ở trên biển và định bơi vào bờ. Phải tìm ông ta!

*

* *

Những người bị trận cuồng phong quăng lên bờ biển xa xăm nào đó không phải là những nhà du hành chuyên nghiệp hay những người yêu thích du ngoạn trên không. Họ bị bắt làm tù binh trong cuộc nội chiến ở Mỹ và tinh thần dũng cảm chân chính đã thôi thúc họ chạy trốn kẻ thù trong những hoàn cảnh hết sức éo le.

Tháng hai năm 1865, trong một cuộc tấn công của tướng Ulyss Grant vào thành phố Richmond, có một số sĩ quan quân đội ông bị sa vào tay địch và bị giam giữ ở đó. Một trong số những tù binh đáng chú ý nhất thuộc ban tham mưu của tướng Grant tên Cyrus Smith.

Cyrus Smith là người gốc Massachusetts, nghề nghiệp kỹ sư, đồng thời là một nhà bác học giỏi bậc nhất. Nhìn bề ngoài người ta có thể cho ông là người Bắc Mỹ chính thống với dáng vóc mảnh khảnh, thậm chí có phần hơi gầy. Mặc dù chưa quá bốn

mười lăm tuổi, nhưng mái tóc cắt ngắn của ông đã ánh lên những sợi tóc bạc.

Giương mặt của ông làm cho người ta sửng sốt về một vẻ đẹp trang nghiêm và khắc khổ, đôi mắt sáng ngời đầy nghị lực, đôi môi nghiêm nghị ít khi mỉm cười. Nói tóm lại, Cyrus Smith là hình ảnh của một nhà bác học mang tâm hồn của một người lính. Ông thuộc số những kỹ sư mà khi bắt đầu con đường công danh của mình đã tự nguyện cầm búa và cuốc chim. Bởi vậy, chẳng có gì đáng ngạc nhiên, khi thấy ông không những có đầu óc cực kỳ sáng suốt và sắc sảo mà ngay cả đôi tay ông cũng rất tháo vát, khéo léo.

Cyrus Smith còn là biểu tượng của lòng dũng cảm. Ông đã bắt đầu cuộc đời của người lính dưới quyền chỉ huy của tướng Grant trong đội quân tình nguyện của bang Illinois, và ở đâu ông cũng đều chiến đấu một cách dũng cảm. Ông tham dự hầu hết các trận đánh cho đến khi bị thương ở Richmond và bị kẻ thù bắt làm tù binh.

Bị quân đội miền Nam bắt giữ ngày hôm ấy còn có một người nổi tiếng nữa, đó chính là Gédéon Spilett, phóng viên của tờ “New York Herald” được biệt phái vào quân đội để theo dõi diễn biến của chiến tranh.

Gédéon Spilett thuộc loại người không bao giờ chịu khuất phục hoàn cảnh. Ông can đảm dấn thân vào nơi trận mạc với mục đích

là khai thác được những tin tức chính xác về các sự kiện nóng bỏng và nhanh chóng chuyển chúng về toà soạn của mình.

Là người có nghị lực, năng động và kiên quyết, Spilett từng đi khắp thế giới và làm tốt vai trò của một phóng viên. Bên cạnh đó, ông còn gánh vác sứ mệnh của một người lính, một hoạ sĩ.

Với tính năng động, tháo vát của mình, Gédéon Spilett không sợ vất vả, mệt nhọc, nguy hiểm khi muốn tìm hiểu một điều gì đó.

Là một trong những nhà quan sát dũng cảm Spilett có thể viết bài dưới làn đạn, sáng tác dưới gầm đại bác. Đối với ông, bất kỳ sự mạo hiểm nào cũng đều là cuộc phiêu lưu hấp dẫn.

Ông ta có mặt trong tất cả các trận chiến và bao giờ cũng xông lên tuyến đầu, một tay cầm súng lục, một tay cầm sổ ghi chép.

Và dưới làn mưa đạn, chiếc bút bi trong tay ông cũng không hề run rẩy. Tin tức hay bài vở của ông đều ngắn gọn, chính xác, rõ ràng, ông luôn biết cách trình bày thật rõ ràng một sự kiện quan trọng. Nhân tiện cũng xin nói thêm: ông ta còn là một cây khôi hài.

Gédéon Spilett vóc người cao, chừng bốn mươi tuổi. Đôi mắt linh lợi, tinh nhanh, bình tĩnh và tự tin. Thân hình ông rắn chắc, và được tôi luyện trong những chuyến du lịch khác nhau.

Đã mười năm nay Gédéon Spilett góp phần làm phong phú tờ báo mà anh ta là một trong những ký giả của nó bằng những bài, tin nhanh và những hình vẽ minh hoạ. Ông sử dụng tốt như nhau

ngòi bút của nhà báo và cây cọ của một họa sĩ.

Cyrus Smith và Gédéon Spilett chỉ biết nhau qua lời kể của người khác. Cả hai được phái đến Richmond. Viên kỹ sư mau chóng được chữa khỏi vết thương và trong thời gian bình phục ông đã làm quen với nhà báo. Họ cảm thấy quý trọng nhau và kết bạn. Chẳng mấy chốc mục đích mà hai người luôn luôn theo đuổi đã kết nối họ lại với nhau. Cả hai người đều chỉ mong muốn một điều là chạy trốn khỏi nơi họ bị cầm tù để trở về với quân đội của tướng Grant và tiếp tục chiến đấu cho sự thống nhất của liên bang.

Đôi bạn quyết định tranh thủ mọi cơ hội thuận lợi để chạy trốn. Mặc dù ở Richmond họ được sống tự do, song thành phố được bảo vệ nghiêm ngặt, nên việc chạy trốn không thể thực hiện được.

Giữa lúc ấy thì người đầy tớ rất mực trung thành của Smith đã khôn khéo lườn lách tìm được đến chỗ ông ta. Đó là một người da đen, con của những người nô lệ và anh ta cũng là nô lệ.

Nhưng Cyrus Smith đã trả tự do cho người da đen ấy. Sau khi được tự do, người nô lệ không muốn từ giã ông chủ của mình. Anh quá yêu quý chủ và sẵn sàng chết vì chủ. Người da đen ấy đã ba mươi tuổi, khỏe mạnh, nhanh nhẹn, tháo vát, sáng dạ, nhu mì và bình tĩnh, đôi lúc rất ngây thơ, luôn luôn tươi cười. Anh ta ưa được gọi bằng cái tên thân quen từ bé là Nab.

Sau khi hay tin ông chủ bị bắt làm tù binh, Nab đã không do dự rời ngay Massachusetts, tìm đến Richmond và, bằng đủ mọi mưu kế, hai mươi lần liều mạng mới đột nhập vào được thành phố bị bao vây. Không lời nào có thể diễn tả nỗi niềm sung sướng của Cyrus Smith khi ông trông thấy người bạn hầu của mình, và cả niềm hạnh phúc của Nab khi anh liên lạc được với ông chủ yêu quý.

Cuộc bao vây thành phố vẫn kéo dài, những tù binh khao khát chạy trốn khỏi Richmond để trở lại quân đội của tướng Grant. Trong khi đó, những người lính bị bao vây trong thành phố lại rất muốn rời khỏi Richmond để về với quân đội của phái phân lập. Trong số những người lính ấy có Forster. Đó là một người rất mực trung thành với quân đội miền Nam. Nếu những tù binh của quân đội liên bang không thể thoát khỏi thành phố thì những người lính theo phái phân lập cũng khó mà được tự do, bởi vì quân đội miền Bắc đã bao vây chặt thành phố. Thị trưởng Richmond đã từ lâu mất liên lạc với tướng Lee, mà điều cực kỳ quan trọng là làm sao thông báo cho ông ta biết được tình hình trong thành phố và yêu cầu nhanh chóng điều quân đến cứu viện những người bị bao vây. Thế là Jonathan Forster nảy ra ý định ngòilên thang của một khí cầu để bay ra khỏi Richmond, vượt qua phòng tuyến của quân đội bao vây để tìm đến ban doanh của quân đội phân lập.

Viên thị trưởng cho phép thực hiện ý đồ ấy. Một quả khinh khí cầu đã được chuẩn bị và giao cho Jonathan Forster sử dụng để hoàn thành một cuộc hành trình trên không với năm người cùng đi.

Chuyến bay được ấn định vào ngày 18 tháng ba, vào ban đêm, khi gió tây bắc bắt đầu thổi. Các nhà du hành dự tính sau vài giờ khinh khí cầu sẽ bay đến văn phòng bộ tham mưu của tướng Lee. Nhưng gió tây nam lại chuyển hướng do sự cố thời tiết. Ngày 18 tháng ba, ngay từ sáng đã thấy dấu hiệu một cơn bão. Và chẳng bao lâu trận cuồng phong đã nổi lên, khiến chuyến bay của Forster phải hoãn lại.

Quả khí cầu bơm đầy hơi gas được đặt tại quảng trường chính của Richmond, sẵn sàng bay đi khi bão yên, cả thành phố đều nóng lòng chờ đợi sự lắng dịu ấy, vậy mà thời tiết vẫn không thấy khá hơn.

Đã qua đêm 18 rạng ngày 19, bão lại càng mạnh hơn. Khinh khí cầu không thể nào bay được.

Ngày hôm ấy, có một người lạ đi trên đường phố và gặp kỹ sư Cyrus. Đó là một thủy thủ chừng ba mươi lăm hay bốn mươi tuổi, tên là Pencroff. Vóc người cao lớn, rắn chắc và sạm nắng. Đôi mắt linh lợi, gương mặt hiền hậu. Anh ta gốc quê Bắc Mỹ, đã từng chu du khắp các đại dương, chịu đựng đủ mọi cảnh khốn cùng và cực nhọc. Trải qua nhiều cuộc phiêu lưu lạ thường mà

một người ở trên cạn khác nằm mơ cũng không gặp.

Đầu năm 1865, Pencroff từ New Jersey có việc đến Richmond cùng với một chú bé mười lăm tuổi Harbert Brow, con trai người thuyền trưởng quá cố của anh ta. Pencroff yêu chú bé ấy như em ruột. Trước khi thành phố bị bao vây, anh đã không kịp thoát ra khỏi đó. Anh ta thật đau khổ khi thấy mình bị giam hãm ở Richmond. Bây giờ anh chỉ có nguyện vọng là chạy trốn với bất kỳ điều kiện nào. Pencroff nghe nói nhiều về kỹ sư Cyrus Smith. Anh biết rằng con người kiên quyết ấy đang khao khát được tự do. Đến ngày thứ hai của cơn bão, anh đã mạnh bạo đến gặp Smith và hỏi chuyện ông không mà không rào trước đón sau gì hết:

- Thưa ngài Smith, ngài không chán cái thành phố Richmond quỷ quái này sao?

Viên kỹ sư nhìn chăm chăm vào người lạ mặt vừa bắt chuyện với ông, còn Pencroff thì khẽ hỏi thêm:

- Thưa ngài Smith, ngài có muốn chạy trốn không?

- Bao giờ? – viên kỹ sư lên tiếng ngay, và có thể nói chắc chắn rằng câu trả lời ấy đã bật ra từ lưỡi ông một cách vô tình.

Tuy nhiên, sau khi nhìn kỹ vào gương mặt cởi mở của người thủy thủ, ông biết mình đang gặp một con người trung thực tìm đến mình để tranh thủ sự đồng tình.

- Ông là ai? – ông hỏi nhát gừng.

Pencroff nói tóm tắt về mình.

- Tuyệt diệu! – Smith nói – Thế ông định trốn bằng cách nào?

- Như thế này! Quả khí cầu hiện giờ là một vật vô tích sự. Đường như nó cố ý chờ đợi chúng ta đây.

Viên kỹ sư hiểu ý anh ngay. Ông ta khoác tay chàng thủy thủ, dẫn luôn về nhà mình.

Pencroff đã kể lại cho Smith nghe kế hoạch của mình. Mọi việc rất đơn giản. Tất nhiên hành động như vậy là quá liều lĩnh, nhưng biết làm sao được! Bao tố rõ ràng là đang hoành hành, gầm thét, nhưng một kỹ sư giỏi giang và dũng cảm như Cyrus Smith sẽ biết điều khiển thành thạo khí cầu. Còn Pencroff trong đời thủy thủ của mình, anh đã gặp bão quá nhiều. Nó không có làm anh sợ hãi. Tuy nhiên, nếu biết điều khiển quả khí cầu thì anh ta đã không do dự cho Harbert cùng bay đi lâu rồi.

Cyrus Smith im lặng nghe. Đôi mắt của ông sáng lên. Điều kiện thuận lợi là quả khí cầu này đây. Không lẽ lại bỏ qua cơ hội này. Kế hoạch rất mạo hiểm, nhưng chính vì vậy nó mới hoàn toàn có thể thực hiện được. Mặc dù có lính bảo vệ, nhưng ban đêm họ sẽ lên đến khí cầu, chui vào giỏ treo, sau đó cắt đứt các sợi dây cáp neo! Dĩ nhiên, họ có thể mất mạng như chơi.

- Tôi không đi một mình! – kỹ sư vẫn tắt kết bằng những điều suy nghĩ của mình.

- Ngài muốn mang theo bao nhiêu người? – chàng thủy thủ hỏi.

- Hai. Anh bạn Spilett của tôi và người đầy tớ tên Nab.
- Vậy là ngài có ba người. – Pencroff nhận xét – còn tôi mang theo Harbert nữa. Cộng tất cả là năm người. Khinh khí cầu được chuẩn bị cho sáu người bay.
- Tuyệt lắm! Chúng tôi sẽ bay! – Cyrus Smith thốt lên.
Ông ta nói “chúng tôi” có nghĩa là hứa hẹn thay cho nhà báo Spilett. Thật vậy, Gédéon Spilett là người gan dạ, khi được biết về kế hoạch chạy trốn anh ta hưởng ứng liền.
- Có thể là trước khi trời tối – Pencroff nói – cả năm người chúng ta cùng la cà quanh quả khinh khí cầu, làm bộ như tò mò đứng xem.
- Trước lúc trời tối! – Cyrus Smith khẳng định. – Chúng ta sẽ gặp nhau vào lúc mười giờ. Dù bão chưa tan, chúng ta vẫn cứ bay.

Pencroff tạm biệt kỹ sư Smith và trở về phòng mình, ở đó Harbert Brow đang đợi anh. Chú bé dũng cảm đã biết những ý đồ của người thủy thủ và bình tĩnh chờ đợi kết quả công việc của anh với viên kỹ sư.

Smith đi bách bộ hàng giờ trên quảng trường hầu như không một bóng người, vừa đi vừa quan sát quả khinh khí cầu. Pencroff cũng làm như thế, hai tay đút túi quần, anh đi đi lại lại, thỉnh thoảng anh lại ngáp, làm như mình quá bộ đến đây vì không biết làm sao để giết thì giờ. Kỳ thực Pencroff cũng nơm nớp lo vỏ khinh khí cầu bị vỡ

tung hoặc giả những sợi dây cáp bị đứt và nó sẽ bay vút lên trời. Trời bắt đầu tối. Màn đêm buông xuống mịt mù. Làn sương dày đặc bao phủ trên mặt đất như những đám mây. Trời đổ mưa tuyết, giá lạnh.

Lúc chín giờ rưỡi, Cyrus Smith và những người chạy trốn bí mật đến quảng trường. Trời tối như mực, vì gió đã thổi tắt hết mọi ngọn đèn thấp bằng hơi đốt. Cả đến hình dáng của quả khí cầu to tướng cũng không thấy đâu. Ngoài các bao tải được buộc vào lưới bảo hiểm ra, giỏ treo của khí cầu còn được neo bằng một sợi cáp chắc chắn, luồn vào một cọc sắt chôn xuống đất, hai đầu cáp cột vào chiếc giỏ treo.

Năm tù binh đã gặp nhau ở sát bên chiếc giỏ treo của khí cầu ấy. Không ai trông thấy họ cả, trời tối đến nỗi chính họ cũng chẳng nhìn thấy nhau.

Cyrus Smith, Gédéon Spilett, Nab và Harbert, chẳng nói chẳng rằng trèo lên giỏ treo của khí cầu, còn Pencroff thì lần lượt tháo từng bao tải ra theo sự hướng dẫn của viên kỹ sư. Chỉ sau mấy giây đồng hồ, người thủy thủ ấy đã nhập chúng vào với những người bạn của mình.

Bây giờ quả khí cầu chỉ bị một sợi dây cáp níu giữ nữa thôi, và Cyrus Smith sắp điều khiển nó bay lên.

Bỗng lúc ấy có một con chó nhảy vào giỏ treo của khí cầu. Đây là con Top của viên kỹ sư. Nó đã giằng đứt xích và chạy theo

chủ. Sợ con chó sẽ làm tăng thêm trọng tải vô ích, Cyrus Smith định đuổi nó xuống.

- Không sao! Ta mang cả chó theo! – Pencroff nói và quăng bớt hai cái bao trong thùng ra.

Sau đó anh ta tháo cáp và quả khí cầu vọt bay lên hướng chênh chếch tránh đụng vào hai cột ống khói.

Trận bão đã hoành hành với mức độ dữ dội nhất. Ban đêm, chẳng thể nào nghĩ đến chuyện hạ xuống đã đành, nhưng ngay cả ban ngày thì cũng không thấy gì hết, vì màn sương bao phủ dày đặc. Mãi sang ngày thứ năm, qua một luồng ánh sáng rọi xuyên những lớp mây đen bên dưới khí cầu, đang bị gió xô đẩy với một tốc độ kinh khủng, những người chạy trốn mới nhìn thấy biển. Trong số năm người, ngày 20 tháng ba ngồi trên khí cầu để trốn đi thì có bốn người vào ngày 24 tháng ba đã bị bão quăng lên vùng bờ biển hoang vắng, cách Richmond sáu ngàn dặm, còn một người mất tích. Đó là kỹ sư Smith. Những người sống sót lo tìm cách cứu ông – người đã trở thành thủ lĩnh của họ một cách tự nhiên.

Jules Verne

Hòn đảo bí mật

Nguyễn Văn Cửa phỏng dịch

Chương 2

Nơi cư ngụ tạm thời

- Tiến lên! – nhà báo kêu to.

Thế là bốn người – Gédéon Spilett, Harbert, Pencroff và Nab – quên cả đói và mệt, lao vào cuộc tìm kiếm người bạn đồng hành của mình.

Chú Nab tội nghiệp đã khóc vì tức giận và thất vọng, anh ta cho rằng mình đã bị mất một vị chủ nhân cao quý nhất trên đời.

Từ lúc Cyrus Smith mất tích đến giờ chưa đầy hai phút, vì vậy những người bạn đi cùng với ông ta, sau khi vào được bờ, vẫn còn có thể hy vọng kịp thời cứu kỹ sư.

- Phải tìm ông ấy! – Nab kêu toáng lên.

- Đúng thế, Nab ạ! – Gédéon Spilett đáp.

Viên kỹ sư đã mất tích ở vùng biển phía bắc, cách nơi những người bị quăng xuống mặt đất chừng nửa hải lý. Nếu ông ta kịp vào được bãi cát gần nhất có nghĩa là ông đã phải đi được nhiều nhất là nửa hải lý.

Đã sáu giờ chiều. Sương mù dày đặc, trời tối mịt. Những người đào thoát bằng khí cầu bị tai nạn đi về phía bắc, dọc theo bờ phía đông mảnh đất mà số phận đã đẩy họ đến. Đây là vùng đất họ hoàn toàn không quen biết, càng không thể dự đoán vị trí địa lý của nó.

Lúc ấy đoàn du khách mới quanh qua đầu mũi biển và đi tiếp trên nền đất pha cát đá. Nhưng Pencroff nhận thấy bờ biển mỗi lúc một dẹt đứng.

- Chúng ta đã lạc vào một hòn đảo nhỏ rồi! – Pencroff nói – Và ta đã đi hết hòn đảo, từ đầu này đến đầu kia.

Ban đêm trời trở lạnh. Những người chạy trốn rủi ro bị tê cóng, nhưng hầu như họ không để ý đến nỗi khốn khổ của mình.

Đêm đầu tiên trôi qua, sang ngày 25 tháng ba, khoảng sáu giờ rưỡi, mặt trời mọc, sương mù mỗi lúc một mỏng hơn. Chẳng bao lâu toàn bộ hòn đảo nhỏ hiện rõ dần. Sau đó, trong màn sương mù hiện ra một vùng biển hình bán nguyệt màu xanh thẫm, phía đông mênh mông, phía tây có bờ dốc đứng thẳng bằng đá hoa cương. Hy vọng bên ấy là vùng đất liền, là nơi cứu thoát, những người khách viễn du đã đợi thủy triều xuống, bơi qua eo biển sang đó. Nab và Spilett đi dọc theo bờ biển, tiếp tục tìm kỹ sư Smith.

Harbert định đi cùng họ, nhưng Pencroff ngăn lại:

- Đừng đi chú bé! Anh cần chú chuẩn bị chỗ trú ẩn và kiếm thức

ăn. Khi các bạn của chúng ta trở về, họ cần phải được bồi dưỡng.

- Em đồng ý, anh Pencroff. – Harbert đáp.

- Thế thì tốt lắm! – chàng thủy thủ khen – Chúng mình mệt rồi, lại bị đói, rét hành hạ. Thành thử, mọi người cần có chỗ ở, lửa và thức ăn. Cũi trong rừng chắc là vô khối, ở đó còn có tổ chim. Ta sẽ lấy trứng, vậy là chúng ta chỉ việc kiếm chỗ ở nữa thôi.

Harbert đã để ý thấy một vách đá phủ đầy rong – có lẽ lúc triều lên chúng đã bị ngập dưới biển. Trên những vách đá ấy, xen giữa những đám cỏ biển trơn trượt có rất nhiều sò bám vào. Đó là loài giáp xác ruột mềm có thể ăn được. Harbert lên tiếng gọi Pencroff, anh ta chạy lại ngay.

- Ô, hén đây rồi! – chàng thủy thủ thốt lên – Trong lúc mình chưa kiếm được chim thì đã có thứ này thay cho trứng chim rồi.

- Đây không phải là hén đâu. – Harbert chăm chú quan sát những con sò và nhận xét. – Đây là những con sò.

- Thế thứ này có ăn được không? – Pencroff hỏi.

- Còn phải nói! Thử đi! Ngon cực kỳ.

- Thế thì ta nếm thử con sò xem sao.

Chàng thủy thủ có thể hoàn toàn trông cậy vào Harbert. Cậu bé đã tỏ ra rất am hiểu về kiến thức tự nhiên và luôn luôn say mê môn ấy. Người cha quá cố đã hướng dẫn cậu đi vào con đường này và tạo điều kiện cho cậu được học với những giáo sư nghiên cứu tự nhiên xuất sắc nhất của thành phố Boston. Cậu bé thông

minh và cần mẫn ấy đã lập tức được các thầy giáo yêu mến.
Pencroff và Harbert ăn thả cửa những con sò hé mở vỏ dưới ánh sáng.

Trong khi đi về phía nam chừng hai trăm bước họ phát hiện ra một khe núi. Nơi đó, đúng như Pencroff nghĩ, có một con sông nhỏ hẹp nhưng đầy nước đang chảy. Bên cạnh một bức tường đá hoa cương dường như bị nứt ra do chấn động địa chất. Cửa khe tạo thành một cái vịnh nhỏ hình tam giác.

- Ở đây có nước, còn đằng kia có củi! – Pencroff thốt lên –
Harbert này, thế là bây giờ ta chỉ còn thiếu căn nhà nữa thôi!
Con sông nhỏ nước trong vắt, Pencroff tin chắc rằng nước rút, sóng biển không dâng tới thì nước sông ngọt và có thể uống được.

Cách cửa sông không xa lắm, họ đã tìm được một đồng đá tảng xếp chồng rất độc đáo. Những công trình thiên nhiên như thế hiếm khi nào bắt gặp trên những vùng đá hoa cương.

Nghiên cứu “mê cung” ấy, Pencroff và Harbert đã đi khá sâu vào bên trong vách đá theo lối nhỏ rải đầy cát, ánh sáng lọt vào đây qua những khe hở giữa các tảng đá được sắp xếp cân đối một cách kỳ diệu. Tuy nhiên lọt qua các khe không phải chỉ có ánh sáng mà cả gió nữa. Nhưng Pencroff đã quyết định, nếu chặn vài lối, lấy đá bịt các lỗ thì “căn nhà ổ chuột” – như anh ta gọi, – cũng có thể làm nơi trú ẩn được.

- Chỗ ở dễ thương ghê! – Pencroff nói.

Harbert thốt lên:

- Chúng mình lo liệu chốn này sao cho kha khá một chút. Trước tiên ta phải xây một cái lò ở hành lang bên trái và khoét rộng cái lỗ ở trên để cho khói thoát ra.

- Này, chuyện lò xây thì chả khó gì đâu, cậu bé thân mến ạ! – chàng thủy thủ nói – Nhưng việc đầu tiên là hãy đi kiếm củi dự trữ đã. Anh nghĩ cành hay củi cũng có ích, ta sẽ dùng nó để che các khe hở lại.

Việc kiếm củi hoá ra rất dễ, thậm chí chẳng cần phải bẻ những cành khô – củi nằm đầy trên mặt đất.

Họ tranh thủ làm một chiếc bè. Một giờ sau họ hoàn thành công việc chắt toàn bộ số củi nhặt được lên đó và đẩy bè ra phía bờ sông, đợi khi nước xuống sẽ thả cho bè trôi.

Còn vài giờ nữa nước mới bắt đầu xuống. Để giết thời gian, Pencroff và Harbert đã trèo lên các vách đá và tìm thêm nguồn thức ăn. Trong các hẻm, hốc ở đây có đến hàng trăm loài chim làm tổ, nhiều nhất là loài bồ câu núi.

Pencroff và cậu bé bắt đầu xem xét thật cẩn thận tất cả các hẻm, hốc giữa các tảng đá hoa cương; trong tổ có trứng thật. Họ nhặt vài chục trứng bồ câu, đem bọc vào khăn tay của chàng thủy thủ. Sau đó, họ theo sườn núi đi về phía dòng sông, đến chỗ để củi, chuẩn bị thả bè.

Pencroff kiểm dây leo khô, bện thành một sợi dây dài vài sải tay, xong anh buộc nó vào phía sau bè, đầu kia chàng thuỷ thủ dùng tay nắm giữ, còn Harbert thì cầm một cây sào dài đẩy chiếc bè từ bờ ra giữa lòng sông.

Pencroff vừa đi trên bờ, vừa giữ sợi dây cho chiếc bè chở nặng trôi theo dòng nước, khoảng hai giờ sau, chiếc bè về đến cửa sông gần nơi tạm trú của họ.

*

* *

Vừa bốc xong củi trên bè xuống, việc Pencroff quan tâm đầu tiên là biến hẻm đá thành nơi tạm trú hoặc có khả năng sẽ thành nơi trú ẩn lâu dài. Anh che kín các hành lang để khỏi bị những cơn gió lùa vào, Pencroff và Harbert dùng cát, đá, những tấm phen đan bằng cành cây và trét đất sét nhão để bịt chặt các hành lang thông gió, chỉ chừa lại một lối hẹp, ngoằn ngoèo nối với hành lang bên cạnh để làm ống khói, tạo sức hút cho bếp lò. Bây giờ Hang ngụ cư đã có ba, bốn “phòng”. Ở đây khô ráo, và có thể đứng thẳng người, ít nhất là trong “phòng” lớn nhất nằm ở chính giữa. Nền đất chỗ nào cũng rải cát mịn.

Công việc sửa sang nơi ở mới đã mau chóng kết thúc. Chỉ còn lại việc đắp lò và chuẩn bị bữa trưa. Họ đã xếp những viên đá thành một cái bếp bên cạnh ống thông khói khuất sâu trong hành lang đầu tiên, phía bên trái. Chàng thuỷ thủ bắt đầu chất củi và các

cành khô nhỏ vào bếp lò. Anh ta chưa kịp hoàn tất công việc thì đột nhiên Harbert hỏi:

- Để nhóm bếp và đốt lò sưởi, chúng ta phải có diêm chứ?
- Dĩ nhiên! – Pencroff đáp – Không có diêm, không có đá đánh lửa thì chết mất.
- Hoàn toàn không đâu. Chúng ta vẫn có thể lấy được lửa bằng cách cọ xát những viên đá cứng như những người hoang sơ từng làm ấy! – Harbert không chịu chấp nhận lập luận của Pencroff.
- Không! Tốt hơn hết là nên nhóm lửa bằng diêm. Ủa, hộp diêm đâu rồi?

Pencroff lục tìm hộp diêm trong túi áo bludông mà theo thói thường của người nghiện thuốc lá, không khi nào anh rời xa được. Nhưng chẳng thấy nó đâu cả.

- Tai họa thật rồi! – Pencroff nói, bối rối nhìn Harbert – Chắc là nó đã rơi khỏi túi khi bay. Anh đã đánh mất hộp diêm. Còn em cũng không có gì ư, Harbert?

- Không, anh Pencroff. Em không có gì cả!

Chàng thủy thủ, và theo sau là Harbert, ra khỏi chỗ ở, Pencroff bực tức lau trán.

Hai người cần mẫn tìm kiếm trên cát và giữa các khe đá bên bờ sông, nhưng vô ích. Cái hộp con bằng đồng mà Pencroff đựng diêm trong đó có lẽ đã mất thật rồi.

Harbert im lặng. Việc mất hộp diêm tất nhiên là một sự kiện đau

lòng, nhưng cậu bé hy vọng rằng bằng cách này hay cách khác, thế nào rồi cũng sẽ tìm ra cách lấy được lửa. Nhưng lúc này họ đành phải đợi Nab và nhà báo trở về. Còn đãi họ món sò sống thì chắc chắn họ sẽ không thích.

Đề phòng trường hợp không thể nhóm lửa được, chàng thủy thủ và Harbert đã bổ sung thêm số sò dự trữ, sau đó họ im lặng đi về chỗ của mình.

Gần sáu giờ, mặt trời đã khuất sau đỉnh núi cao phía tây. Harbert lững thững đi trên bờ biển, cậu thấy có hai bóng người đi lại, vô cùng mừng rỡ, cậu reo lên báo tin cho Pencroff là Nab và Gédéon Spilett trở về. Nhưng khi chợt nhận ra họ chỉ có hai người!... Tim cậu bé thất lại với một nỗi buồn khôn xiết.

Sau khi nghỉ ngơi để lấy lại sức, nhà báo cho biết cuộc tìm kiếm Cyrus Smith không đem lại kết quả. Cùng với Nab, anh đã đi dọc bờ biển hơn tám dặm, như vậy là họ đã tìm trong phạm vi rất rộng xung quanh nơi mà viên kỹ sư và con chó Top của ông đã bị mất tích nhưng không may may thấy một dấu vết nào về sự có mặt của ông.

- Ôi, tôi kiệt sức rồi! – Nab khẽ nói.

Harbert chạy đến chỗ anh và an ủi.

- Anh Nab. – cậu bé nói – Đừng thất vọng! Thượng đế sẽ trả ông ấy về với chúng ta! Còn bây giờ anh hãy bình tĩnh lại, hãy nghỉ đi, anh bị đói rồi. Hãy bồi dưỡng một chút đi. Em mời anh ăn

đấy.

Vừa nói những điều ấy, cậu bé vừa để trước mặt Nab tội nghiệp mấy vốc sò.

Đã nhiều giờ trôi qua, Nab không ăn gì, bây giờ anh lại từ chối dùng bữa. Bị mất ông chủ kính yêu, anh thấy mình không thiết sống nữa!

Còn Gédéon Spilett thì từ tốn ăn không ít những con sò biển rồi nằm trên lớp cát dưới chân một tảng đá. Anh cũng bị kiệt sức lắm rồi, tuy còn bình tĩnh. Harbert bước lại chỗ anh và nói:

- Thưa ông Spilett, cháu và anh Pencroff đã tìm được một nơi tạm trú, ông về đó nghỉ sẽ tốt hơn ở đây nhiều. Đêm đã bắt đầu xuống rồi. Ta đi nào! Ông cần nghỉ ngơi đã! Còn ngày mai chúng ta sẽ tính xem mình nên làm gì.

Nhà báo đứng dậy và Harbert dẫn anh ta về Hang ngụ cư.

Lúc ấy Pencroff đi lại chỗ Spilett và bằng một giọng rất tự nhiên anh hỏi xem anh ta có tình cờ giữ được que diêm nào không.

Nhà báo đứng dậy sờ nắn các túi, nhưng không tìm thấy gì cả.

Anh đáp:

- Diêm thì tôi đã từng có đấy, nhưng chắc là tôi vứt đi mất rồi...

Khi ấy Pencroff mới hỏi đến Nab, và cũng được trả lời y như vậy.

Nab đau khổ nhắc lại:

- Giá ông chủ tôi có ở đây thì ông ấy đã biết cách lấy được lửa.

Cả bốn người lặng đi, họ lo lắng nhìn nhau. Harbert là người đầu tiên lên tiếng phá vỡ sự im lặng nặng nề.

- Thừa ông Spilett, ông là người thường hút thuốc. Lúc nào cũng mang diêm theo chứ! Xin ông hãy tìm kỹ cho! Chúng ta chỉ cần một que diêm là đủ.

Nhà báo lục tìm một lần nữa trong các túi áo gilê, túi quần, túi áo măng tô và cuối cùng, đã nắn thấy một que diêm mảnh mai ở dưới lớp áo lót gilê. Anh cảm nhận được que diêm qua lớp vải và dùng mấy ngón tay giữ chặt nó, nhưng không rút ra được.

- Ông hãy để cháu lấy ra nhé? – Harbert nói.

Cậu bé rút que diêm ra khỏi lớp vải lót áo gilê một cách nhanh chóng và nó còn nguyên vẹn. Que diêm chẳng đáng giá là bao trước đây nhưng bây giờ nó rất quý báu đối với họ. Đầu diêm không bị xây xát gì hết.

- Que diêm! – Pencroff kêu lên – Tôi mừng tưởng như có cả một xe diêm vậy!

Điều trước tiên chàng thủy thủ khẳng định là que diêm hoàn toàn khô.

Vài giây sau đã nghe thấy tiếng củi kêu lách tách, và trong đêm ánh lửa reo vui vẻ, chàng thủy thủ ra sức thổi cho nhúm lửa cháy bùng lên.

- Có thể chứ! – Pencroff kêu lên và đứng dậy – Tôi kiệt sức mất rồi! Chưa bao giờ tôi hồi hộp đến như thế.

Thật là vui sướng khi nhìn thấy ngọn lửa cháy rực trong bếp lò làm bằng mấy viên đá phẳng xếp lại. Khói thoát ra thoải mái qua một đường hẹp, chẳng bao lâu không khí ẩm áp dễ chịu lan toả khắp Hang ngụ cư. Chuyện duy trì ngọn lửa tất nhiên là phải chú ý; đó là tất cả tài sản họ có được lúc này; bao giờ họ cũng vùi vùi hòn than hồng dưới một lớp tro khô.

Pencroff biết đến năm mươi hai cách làm món trứng, nhưng ở đây anh không được chọn lựa, anh đành phải đem trứng vùi vào tro nóng đến lúc nào chín thì lấy ra.

Vài phút sau, chàng thuỷ thủ mời Gédéon Spilett cùng ăn bữa tối đầu tiên của những người chạy trốn bằng khinh khí cầu và gặp tai nạn. Những quả trứng hoá ra rất ngon và do trứng chứa nhiều chất bổ cần thiết cho con người, nên các vị khách viễn du không may đã được bồi dưỡng tốt và chẳng bao lâu họ cảm thấy khoẻ khoắn ra.

Thế là ngày 25 tháng ba trôi qua. Đêm xuống. Từ bên ngoài vẳng lại tiếng gió hú và tiếng sóng biển dội vào bờ không ngớt. Sóng cuốn xô vào vách đá và thét gào dữ dội.

Sau khi ghi vộ vào cuốn sổ tay những sự kiện của một ngày ngụ cư trên vùng đất không quen biết, nhà báo nằm vào một góc hành lang tối và thiếp đi.

Harbert cũng ngủ ngay sau đó. Chàng thuỷ thủ thì “ngủ nửa mắt” bên bếp lò, vì anh không quên nhiệm vụ chất củi vào bếp.

Còn Nab thì suốt đêm lang thang trên bờ biển và gọi ông chủ của mình, mặc dù các bạn anh hết lời khuyên anh nằm ngủ một lát để giữ gìn sức khỏe.

*

* *

Tài sản của các nhà du hành bị nạn chẳng còn gì ngoài bộ quần áo mặc trên mình. Tuy nhiên, do một sự tình cờ Gédéon Spilett còn giữ được nguyên vẹn chiếc đồng hồ và cuốn sổ ghi chép, không ai giữ được vũ khí, dụng cụ cá nhân, thậm chí một con dao nhíp nhỏ. Các du khách đã vứt bỏ hết mọi thứ ra khỏi giỏ treo để giảm bớt lượng tải của khí cầu khi nó bị mất hơi gas. Trước khi định cư trên bờ biển các du khách lại cần biết họ bị rơi xuống chỗ nào? Ở vùng này có người sinh sống không? Hay đây là bờ biển hoang?

Một vấn đề quan trọng như thế cần phải được làm sáng tỏ càng sớm càng tốt. Tất cả những phương sách mà các lữ khách của chúng ta có thể thực hiện đều tùy thuộc vào điều ấy.

Để sinh sống tạm thời thì chỗ này có thể cho là tương đối tốt.

Lửa nhóm được, giữ lửa bằng cách ủ than hồng dưới lớp tro cũng không khó lắm. Sò trên bờ biển và trứng bồ câu rừng trên các vách núi là nguồn lương thực không bao giờ cạn. Bồ câu lượn hàng trăm con trên bầu trời, có thể dùng gậy hoặc ném đá sẽ giết được vài con. Chắc chắn ở khu rừng bên cạnh có những loại cây

ăn quả được. Cuối cùng, ngay sát bên cạnh nơi họ ngụ cư có con sông nước ngọt chảy qua. Nói tóm lại, họ đã quyết định ở lại thêm ít ngày nữa và lo việc chuẩn bị các cuộc thám hiểm nghiên cứu bờ biển và các vùng lân cận.

Sáng ngày 26 tháng ba, sau khi điếm tâm cũng vẫn với trứng chim bồ câu, sò và thêm ít muối mà Harbert tìm được trong một trũng đá. Nab lại ra bờ biển tìm viên kỹ sư, nhà báo trông lửa, còn cậu bé và chàng thuỷ thủ vào rừng săn thú.

Suốt ngày rình rập trong các bụi rậm, Harbert đã ném được một vài con chim zhakamar, và Pencroff bắt được những con chim tetras. Hai anh em hài lòng thấy mình không đến nỗi trắng tay nên đã nhanh chân trở về nơi ngụ cư làm bữa tối cho cả đoàn.

*

* *

Bảy giờ tối, vẫn chưa thấy Nab trở về. Việc anh ta vắng mặt làm cho Pencroff rất lo lắng. Chàng thuỷ thủ sợ có tai hoạ gì đấy xảy ra với Nab trên vùng đất không quen biết này. Nhỡ chàng Nab tội nghiệp trong khi thất vọng đã gặp chuyện gì đó không may thì sao? Nhưng Harbert lại có những kết luận hoàn toàn khác về sự vắng mặt lâu của Nab. Cậu tin rằng nếu Nab không trở về nghĩa là có điều gì đó đã thôi thúc anh ấy tiếp tục những cuộc tìm kiếm, nghĩa là đã xuất hiện những tình huống nào đó tất nhiên thuận lợi cho Cyrus Smith. Có thể là anh đã gặp được một

dấu vết nào đó. Thậm chí anh có thể đã tìm thấy ông chủ của mình.

Harbert suy nghĩ và phát biểu như vậy. Các bạn đồng hành không phản đối cậu bé. Thậm chí nhà báo còn gật đầu tán thành. Trời tối, thời tiết lại xấu, không thể tìm được Nab, họ thấy tốt hơn hết cứ đợi anh ta ở nơi ngụ cư này. Nếu như sáng ngày hôm sau anh da đen không trở về thì Pencroff cùng Harbert sẽ đi tìm Nab.

Gédéon Spilett đồng ý với ý kiến của chàng thủy thủ và khuyên họ không nên tách rời nhau.

Vừa lúc ấy bão táp lại bùng lên...

Sau bữa tối, mỗi người lại vào chỗ góc tối qua họ đã ngủ. Tất nhiên cậu bé Harbert ngủ trước tiên. Cậu ngả lưng ngay cạnh chàng thủy thủ. Còn chàng thì nằm bên đồng lửa...

Duy chỉ có Gédéon Spilett là không thể chợp mắt được. Anh trách mình tại sao đã không đi cùng với Nab. Những linh tính làm cho Harbert lo âu, giờ đây làm cho chính anh thắc thỏm.

Thỉnh thoảng anh không chống đỡ nổi cơn mệt mỏi anh nhắm mắt lại trong giây lát, nhưng ngay lập tức, một ý nghĩ thoáng nảy ra trong đầu đã thức tỉnh anh.

Thời gian cứ trôi đi. Lúc ấy chắc đã hai giờ sáng, Pencroff đang ngủ say, bỗng có ai đó lắc vai anh.

- Ai đấy? – Pencroff choàng dậy...

Nhà báo cúi xuống khẽ nói với anh:

- Hãy lắng nghe, Pencroff, hãy lắng nghe!

Chàng thuỷ thủ chăm chú lắng nghe, nhưng không thấy gì cả ngoài tiếng gió ù ù.

- Anh vừa nghe thấy gì?

- Tiếng chó sủa.

- Tiếng chó sủa à? – Pencroff thốt lên và đứng phắt dậy. – Không phải!... Bão giạt đó thôi...

- Nó lại sủa đấy! Anh lắng nghe đã. – nhà báo nói nhanh.

Pencroff để tai lắng nghe và quả thực trong khoảnh khắc lặng gió hình như anh đã nghe thấy tiếng chó sủa từ xa vọng lại.

- Thế nào? – nhà báo thì thào, siết chặt tay Pencroff.

- Đúng, đúng! Đó là tiếng của con Top!

- Con Top! – Harbert vừa thức dậy, nghe vậy kêu lên, và cả ba người từ trong Hang lao ra cửa.

Trong lúc cơn gió ào qua họ không thể nào nói với nhau được điều gì. Chàng thuỷ thủ chỉ biết nắm chặt lấy tay Gédéon Spilett như muốn nói với anh ta: “Hãy đợi nhé!” Rồi chàng biến mất vào trong hang đá.

Lát sau, chàng bước ra, tay cầm một bó củi đang cháy và múa lên trong đêm tối.

Con chó hình như chỉ đợi có tín hiệu ấy: tiếng sủa của nó nghe gần hơn, và chẳng bao lâu nó đã chạy xộc vào lối đi trong hang,

Pencroff, Harbert và Gédéon Spilett vội vã đi theo nó...

- Top! Đúng là con Top! – Harbert kêu to.

Nhưng con Top chỉ chạy về đây một mình. Chủ nó lẫn Nab đều không thấy đâu.

Harbert gọi con Top lại, hai tay nắm chặt lấy mõm nó. Được vuốt ve, con chó mừng lắm, nó vươn cổ lên, giúi đầu vào tay cậu bé.

- Một khi đã tìm thấy con chó thì cũng sẽ tìm thấy chủ của nó thôi! – Gédéon nói.

- Cầu trời phù hộ cho họ! – Harbert hưởng ứng – Chúng ta đi mau lên! Con Top sẽ biết cách dẫn đường.

Pencroff không phản đối cậu bé điều gì. Anh cảm thấy con Top xuất hiện sẽ bác bỏ mọi điều phỏng đoán mơ hồ của anh.

- Lên đường! – anh hô to.

Trong lúc đi đường, khi Harbert nhắc đến cái tên Cyrus Smith, con Top lại sủa gâu gâu, dường như nó muốn cho mọi người biết chủ của nó còn sống.

- Ông ấy còn sống! Đúng như vậy mà, phải không Top? Đúng hả? – Harbert khẳng định với một vẻ xúc động – Ông ấy thoát nạn rồi!

Con chó khẽ rít lên, như khẳng định những điều cậu bé nói. Họ đi tiếp qua những vách đá và dãy núi thấp tiếp tục tìm kiếm suốt đêm.

Sáu giờ, trời sáng hẳn. Mây tan dần. Pencroff và các bạn đồng hành đã đi được gần sáu dặm bờ biển. Giờ đây họ đang đứng trên bờ cát phẳng. Cách đó không xa, phía dưới biển có dãy đá ngầm thoáng nhô trên đầu sóng một chút, nước triều đã dâng đầy...

Bỗng lúc này con chó chạy rồ rít, lúc phóng lên trước, lúc quay trở lại. Rồi nó chạy đến chỗ Pencroff, như muốn khẩn nài anh hãy nhanh chân. Đoạn nó rẽ ngoặt sang một bình nguyên. Và, bằng sự nhạy cảm tuyệt vời, không chút do dự nào hết, nó chạy đi giữa các đụn cát.

Tất cả cùng bám sát theo nó... Sau khi từ bờ rẽ theo con đường mà Top hướng dẫn. Đi sâu vào được chừng năm phút, nhà báo và các bạn đồng hành của anh đã đến trước một cái hang không sâu lắm. Con Top dừng lại và sủa inh lên, Spilett, Harbert và Pencroff chui vào trong hang.

Ở đó, Nab đang quỳ gối, cúi mình xuống một người sóng soài trên một vạt cỏ.

Mọi người đều nhận ra người nằm bất động ấy là Cyrus Smith.

Jules Verne

Hòn đảo bí mật

Nguyễn Văn Cửa phỏng dịch

Chương 3

Kỹ sư Cyrus Smith

Nab không động đậy. Chàng thủy thủ chỉ hỏi anh một lời.

- Sống?

Nab không đáp lại điều gì, Gédéon Spilett và Pencroff lặng người đi. Harbert đứng bên mặt tái xanh, hai tay cậu nắm chặt. Nhà báo quỳ xuống bên cái xác nằm sóng sượt, phanh quần áo trên người Cyrus Smith ra và áp tai vào ngực ông. Một phút sau – tưởng chừng như lâu lắm – anh mới nghe thấy tim ông đập yếu ớt.

Nab ngẩng đầu lên và ngơ ngác nhìn quanh. Mặt anh mất hết thần sắc – anh trở nên tiều tụy và đau khổ quá đỗi. Bởi anh tưởng Cyrus Smith đã chết.

Gédéon Spilett chăm chú nhìn Cyrus Smith hồi lâu, rồi đứng lên nói:

- Còn sống!

Khi ấy, Pencroff quỳ xuống, áp tai vào ngực Cyrus Smith và

cũng nghe thấy tiếng tim ông đập yếu ớt, thậm chí còn cảm thấy hơi thở rất nhẹ của ông nữa.

- Nước! – nhà báo nói ngắn gọn. Harbert lao đi tìm nước. Cách hang chừng trăm bước cậu bé tìm thấy một dòng suối nhỏ trong veo tuôn chảy trên bãi cát. Lúc ấy, cậu bé lấy khăn tay nhúng vào nước và phóng ngay về hang.

May sao, chiếc khăn tay ướt cũng đủ nước để Gédéon thấm nhẹ vào môi Cyrus Smith. Vài giọt nước mát lạnh đã tỏ rõ tác dụng kỳ lạ. Cyrus Smith đã hít thở sâu được và thậm chí định nói điều gì đó.

- Chúng ta sẽ cứu được ông ấy! – nhà báo kêu lên.

Những lời đó lại khơi dậy trong trái tim của Nab niềm hy vọng. Anh cởi hết áo quần của chủ, xem trên người ông có vết thương nào không. Nhưng không thấy chỗ nào bị xây xước, bầm dập. Mọi người hết sức ngạc nhiên, điều mà họ chắc chắn nhất là sóng biển đã cuốn ông ta qua những dãy đá ngầm, vậy mà người ông ta lành lặn như thể ông ta không hề bị va vào bãi đá kinh khủng ấy. Thậm chí trên tay ông ta họ cũng không thấy vết trầy xước. Lời giải thích về một sự kiện kỳ diệu nào đó chỉ còn chờ khi nào Cyrus Smith có thể nói được và kể hết những gì đã xảy ra với ông. Còn bây giờ phải làm cho ông sống lại đã. Chàng thủy thủ cởi chiếc áo và dùng hết sức mạnh chà lên cơ thể lạnh cóng của Cyrus Smith. Sau khi xoa bóp mạnh, anh làm cho người nạn

nhân ẩm lên. Ông ta khẽ động dấy được hai tay, hơi thở trở nên đều đặn hơn.

Đến đây Nab đã kể lại việc anh ta tìm thấy chủ như thế nào?

Hôm qua, lúc trời tảng sáng, anh ra khỏi nơi cư ngụ và tìm kiếm dọc theo bờ biển phía bắc, rồi anh đến nơi mà hôm trước anh đã đến... Anh ghé mắt nhìn vào từng trũng hẹp giữa các vách đá, chăm chú nhìn lên mặt bãi cát xem có dấu vết nào có thể giúp cho việc tìm kiếm của anh không. Anh xem xét chủ yếu là phần bờ biển không bị ngập nước, bởi vì những nơi thủy triều thường lên xuống, nhất định nước sẽ xóa hết mọi dấu vết.

Thế rồi bỗng nhiên hôm qua, gần năm giờ chiều tôi để ý thấy trên cát có những dấu chân người. Nab thay đổi thái độ khi kể lại diễn biến cuộc tìm kiếm và mọi người ai cũng ngạc nhiên.

- Những dấu chân người? – Pencroff kêu lên.

- Vâng! – Nab khẳng định.

- Thế những dấu chân ấy từ đâu đi tới? Từ phía những dải đá ngầm đi lên à? – nhà báo hỏi.

- Không, chỉ từ mép nước trở lên thôi, còn khoảng cách giữa nó và các dải đá ngầm thì chắc là bị nước biển xóa mất rồi.

- Kể tiếp đi, Nab! – Gédéon Spilett nói.

- Khi trông thấy những dấu vết ấy, tôi tưởng chừng như phát điên lên được. Những dấu chân in hình rất rõ và đi về hướng các đụn cát. Tôi chạy về phía đó độ một phần tư dặm. Tôi cứ bám

theo dấu chân nhưng cổ không giẫm lên chúng. Năm phút sau, khi hoàng hôn bắt đầu buông xuống thì tôi nghe thấy tiếng chó sủa. Đây là tiếng của con Top. Và chính nó đã dẫn tôi đến đây với chủ của tôi.

Khi ấy Nab đã nghĩ đến những người bạn của mình. Bên cạnh anh còn có con Top. Anh lại nghĩ, lẽ nào không nên trông cậy vào sự sáng trí của một con chó khôn, một người bạn trung thành như thế? Nab đã mấy lần nhắc đến tên của nhà báo cho nó nghe. Trong số những người bạn đồng hành của viên kỹ sư, con Top biết rõ Gédéon Spilett hơn cả. Sau đó, Nab chỉ tay về phía nam, thế là con chó phóng đi theo dọc bờ biển về hướng ấy...

Các bạn của Nab đã nghe anh kể chuyện với một sự chăm chú căng thẳng. Tuy nhiên, có điều không thể giải thích được là tại sao trên mình Cyrus Smith lại không có một vết xây xát nào, mặc dù ông ấy phải vật lộn hết sức vất vả và cật lực mới có thể thoát khỏi những con sóng bạc đầu sôi sục quanh các dải đá ngầm. Còn một điều khó hiểu nữa là Cyrus Smith trong tình trạng dở sống dở chết như vậy đã làm thế nào để có thể đi được trên một dặm từ bờ biển đến cái hang heo hút giữa các đụn cát?

- Nab này! – nhà báo hỏi – Thế không phải cậu đưa ông chủ cậu lên đây à?

- Không, không phải tôi!

- Như vậy ông Cyrus Smith đã tự đến đây? Mọi sự rõ ràng là như

vậy! – Pencroff nói.

- Đúng là như thế, nhưng mà thật khó tin! – Spilett nhận xét.

Điều này chỉ có riêng Cyrus Smith mới giải đáp được. Cần phải đợi khi nào ông ta tỉnh dậy và có khả năng nói chuyện thì mới sáng tỏ. May sao, sự sống đã trở lại với ông. Viên kỹ sư đã cử động được hai tay, rồi lắc đầu nói vài tiếng rời rạc.

Khi thấy những biểu hiện đó, sợ viên kỹ sư mệt. Mọi người ra hiệu cho ông nằm im.

Nhờ sự săn sóc ân cần của các bạn, Cyrus Smith đã tỉnh lại sớm hơn dự tính. Những giọt nước thấm vào đôi môi khô nẻ của ông đã có tác dụng tốt. Pencroff đã nảy ra một ý nghĩ thật hay là pha thêm vào đó một ít nước thịt ép từ chỗ thức ăn anh mang theo lúc đi đường. Harbert chạy ra bờ biển và mang về hai con sò to. Sau khi chế một thứ chất lỏng tựa như hợp dịch, chàng thủy thủ thận trọng rót vào miệng Cyrus Smith vài giọt, và ông ta nuốt lấy nuốt để.

Cuối cùng ông đã mở được mắt ra.

- Ngài Smith! Ngài Smith! – Nab gọi.

Cyrus Smith đã nghe thấy. Ông nhìn vào Nab và Spilett, rồi hai người bạn đồng hành khác của mình – Harbert và chàng thủy thủ, và ông bắt tay từng người một cách yếu ớt.

- Đảo hay đất liền? – ông khẽ hỏi.

- Quan tâm đến chuyện ấy làm gì! – không kiềm chế nổi,

Pencroff kêu lên – Cốt sao ngài còn sống là được rồi, thưa ngài Smith! Đảo hay đất liền! Rồi ta sẽ biết.

Viên kỹ sư khẽ gật đầu, ông đồng ý với anh ta, và rồi ông thiếp đi.

Gédéon Spilett ở lại trong hang để trông chừng cho Cyrus Smith ngủ, còn ba người kia, theo lời khuyên của chàng nhà báo, họ làm một chiếc cáng dùng để khiêng bệnh nhân về.

Toàn bộ công việc ấy làm họ mất bốn mươi phút, đến khi chàng thủy thủ, Nab và Harbert quay lại cửa hang với Cyrus Smith mà Spilett không rời một bước thì đã mười giờ sáng.

Cuối cùng, viên kỹ sư đã tỉnh lại sau một thời gian dài ngất lịm mê man. Trên gương mặt ông trước đó nhợt nhạt như sáp, bây giờ đã thấy ửng hồng. Ông chống khuỷu tay nhôm dậy và nhìn quanh ngơ ngác, như muốn hỏi mọi người ông đang ở đâu.

- Ngài có thể nghe tôi nói được không? – Spilett hỏi – Hay như vậy sẽ làm ngài mệt?

- Anh nói đi! – kỹ sư đáp.

- Theo tôi, nếu ngài Smith được nếm món thịt tetras chắc ngài sẽ khỏe hơn đôi chút – chàng thủy thủ góp ý – Mời ngài nếm thử đi, ngài Cyrus Smith. Đây là món thịt tetras đích thực đó, – anh nói thêm và đưa cho Cyrus Smith món thịt đông của mình.

Cyrus Smith ăn mấy miếng nhỏ còn các bạn ông lúc này bụng cũng đã đói vội chia nhau ăn nốt chỗ thức ăn còn lại và họ thấy

tuy khá là đậm bạc nhưng quả là ngon miệng.

Chàng thuỷ thủ nói:

- Xin thông báo để ngài Smith biết là ở phía nam chúng ta có một căn nhà riêng gồm ba phòng, có đệm cỏ và bếp lò, còn trong kho thì chúng ta có vài chục chú chim mà Harbert bắt được.

Cáng đã làm xong, chờ ngài phục hồi sức khoẻ, chúng tôi sẽ đưa ngài về nhà.

- Cảm ơn các bạn! – kỹ sư đáp – Tôi nằm đây một tiếng nữa là có thể lên đường được rồi. Còn bây giờ anh hãy kể mọi chuyện đi nào, Spilett.

Nhà báo thuật lại tất cả những gì xảy ra mà Cyrus Smith không hề hay biết.

- Như vậy có nghĩa là không phải các bạn đã tìm thấy tôi trên bờ.

– Cyrus hỏi bằng một giọng yếu ớt.

- Không! – Gédéon Spilett đáp.

- Vậy có nghĩa là không phải các bạn đã đưa tôi vào hang?

- Không.

- Thế từ dải đá ngầm đến đây có xa không?

- Độ nửa dặm biển – Pencroff trả lời – Thưa ngài Smith, ngài lấy làm lạ là không biết ngài đã lên đây bằng cách nào, còn chúng tôi lại càng thấy lạ hơn về chuyện ấy!

- Quả thật, lạ quá chừng! – viên kỹ sư nhận xét.

- Vậy đúng là sóng biển đã ném ngài lên bờ. – Pencroff nói – Và

ngài đã có đủ sức để lên được đây, bởi vì Nab đã tìm thấy những dấu chân của ngài trên cát mà.

- Phải... Đúng là phải như thế! – viên kỹ sư đáp, vẻ tư lự – Còn các dấu vết khác trên bờ không?

- Không có lấy một dấu vết nào khác. – nhà báo đáp – Mà nếu như bỗng nhiên có vị cứu tinh bí ẩn nào đấy đã xuất hiện vào giây phút khủng khiếp ấy thì tại sao ông ta lại bỏ mặc kỹ sư sau khi đã cứu kỹ sư thoát khỏi đại dương?

- Spilett thân mến, anh nói đúng. Nab, nghe đây. – kỹ sư nói thêm, nhìn chăm chặp người hầu của mình. – Có thể là do đau buồn mà đầu óc lúc ấy bị choáng váng, và chú đã quên mất... Ừ mà không, thật là một ý nghĩ vô lý... Thế những dấu vết ấy vẫn còn nguyên vẹn chứ? – Cyrus Smith hỏi.

- Vâng, một số dấu vết còn nguyên – Nab trả lời – Đằng kia, bên sườn cồn cát này những dấu vết ấy vì tránh được gió mưa vẫn còn. Còn tất cả những dấu vết khác bị bão xoá mất rồi.

- Pencroff, - Cyrus Smith nói – Anh lấy giùm đôi giày của tôi thử xem chúng có khớp với những dấu in trên cát không?

Chàng thủy thủ làm theo yêu cầu của viên kỹ sư. Anh cùng với Harbert đi theo Nab đến chỗ những dấu chân để lại trên cát.

Còn lại một mình với chàng ký giả, Cyrus Smith nói:

- Ở đây đã xảy ra điều gì đó không thể cắt nghĩa nổi!

- Hoàn toàn không thể giải thích được! – Gédéon Spilett thừa

nhận.

- Tạm thời ta sẽ không đi sâu vào những điều bí ẩn nữa, Spilett thân mến! Ta sẽ bàn đến chuyện này sau.

Một phút sau Nab và Harbert đã quay lại. Không có điều gì đáng nghi ngờ cả. Đế giày của Cyrus Smith hoàn toàn khớp với những dấu chân còn in nguyên vẹn trên cát. Vậy là, những dấu vết đó là của ngài Cyrus Smith.

- Thế thì tốt lắm! – viên kỹ sư nói – Tôi đã đi như người mộng du trên cát và con Top đã đưa tôi đến hang này theo linh cảm của nó.

Mọi người tán thành ý kiến của ông.

Họ mang chiếc cáng đã được lót bằng rêu và cỏ đến, đặt Cyrus Smith lên và khiêng ông ra bờ biển. Pencroff cầm đầu cáng trước, còn Nab giữ đầu sau.

Từ đây đến Hang ngụ cư phải mất tám dặm, nhưng vì khiêng bệnh nhân cần đi chậm, không vội vã, và chắc chắn là phải dừng nghỉ thường xuyên, nên họ tính phải sáu tiếng đồng hồ mới về đến nơi.

Đến năm giờ rưỡi chiều toán cáng thương về đến chỗ ngụ cư.

Mọi người dừng lại, hạ cáng xuống đất. Cyrus Smith không thức giấc. Ông ngủ rất say.

Thật xui xẻo cho họ, Pencroff thấy trận bão hoành hành đêm qua đã làm biến đổi hẳn quang cảnh quen thuộc.

Mặt đất ở trước lối ra vào chỗ ngụ cư của họ bị đào xới nát, – chắc chắn là những đợt sóng biển mạnh như trời giáng cũng đã xô đến chỗ các tảng đá này.

Một điều phỏng đoán khủng khiếp thoáng nảy ra trong đầu Pencroff, và anh ta lao vụt đến lối vào hang. Lập tức anh chạy ngay ra và đứng lặng bên cửa hang, hốt hoảng nhìn các bạn... Nơi bếp lò lửa bị tắt. Mặt đất ẩm ướt biến thành than bùn. Miếng giẻ để làm môi lửa đã biến mất. Sóng biển đã tràn vào tận sâu trong hành lang, mọi thứ ở đó bị lật nhào hết!

*

* *

Chàng thủy thủ thông báo vắn tắt cho Gédéon Spilett, Harbert và Nab biết về tai họa rủi ro đã xảy ra khi họ đi vắng.

Chàng nhà báo sau khi nghe những lời than vãn của Pencroff, đã trả lời một cách đơn giản:

- Pencroff, anh cứ tin rằng điều ấy không làm tôi quan tâm nhiều. Chẳng phải chúng ta đang có Cyrus Smith đó sao? – nhà báo nói tiếp – Ông kỹ sư của chúng ta bình yên vô sự mà. Ông ấy sẽ nghĩ ra được cách lấy lửa.

- Lấy từ cái gì?

- Từ cái không có gì!

Pencroff còn có thể trả lời được gì nữa về chuyện ấy? Anh im lặng, bởi vì tự đáy lòng anh cũng tin tưởng vào Cyrus Smith

không kém gì những người bạn của mình. Đối với họ, thà sống có Smith trên một hòn đảo không người còn hơn là ở một thành phố lớn và văn hoá nhất nước Mỹ mà lại thiếu ông. Có Cyrus Smith thì họ không thiếu thứ gì cả.

Sang ngày hôm sau, 28 tháng ba, viên kỹ sư thức dậy lúc gần tám giờ sáng, thấy các bạn đang đứng bên cạnh đợi mình tỉnh giấc, và cũng như hôm qua, câu đầu tiên ông hỏi là: “Đảo hay đất liền?”

Đúng là ý nghĩ ấy không để ông được yên.

- Chúng tôi làm sao biết được, thưa ngài Smith? – Pencroff đáp lại.

- Không biết à?

- Không ạ. Nhưng nhất định chúng ta sẽ biết sau khi cùng ngài xem xét địa hình ở đây. – Pencroff nói tiếp – Chúng ta sẽ leo lên ngọn núi cao nhất phía Tây và quan sát khắp vùng.

- Tôi đã xỉu vì bị kiệt sức đấy thôi. – Cyrus Smith nhận xét – Các bạn của tôi, hãy cho tôi ăn một chút gì đi rồi mọi việc sẽ ổn cả.

Chắc là các bạn có lửa chứ?

Chàng thủy thủ lúng túng, không trả lời ngay vào vấn đề tế nhị ấy. Cuối cùng chàng lấy hết tinh thần nói:

- Tai hoạ chính là ở chỗ đó, thưa ngài Smith! Chúng ta đã có, nhưng bị sóng biển cuốn mất hết cả rồi!

Và Pencroff đã kể lại chuyện xảy ra hôm trước. Từ cái cảnh họ

chỉ có mỗi một que diêm, rồi sau đó ý định lấy lửa theo lối người cổ xưa cũng không thành làm cho viên kỹ sư không khỏi bật cười.

- Chúng ta sẽ làm lại mọi việc – ông nói – Nếu như không tìm được thứ gì có thể làm bù nhui được thì...

Harbert mang đến cho ông mấy vốc sò và rong biển rồi nói bằng giọng có lỗi:

- Thức ăn chúng ta chỉ còn chừng này thôi thưa ngài Cyrus Smith.

- Chừng này cũng tốt rồi, cảm ơn cháu yêu quý – kỹ sư đáp – Bữa điểm tâm của tôi hôm nay thế là đủ.

- Thưa ngài Cyrus Smith, liệu ngày mai ngài có đủ sức để thực hiện một chuyến leo núi vất vả không ạ? – Harbert tỏ ra lo lắng.

- Tôi hy vọng là sẽ chịu đựng được. – viên kỹ sư đáp – Nhưng với điều kiện là Pencroff và cháu, cháu bé của ta, phải là những thợ săn thiện nghệ.

- Ngài Cyrus Smith! – chàng thủy thủ năn nỉ - Chúng tôi mang thịt rừng về sẽ uống công vô ích mà thôi, nếu như chẳng có cái gì để mà nướng nó.

- Cứ mang về đi, Pencroff, cứ mang thịt rừng về đi! – Cyrus Smith nói.

Họ đã quyết định. Viên kỹ sư và Gédéon Spilett sẽ ra gần nơi ngụ cư để quan sát bờ biển và cao nguyên. Trong khi đó Nab,

Harbert và Pencroff đi vào rừng lấy thêm củi và cố gắng mang được càng nhiều thịt rừng về càng tốt, thịt chim hay thịt thú cũng được...

Harbert đã khám phá ra một loài cây có quả ăn được. Đó là loài thông bá hương mọc ở vùng ôn đới. Giống này rất thích hợp với khí hậu nước Mỹ và châu Âu, nó cho loại hạt tuyệt vời và rất quý hiếm. Hạt trong quả đều chín hết, vì vậy Harbert và các bạn đã lấy ăn một cách ngon lành.

- Con Top đã tìm thấy gì đó rồi! – Nab kêu lên và chạy về phía khu rừng rậm, nơi có tiếng chó sủa văng lại xen lẫn tiếng kêu ủa ỉn lạ tai của một sinh vật nào đó.

Sau khi lặn lội khắp các bụi cây xanh rậm rì, những người thợ săn đã nhìn thấy con Top đang cào cấu vào tai một con thú lạ. Đó là con vật bốn chân, giống như con heo con, dài chừng hai bộ, lông màu nâu sẫm, cứng, bụng có màu sáng hơn. Ngón chân có màng.

Harbert đoán rằng đây là con heo nước – một trong những loài thú lớn nhất của họ động vật gặm nhấm có đời sống lưỡng cư: vừa dưới nước, vừa trên cạn.

Nab kết liễu nó bằng một nhát gậy.

Anh yêu cầu mọi người trở về. Khi cách nơi ngụ cư chừng năm mươi bước Pencroff bỗng dừng lại, hoan hô vang dội và đưa tay chỉ về phía nóc hang đá.

- Harbert! Nab! Nhìn kia! – anh gào to.

Mọi người nhìn theo hướng tay anh chỉ. Bên trên các vách đá có một cột khói đang cuộn cuộn bốc lên theo chiều gió.

Jules Verne

Hòn đảo bí mật

Nguyễn Văn Cửa phỏng dịch

Chương 4

Đảo Lincoln

Một phút sau, cả ba người thợ săn đều có mặt bên ngọn lửa bùng cháy. Trên bếp lò, cạnh đấy là Cyrus Smith và nhà báo đang ngồi. Pencroff dừng lại và lặng thinh nhìn họ, tay vẫn xách con heo nước vừa săn được.

- Thế nào, anh bạn yêu quý? – nhà báo nói – Lửa đang cháy đó!

Lửa thật sự nhé. Anh ngạc nhiên à! Có thể nướng con thú này được rồi, và chúng ta sẽ làm một bữa tiệc thật thịnh soạn.

- Ai nhóm được lửa? – Pencroff thắc mắc.

- Mặt trời!

- Ngài có kính lúp à, thưa ngài Smith? – Harbert hỏi.

- Không có! – Viên kỹ sư trả lời – Nhưng ta đã chế ra nó.

Và Cyrus Smith giới thiệu dụng cụ đóng vai trò chiếc kính lúp ấy. Đó là hai mặt thủy tinh tròn được tháo ra từ chiếc đồng hồ bỏ túi của Smith và Spilett. Sau khi đổ nước vào các mặt kính, ông xếp chồng chúng lên và lấy đất sét trét vào cạnh. Thế là ông có

một thấu kính hội tụ. Chỉ cần thu ánh nắng mặt trời vào tiêu điểm của kính là có được sức nóng đủ để tạo ra lửa.

- Ghi chép đi chứ, ông Spilett. – Pencroff nói – Hãy ghi điều này vào cuốn sổ tay của ông đi.

- Ghi rồi. – nhà báo trả lời.

Họ đã ăn một bữa tối rất ngon. Món thịt heo nướng không chê vào đâu được. Bữa ăn được bổ sung thêm món rong biển và hạt thông bá hương. Viên kỹ sư hầu như không nói gì, ông đang mải mê nghĩ đến chuyện leo núi để quan sát địa hình ngày mai.

Khi trăng đầu tháng vừa lặn xuống mặt biển, viên kỹ sư Cyrus Smith đã nắm lấy tay của cậu bé và thốt lên:

- Đảo! Chúng ta lạc xuống một hòn đảo!

Viên kỹ sư và các bạn đồng hành của ông lặng người đi hồi lâu, mắt đăm đăm nhìn đại dương. Hôm sau, họ trèo lên một ngọn núi lửa đã tắt với hy vọng phát hiện một vùng đất khác gần nơi đây. Một hòn đảo hoặc một rẻo đất mà hôm qua trong đêm tối họ đã không trông thấy.

- Các bạn! – viên kỹ sư nói sau khi quan sát địa hình – Tôi cảm thấy tôi sẽ không sai nếu tôi cho rằng hòn đảo của chúng ta kéo dài hơn một trăm hải lý.

- Thế diện tích của nó là bao nhiêu?

- Khó mà nắm được. Nó bị chia cắt chằng chịt khó đoán quá.

- Đây là hòn đảo đã từng có con người ở chăng?

Nhà báo là người đầu tiên hỏi to lên câu ấy. Mọi người cảm thấy rằng nếu họ lên đỉnh núi quan sát bề mặt hòn đảo thì họ đã có thể trả lời câu hỏi ấy bằng một sự phủ nhận.

Không thấy có chỗ nào có sự sáng tạo của bàn tay con người cả. Công việc tìm hiểu hòn đảo một cách sơ lược đã xong, họ đã xác định được địa hình của hòn đảo, đã tính toán được diện tích, ấn định được tình hình địa lý thủy văn và sơn văn của đảo. Trên sơ đồ mặt bằng do nhà báo vẽ vội vàng đã làm ký hiệu địa thế, vị trí các khu rừng và đồng bằng. Bây giờ cần phải men theo sườn núi đi xuống và nghiên cứu những tài nguyên khoáng sản, hệ động vật và thực vật của đảo.

Nhưng trước khi ra hiệu lệnh xuất phát, Cyrus Smith bàn bạc vài lời với mọi người:

- Các bạn! – ông nói với vẻ bình tĩnh và nghiêm nghị thường ngày của mình – Ý trời đã định và chúng ta bị quăng lên mảnh đất nhỏ bé này. Tôi và các bạn rõ ràng là phải ở lại chốn này, và có lẽ rất lâu đây. Tất nhiên có thể là bất thành linh chúng ta sẽ được cứu giúp, nếu như tình cờ có một con tàu đi qua đảo...

Tình cảnh chúng ta như vậy đó, tôi không muốn giấu các bạn một điều gì hết...

- Và ngài làm như vậy là đúng, Cyrus Smith thân mến! – nhà báo nhiệt tình đáp lại – Chúng tôi tin tưởng nơi ngài. Ngài có thể trông cậy vào chúng tôi. Có phải thế không, các bạn?

- Cháu sẽ nghe lời ngài trong hết thảy mọi việc, thưa ngài Cyrus Smith, – Harbert nói, cậu nắm chặt tay viên kỹ sư.

- Con sẽ đi với ngài đến cùng trời cuối đất! – Nab kêu lên.

- Còn tôi thì thế này nhé, - chàng thuỷ thủ nói – Pencroff không bao giờ trốn tránh công việc cả! Và nếu ngài muốn, thưa ngài Smith, thì chúng ta sẽ làm cho hòn đảo này thành một nước Mỹ nhỏ! Tôi chỉ yêu cầu ông một điều thôi.

- Điều gì? – nhà báo hỏi.

- Chúng ta hãy xem mình không phải như những người xấu số bị nạn, mà là những người đi khai khẩn, đến hòn đảo này với mục đích duy nhất là tạo dựng vùng di dân ở đây!

Cyrus Smith không thể nén nổi nụ cười. Lời đề nghị của chàng thuỷ thủ được chấp nhận. Sau đó, viên kỹ sư đã cảm ơn những người bạn của mình về sự tin cậy mà họ đặt nơi ông và nói thêm rằng ông hết sức trông mong vào nghị lực của họ cũng như sự phù hộ của thượng đế.

- Khoan đã, các bạn! – kỹ sư ngăn mọi người lại – Tôi thiết nghĩ nên đặt tên cho hòn đảo của chúng ta, cho từng mũi biển, từng doi đất, lẫn những con suối mà chúng ta đã nhìn thấy ở đây.

- “Hang ngụ cư” chẳng hạn. – Harbert nhận xét.

- Phải đấy, – Pencroff xác nhận – Một cái tên thích hợp. Vậy ta dành cái tên “Hang ngụ cư” cho nơi trú chân đầu tiên của chúng ta nhé, ngài Cyrus Smith đồng ý không?

- Tất nhiên, Pencroff, một khi anh đã tán dương việc đặt cho nó tên như vậy rồi mà.

- Vâng, tất nhiên rồi, nghĩ ra tên để đặt cho một địa danh cũng chẳng khó gì. – chàng thuỷ thủ nói vẻ thích thú.

- Theo tôi, nên tìm những cái tên nào thường xuyên nhắc nhở chúng ta nhớ đến Tổ quốc ấy, – Gédéon Spilett góp ý.

Đề nghị của kỹ sư được nhất trí thông qua. Gédéon Spilett ghi lại những cái tên ấy, và danh mục địa lý của đảo đã được quy định xong xuôi: vịnh Hợp chủng, vũng Washington, núi Franklin, bán đảo Uôn khúc, mũi Rắn, vịnh Cá mập, mũi Xương hàm...

- Còn hòn đảo nữa, ta đã đặt tên cho hòn đảo đâu!

Harbert đề nghị lấy tên của Cyrus Smith đặt cho hòn đảo, nhưng viên kỹ sư đã vượt lên trước chú.

- Các bạn, – ông nói chân tình – chúng ta sẽ lấy tên tổng thống kính yêu đặt tên cho hòn đảo của chúng ta để vinh danh vị công dân cao thượng nhất của nước Mỹ cộng hoà, vinh danh con người đang đấu tranh để bảo vệ sự thống nhất của đất nước. Hãy đặt tên cho mảnh đất này là đảo “Lincoln”!

Đáp lại lời đề nghị của Cyrus Smith là sự phấn khởi của mọi người.

Đó là ngày 30 tháng ba năm 1865. Họ đâu có biết được rằng mười sáu ngày sau ở Washington đã xảy ra một tội ác dã man: vào hôm thứ sáu tai hại, Abraham Lincoln đã ngã xuống do bàn

tay của một kẻ cuồng tín ám sát.

Pencroff tuyên bố đã đến lúc ăn sáng và tiễn dịp Cyrus Smith và nhà báo quyết định kiểm tra lại đồng hồ của mình.

Cần nói rằng, chiếc đồng hồ của Gédéon Spilett không bị vô nước, bởi anh không bị rơi xuống biển. Đó là loại đồng hồ bỏ túi xinh xắn, được nhà báo hàng ngày lên dây rất cẩn thận.

Cyrus Smith tất nhiên không thể lên dây cho chiếc đồng hồ của mình trong khi ông nằm bất tỉnh ở đụn cát. Nhưng khi về đây ông đã lên dây nó và căn cứ theo mặt trời ông đã xác định thời gian là khoảng gần chín giờ, và vặn lại kim đồng hồ.

Gédéon Spilett quyết định làm theo ông, nhưng Cyrus Smith ngăn anh ta lại:

- Đừng anh bạn thân mến! Đồng hồ của anh lấy theo giờ

Richmond phải không?

- Vâng, thưa ngài Smith.

- Đừng vặn lại giờ. Hãy lên dây đồng hồ của mình cẩn thận mỗi ngày, nhưng đừng có động vào kim – cứ để chúng vậy đi. Điều đó có ích cho chúng ta sau này.

Sau bữa ăn sáng Cyrus Smith đề nghị các bạn đi về Hang ngụ cư bằng con đường khác. Ông muốn xem xét lòng hồ tại một vị trí gần hơn, cây cối bao quanh hồ rất đẹp.

Cyrus Smith bình thản đi bên cạnh nhà báo lúc nào cũng kè kè cuốn sổ tay để ghi chép bất cứ việc gì xảy ra. Thỉnh thoảng, viên

kỹ sư lại tạt sang một bên để lựa những mẫu khoáng sản hoặc bút một loài thực vật nào đó, lẳng lặng bỏ vào túi, chẳng nói một câu nào thừa.

Sau bữa ăn tối, khi những người bộ hành đã định ngủ, Cyrus Smith móc trong túi ra những hòn đá nhỏ – đó là các mẫu khoáng sản khác nhau – và giải thích ngắn gọn:

- Các bạn hãy xem đây, đây chính là quặng sắt, đây là pirit, đây là đất sét, đây là đá vôi. Nó sẽ đóng góp cho sự nghiệp chung của chúng ta. Ngày mai đến lượt chúng ta ra tay.

*

* *

- Thưa ngài Cyrus Smith, chúng ta bắt đầu từ chỗ nào đây? – sáng hôm sau Pencroff hỏi.

“Chúng ta sẽ bắt đầu từ đâu”. – Cyrus Smith nói – Bắt đầu từ việc làm một thiết bị để gia công khoáng liệu mà thiên nhiên ban cho. Ai cũng biết là trong việc gia công này nhiệt độ cao đóng vai trò quan trọng như thế nào. Nhiên liệu, như củi lẫn than đá thì đều đã có đủ. Chỉ còn việc xây lò nữa thôi.

- Thế cái lò ấy dùng để làm gì? – Pencroff hỏi.

- Chúng ta sẽ tự chế lấy những đồ đựng. Những thứ này rất cần.

– Cyrus Smith trả lời.

- Thế xây lò bằng gì?

- Bằng gạch.

- Thế gạch làm bằng gì?
 - Bằng đất sét. Lên đường thôi, các bạn! Để khỏi mất công chuyên chở nguyên liệu, ta sẽ xây dựng các xưởng ngay tại chỗ khai thác. Nab sẽ mang thức ăn đến cho chúng ta, còn lửa để nấu nướng thì chúng ta có đủ.
 - Tuyệt! – nhà báo nhận xét – Lửa thì sẽ có thôi, nhưng còn thức ăn thì sẽ không có, một khi chúng ta không có súng để đi săn.
 - Ồ, giá có được một con dao nhỏ! – chàng thuỷ thủ xuýt xoa.
 - Vậy thì sao? – Cyrus Smith hỏi.
 - Thì tôi sẽ làm ngay một cây cung và những mũi tên chứ “sao”? Và thế là chúng ta sẽ tha hồ mà ăn thịt thú!
 - Ừ... con dao. – viên kỹ sư nói với vẻ suy tư, như tự chuyện trò với bản thân mình.
- Tình cờ ông trông thấy con Top chạy tung tăng trên bờ biển. Mắt Cyrus Smith sáng lên.
- Top, lại đây! – ông gọi.
- Con chó chạy lại chỗ ông chủ, Cyrus Smith dùng hai tay ôm lấy đầu con chó, tháo cái vòng cổ của nó ra, bẻ làm đôi, nói:
- Đây, Pencroff, cho anh hai con dao!
- Đáp lại chàng thuỷ thủ reo lên “hoan hô” hai lần, chiếc vòng cổ của con Top được làm bằng một thanh thép mỏng đã tôi, chỉ cần mài nó vào đá là có được một lưỡi dao sắc, rồi sau đó dùng một mảnh da mịn chà cho nó khỏi nhám là xong.

Các cư dân của đảo đã đi đến nơi mà họ khảo sát hôm qua. Ở đây có đất sét đỏ, rất thích hợp với việc nung gạch và ngói, và do đó, họ hoàn toàn có thể thực hiện được ý đồ của mình.

Thông thường người ta làm gạch bằng khuôn, nhưng những người ngụ cư phải dùng tay trần để nặn. Suốt ngày hôm ấy cho đến lúc trời tối, và cả ngày hôm sau họ tận dụng thời gian đó cho việc sản xuất gạch. Họ nhồi đất sét thật nhão và đều. Sau đó, nén thành những viên gạch sống thật cân đối, họ xếp gạch còn ướt thành những hàng và phơi nắng ba bốn ngày cho chúng thật khô, rồi sau đó đem nung chúng.

Ngày 2 tháng tư, Cyrus Smith đã quyết định thực hiện việc xác định vị trí của đảo theo phương hướng.

Ngày hôm trước, ông đã nhận xét chính xác thời gian lúc mặt trời lặn, đồng thời để ý cả hiện tượng khúc xạ. Còn ngày 2 tháng tư, ông xác định không kém phần chính xác thời gian lúc mặt trời mọc là mười hai giờ hai mươi bốn phút. Như vậy là hôm ấy sau sáu giờ mười hai phút mặt trời phải đi qua kinh tuyến của đảo, và điểm mà nơi mặt trời dừng lại trên trời ở thời khắc ấy sẽ cho biết đâu là phương bắc.

Đúng như đã định, Cyrus Smith xác định điểm ấy trên nền trời và vạch một đường tưởng tượng từ mặt trời qua hai cây sồi lớn mà ông đã chọn làm mốc, và tìm được kinh tuyến cố định cho việc quan sát thiên văn của mình.

Mẻ gạch nung được tiến hành hai ngày hai đêm và thành công mỹ mãn. Sau đó, họ để cho gạch nung nguội đi, trong khi ấy Nab và Pencroff, theo lệnh của Cyrus Smith dùng cành cây đan thành cái sàng và khiêng được một một đồng đá vôi khá to lấy ở bờ bắc của hồ Grant. Số đá này sau khi đem nung lửa hoá thành vôi sống, sau đó được tôi lên, cũng tinh khiết y như loại vôi thu được khi nung đá hoa hay phấn vôi. Những người ngụ cư đem trộn dung dịch vôi tôi sền sệt với cát và họ được một chất dính kết tuyệt vời.

Ngày 9 tháng tư, do kết quả của những công việc trên, Smith đã có trong tay một ít vôi tôi và mấy ngàn viên gạch.

Khi ấy họ đã tranh thủ thời gian xây một chiếc lò để nung đủ các loại đồ gốm cần thiết cho sinh hoạt trong nhà. Việc xây lò đã hoàn thành chẳng có khó khăn gì. Năm ngày sau, họ chất than đá vào lò, Cyrus Smith đã tìm thấy các vỉa than lộ ra trên mặt đất ở gần cửa suối Đỏ, và từ ống khói cao hai mươi bộ, ngọn khói đầu tiên đã bốc lên. Khoảng đất trống đã biến thành công xưởng, và Pencroff không thấy xa lạ với ý nghĩ rằng từ cái lò này sẽ làm ra mọi thứ sản phẩm của nền công nghiệp hiện đại.

Sẽ chẳng phải là thừa nếu nhắc lại rằng Pencroff muốn biết đất sét này có làm ống tàu hút thuốc được không, và đã làm cho mình vài chiếc; những chiếc tàu xấu xí hết mức, nhưng Pencroff lại cho là tuyệt trần. Nhưng thật đáng buồn là họ chẳng có gì để

hút cả.

Chiều ngày 15 tháng tư, họ trở về Hang ngụ cư, mang theo loạt nồi, chén, đĩa cuối cùng và tắt lò cho đến lượt nung mới.

Sau khi ăn tối, Cyrus Smith và các bạn của ông đi ra bờ biển và hít thở không khí trong lành. Trên trời cao nổi bật lên các chòm sao cận cực, và sáng tỏ hơn cả là chòm sao Chữ Thập Phương Nam mà Cyrus Smith mới đây quan sát thấy từ trên đỉnh núi Franklin.

Bây giờ Cyrus Smith lại nhìn hồi lâu chòm sao tuyệt trần này, ở phía trên và phía dưới của nó lấp lánh hai ngôi sao thứ nhất, ở bên trái là ngôi sao thứ nhì, còn bên phải là ngôi sao thứ ba.

Sau khi suy nghĩ, ông nói:

- Harbert, hôm nay là ngày 15 tháng tư phải không?
- Vâng, thưa ngài Cyrus – cậu bé đáp.
- Thế này nhé! Nếu tôi không nhầm thì ngày 16 tháng tư sẽ một trong bốn ngày trong năm mà giờ thật sẽ trùng hợp với giờ trung bình, tức là giữa trưa ngày mai theo đồng hồ (sai số chỉ có thể là vài giây) thì mặt trời sẽ đi qua kinh tuyến của vùng này. Nếu thời tiết chiều theo ý muốn của chúng ta mà nắng ráo, thì tôi nghĩ tôi sẽ xác định được hòn đảo nằm ở kinh độ nào, với sai số không quá vài độ.
- Không cần máy đo, không cần kính lục phân? – Gédéon Spilett hỏi lại.

- Phải. – viên kỹ sư đáp – Còn nếu đêm không bị mây che thì tối nay tôi sẽ thử xác định vĩ độ bằng cách tính xem chòm sao Chử Thập Phương Nam cao cách chân trời bao nhiêu. Bởi vì, các bạn cũng biết rằng trước khi bắt tay vào những công việc lớn và thu xếp ở đây lâu dài thì, nếu có thể được, phải xác định xem hòn đảo của chúng ta cách nước Mỹ, cách châu Úc hoặc phần đảo chủ yếu của Thái Bình Dương bao xa.

- Ngài nói đúng – Gédéon Spilett nhận xét – Thay vì xây nhà, có lẽ quan trọng đối với chúng ta hơn là đóng một chiếc tàu thủy nếu chúng ta chỉ ở cách vùng dân cư vài trăm hải lý.

- Chính vì thế mà tôi muốn thử xác định ngay tối nay xem đảo Lincoln ở vĩ độ nào? Còn trưa ngày mai thì sẽ thử tính cả kinh độ của nó.

Cyrus Smith trở về Hang ngụ cư. Dưới ánh lửa bập bùng trong lò, ông bắt tay chuẩn bị một chiếc compa và những dụng cụ cần thiết cho việc xác định tọa độ của đảo.

*

* *

Sáng ngày hôm sau, 16 tháng tư, những người ngụ cư ngay từ lúc rạng đông đã ra khỏi Hang và bắt đầu giặt giũ quần áo, đập bụi và trải bộ đồ mặc ngoài. Kỹ sư định sẽ tìm được các thành phần cần thiết như xút hoặc bồ tát, mỡ hoặc dầu thực vật là sẽ nấu xà phòng. Quần áo họ đang mặc dù có lao động chân tay đi

nữa ít ra nó cũng còn chịu đựng được nửa năm. Điều quan trọng nhất bây giờ là xác định đảo cách bờ bao xa, và những người ngư cư muốn làm việc ấy ngay trong ngày hôm đó, nếu thời tiết cho phép.

Mặt trời nhô lên phía chân trời hứa hẹn một ngày quang đăng. Harbert là một thiếu niên ham hiểu biết đã cùng đi với Smith ra bờ biển.

Cyrus Smith mang theo một cái sào thẳng tắp dài gần hai mươi bộ. Chiều dài này ông xác định theo chiều cao của bản thân mà ông biết hoàn toàn chính xác. Harbert được Cyrus Smith giao mang dây dọi – đó là một sợi dây leo mềm, một đầu được buộc vào một hòn đá thông thường.

Họ dừng lại cách mép nước biển chừng hai mươi bước và cách bức tường đá hoa cương chừng năm trăm bước, Smith cắm cây sào thẳng góc với mặt phẳng theo đường chân trời.

Sau khi làm xong, Cyrus Smith tránh sang bên và nằm xuống cách sào một khoảng đủ thu vào tầm mắt mình cả ngọn sào lẫn bức tường đá hoa cương hình răng lược. Ông đánh dấu chỗ ấy bằng một chiếc cọc con và quay sang Harbert hỏi:

- Cháu còn nhớ các tính chất của tam giác đồng dạng chứ?
- Vâng ạ! – chú bé trả lời – Các tam giác đồng dạng có tỷ lệ các cạnh tương ứng bằng nhau.
- Đúng thế! Cháu hãy nhìn đây! Giả sử tôi có hai tam giác vuông

đồng dạng – một cái nhỏ hơn, trong đó hai cạnh của nó sẽ là: Cái sào cắm thẳng góc xuống cát, và cạnh thẳng bằng khoảng cách từ chân sào đến cây cọc nhỏ, còn đường huyền là tia nhìn của tôi; các cạnh của tam giác thứ hai là đường dây dọi của bức tường đá hoa cương mà độ cao của nó chúng ta cần phải đo, và khoảng cách từ cái cọc nhỏ đến chân tường, còn đường huyền là tia nhìn của tôi, tức là đường huyền của tam giác thứ nhất kéo dài.

- Hiểu rồi, thưa ngài Cyrus! Cháu hiểu hết rồi! – Harbert kêu lên – Khoảng cách từ cái cọc nhỏ tới cây sào tỷ lệ thuận với khoảng cách từ cái cọc nhỏ tới chân tường. Còn chiều cao của cây sào tỷ lệ thuận với chiều cao của bức tường.

- Đúng rồi Harbert – viên kỹ sư xác nhận – Và khi đó cả hai khoảng cách tính từ cái cọc nhỏ thì nếu biết chiều cao cây sào, ta nhanh chóng lập được tỷ lệ thức và do đó định được độ cao bức tường, khỏi phải vất vả đo trực tiếp.

Các cạnh đáy của hai hình tam giác đều đã được đo bằng chính cây sào mà độ cao của nó trên mặt cát bằng mười bộ, vậy là khoảng cách giữa cái cọc nhỏ và cây sào là mười lăm bộ, còn khoảng cách giữa cái cọc và chân tường là năm bộ.

Đo xong, Cyrus Smith đã lập được tỷ lệ thức như sau:

$$15 : 500 = 10$$

$$500 \times 10 = 5000$$

$$5000 : 15 = 333,33$$

Vậy là chiều cao của bức tường đã hoa cương bằng ba trăm ba mươi ba bộ.

Khi ấy Cyrus Smith lấy dụng cụ đã làm hôm trước ra và ông bắt đầu đo góc giữa hai chân compa mở tương ứng với khoảng cách góc từ sao Alpha của chòm Chử Thập Phương Nam tới mặt phẳng đường chân trời. Ông đo chính xác góc ấy theo hình tròn đã được chia thành 360 phần bằng nhau. Góc đo được bằng mười độ. Sau khi tăng thêm cho góc đó hai mươi bảy độ phân cách chòm Alpha với cực Nam, và ước lượng độ cao của bình sơn nguyên để tiến hành quan sát, ông đo được ba mươi bảy độ. Thế là Cyrus Smith đi đến kết luận đảo Lincoln ở 37 vĩ độ Nam.

Nhưng xét thấy những quan sát và tính toán của mình không hoàn chỉnh, có thể sai đến năm độ, nên ông thấy kết luận đảo ở giữa vĩ tuyến ba mươi lăm đến bốn mươi độ vĩ Nam.

Để có được cả hai toạ độ của đảo, chỉ còn xác định kinh độ nữa thôi. Cyrus Smith đã quyết định thử làm việc đó ngay trưa hôm ấy, khi mặt trời đi qua kinh tuyến của vùng này.

Ông đã xác định được rằng khoảng cách giữa kinh tuyến của Washington và kinh tuyến đảo Lincoln khác nhau về thời gian là năm giờ; trên đảo Lincoln đang ở giữa trưa thì ở Washington là năm giờ chiều. Song mặt trời cứ bốn phút lại đi được một độ, một giờ đi được mười lăm độ, sau khi xác nhận mười lăm độ với năm, Cyrus Smith thu được bảy mươi lăm độ. Nếu kinh độ địa lý

của Washington bằng $77^{\circ}3'11''$ lấy tròn là bảy mươi bảy độ so với kinh tuyến gốc Greenwich thì có nghĩa là đảo ở về phía tây kinh tuyến Greenwich bảy mươi bảy độ (kinh độ của Washington) cộng với bảy mươi lăm độ, tức là một trăm năm mươi hai độ kinh Tây.

Cyrus Smith đã thông báo cho các bạn biết kết quả các tính toán của mình.

Các toạ độ tính được đã cho thấy họ đang ở cách đảo Tahiti và các hòn đảo của quần đảo Tuamotu ít nhất một ngàn hai trăm hải lý, nghĩa là cách Tân Tây Lan trên một ngàn tám trăm hải lý và cách bờ biển nước Mỹ trên bốn ngàn rưỡi hải lý...

Jules Verne

Hòn đảo bí mật

Nguyễn Văn Cửa phỏng dịch

Chương 5

Lâu đài Đá hoa cương

Thứ hai, 17 tháng tư, những lời đầu tiên buổi sáng hôm ấy Pencroff nói với Gédéon Spilett:

- Thế nào, ông Spilett, hôm nay chúng ta làm gì?
- Chuyện ấy thì đã có ngài Cyrus lo. Ông ấy cần có một số dây dẫn kim loại. – nhà báo trả lời.

Hoá ra từ những người thợ làm gạch và thợ gốm, bây giờ họ trở thành thợ luyện kim.

Họ ở cách quần đảo Tuamotu quá xa – một ngàn hai trăm hải lí – khó mà có thể đến đó được. Vả lại, đóng một chiếc thuyền thông thường thôi cũng đâu có dễ, ngay cả khi có đủ những dụng cụ cần thiết. Nghĩa là, trước hết họ phải làm búa, rìu lớn, rìu nhỏ, cưa, khoan, bào... mà muốn vậy đòi hỏi phải có thời gian. Thế là họ quyết định trú đóng trên đảo và tìm một chỗ thuận tiện hơn Hang ngụ cư, để sống qua mùa đông giá lạnh.

Trước tiên phải bắt tay khai quặng sắt ở những mỏ mà kỹ sư đã

phát hiện nơi phía Tây Bắc đảo. Họ dự trù sẽ nấu sắt, thậm chí luyện thép nữa...

Cyrus Smith đã mang về Hang ngụ cư hai mẫu quặng: Một mẫu là quặng nam châm, còn mẫu thứ hai là pirit sắt. Nấu loại quặng thứ nhất, một loại ôxit sắt, dễ dàng hơn chỉ việc đem nung nó lẫn với than để khử ôxi đi và được sắt nguyên chất... Trên đảo Lincoln, cách mỏ quặng sắt ấy không xa lắm, có cả những vỉa than đá mà những người ngụ cư đã sử dụng. Do đó, việc luyện quặng đỡ khó khăn hơn vì mọi thứ cần thiết cho việc sản xuất đều tập trung ở một nơi.

- Thưa ngài Cyrus, vậy là, chắc chắn bây giờ chúng ta sẽ luyện sắt? – Pencroff hỏi.

- Phải, anh bạn của tôi ạ! – viên kỹ sư đáp – Trước hết anh hãy cho phép chúng tôi cùng anh đi ra hòn đảo “Cứu thoát” để săn hải báo ở đó đã.

Những người đi săn thận trọng di chuyển về đầu phía Bắc của đảo. Cách bờ có những vệt đen lớn đang bơi trên mặt biển, tựa hồ như những tảng đá ngầm di động. Đó là những con hải báo. Những người thợ săn nấp sau các vách đá rải rác trên bờ và lặng thinh chờ lũ hải báo bò lên.

Một giờ trôi qua và bầy hải báo cuối cùng đã lên bờ phơi nắng. Bất thành linh cái thân hình cao lớn của Pencroff đứng bật dậy trên bờ và kêu to lên. Kỹ sư và hai người cùng đi, ba chân bốn

cảng phóng tới chặn không cho những con hải báo xuống biển.

Họ dùng gậy phang chết được hai con.

Kỹ sư đã trù tính lấy da hải báo khâu lại để làm những ống bể lò rèn và biết chúng cần thiết cho việc thổi lửa khi nấu chảy kim loại.

Thế là bắt đầu từ sáng ngày 20 tháng tư họ tiến hành “thời kì luyện kim”, như nhà báo đã viết trong các ghi chép của mình. Để cho tiện, những người ngụ cư đã sắp xếp công việc ở gần ngay nơi có các vỉa than và quặng sắt ở phía đông bắc núi Franklin, cách Hang ngụ cư chừng sáu dặm biển. Các vỉa quặng ở đây lộ thiên, rất giàu chất sắt và thích hợp với cách thức tôi luyện mà Cyrus Smith định áp dụng, gọi là phương pháp “Catalon”, được dùng phổ biến ở Corse dưới hình thức đơn giản. Nhưng Cyrus Smith muốn tránh những thiết bị cồng kềnh, đã quyết định xếp quặng và than thành một khối lớn và dùng ống bể thổi một luồng không khí vào giữa đồng vật liệu ấy. Không khí từ ống bể được thổi qua một cái ống nhỏ làm bằng đất sét chịu lửa, để tạo một luồng hơi nóng mạnh, nâng nhiệt độ quặng nung lên, đồng thời tạo điều kiện cho quá trình phản ứng hoá học xảy ra.

Cuối cùng họ đã thành công và thu được loại sắt hạt bề mặt sần sùi, còn cần phải luyện vài lần nữa để loại bỏ lớp xỉ bám vào.

Thỏi sắt đầu tiên được họ tra cán và dùng làm búa để rèn những thỏi sắt hạt tiếp theo trên đe bằng đá hoa cương, và thế là họ đã

có được một thứ sắt thô, nhưng thích hợp cho việc sản xuất bất kì công cụ nào như kìm, cuốc chim, xà beng...

Tất nhiên, thép có thể đem lại lợi ích hơn sắt nguyên chất nhiều, và Cyrus Smith đã luyện thép bằng cách nấu sắt lẫn với than đập nhỏ trong một cái nồi làm bằng đất sét chịu lửa.

Thép được đem gia công nóng và làm nguội. Dưới sự chỉ đạo khéo léo của Cyrus Smith, Nab và Pencroff đã chế ra những chiếc rìu, các lưỡi bào, các thanh thép, cưa, kéo, cuốc chim, mai, xà beng, đinh...

Ngày 5 tháng năm, “thời kì luyện kim” đã kết thúc, những người thợ rèn trở lại Hang ngụ cư. Chẳng bao lâu sau, họ đã bắt tay vào những công việc mới, nắm vững những thói quen mới và có quyền gọi mình là những người thợ cả của những nghề thủ công khác nữa: nấu xà phòng, pirit sắt, xút, glixerin, axit sunfuric, axit nitric... tất cả đều được chế biến từ nguyên vật liệu tại chỗ, dùng thứ nọ sản xuất ra thứ kia. Chẳng hạn, từ rong biển họ chế ra xút; từ pirit sắt họ sản xuất ra axit nitric. Và chẳng bao lâu sau Cyrus Smith đã dùng axit nitric pha chế với glixerin để sản xuất ra nitroglixerin – một chất nổ rất mạnh, có lẽ sức công phá mạnh hơn thuốc súng cả chục lần.

*

* *

Bấy lâu nay Cyrus Smith vẫn muốn tìm một chỗ ở mới vừa thuận

tiện, vừa an toàn hơn để đề phòng thú dữ, hoặc các cuộc tấn công bất ngờ của bọn cướp biển, và điều đó làm ông nảy ra ý định nghiên cứu và sử dụng một con đường thông với chỗ ở, chất nitroglycerin mới điều chế đã được kỹ sư đem cho ứng dụng ngay vào việc phá bức tường đá hoa cương cho nước hồ thoát ra lối khác, để lộ lối thông xuống biển.

Nab và Harbert vào rừng lấy những cành cây có nhựa làm đuốc soi đường cho cả toán vào hang. Họ dò từng bước đi rất chậm chạp. Họ thấy cần phải di chuyển thận trọng, tuy nhiên, đã có con Top chạy trước, nên có thể trông cậy vào sự thính nhạy và sáng trí của nó, gặp trường hợp nguy hiểm nó sẽ báo động.

Những người ngụ cư đi xuống chiếc hang mỗi lúc một sâu hơn. Bỗng có những âm thanh nào đó từ sâu dưới con đường thông với biển văng lên khiến họ lưu ý. Mọi người dừng lại nghe ngóng.

- Con Top sủa đấy! – Harbert kêu lên.

- Ừ, – Pencroff đáp – mà nó sủa mới ghê chứ! Đúng là con chó dễ thương của ta hoá điên rồi!

- Chúng ta có vũ khí, cây gậy sắt trong tay tôi đây. – Cyrus Smith nói – Hãy cẩn thận đề phòng. Tiến lên các bạn.

Cyrus và các bạn lao đến cứu con Top. Tiếng sủa của nó mỗi lúc một rõ hơn. Và trong tiếng sủa đứt quãng của nó, họ cảm thấy có một sự giận dữ khác thường. Họ không phải tụt xuống một cách

đơn thuần nữa, mà là lặn theo đáy hang trơn tuột, vài giây sau họ xuống sâu hơn 50 bộ và thấy con Top.

Ở nơi đây con đường thông vào một cái hang to, rất đẹp mà con Top đã tìm được và sửa lên một cách dũ tợn, Pencroff và Nab hươu được soi tắt cả những chỗ nhô ra và hõm vào trên các vách hang bằng đá hoa cương, còn Cyrus Smith, Gédéon Spilett và Harbert thì giờ gậy bịt sắt lên, sẵn sàng nghênh chiến với bất kì kẻ thù nào. Nhưng, cái hang lớn hoá ra trống trơn.

Cyrus Smith lấy một cành cây đang cháy vút xuống hố sâu. Do rơi xuống nhanh nên cành cây cháy mạnh, soi rõ lòng giếng. Sau đó, ngọn lửa bắt đầu run rẩy và tắt ngấm – hẳn là cành cây đã chạm nước, nghĩa là nó đã rơi xuống đến mặt nước biển.

Sau khi tính toán thời gian mà cành cây rơi, Cyrus Smith xác định độ sâu của giếng ước chừng chín mươi bộ.

Vậy là nền của hang đá hoa cương ở độ cao cách biển chín mươi bộ.

- Đây chính là chỗ ở mới của chúng ta – Cyrus Smith quyết định. Viên kỹ sư sai Pencroff dùng cuộc chim đục một cái lỗ con ở một chỗ trũng khá sâu trên tường đá. Hai giờ sau họ có được một “cửa sổ” ánh sáng lùa vào hang trước mặt những người ngụ cư hiện ra một cảnh tượng hùng vĩ.

- Chúng ta sẽ đặt tên gì cho cái hang này? – Harbert hỏi.

- “Lâu đài Đá hoa cương” – Cyrus Smith đáp. Và mọi người lại

chào đón cái tên gọi ấy bằng những tiếng “hoan hô” vang dội.

*

* *

Hôm sau, 22 tháng năm, các công việc xây dựng chỗ ở mới bắt đầu. Những người đi săn không định bỏ hẻm Hang ngụ cư. Cyrus Smith đề nghị xây dựng ở đó một xưởng sản xuất. Còn ở hang mới, viên kỹ sư cho xây gạch, ngăn ra năm phòng, mở rộng lối đi, ông còn đục trên “mặt tiền” của hang năm ô vuông cửa sổ và một cửa ra vào.

Ngày 28 tháng năm, cuối cùng họ cũng làm xong một chiếc thang có ít nhất một trăm bậc. Thang được bện hết sức cẩn thận bằng các thứ dây rừng, bền không kém gì một sợi dây cáp to, buông từ ngưỡng cửa ra vào xuống đến bờ cát. Nhờ vậy, họ khỏi phải đi vòng qua đường thoát nước, vừa đỡ mất thời gian vừa đỡ mệt. May sao Cyrus Smith đã tìm được một bậc đá ở giữa chừng, cách biển độ bốn mươi bộ, đề làm điểm tựa cố định cho đoạn thang dưới thêm chắc chắn. Nhờ cấu trúc như vậy nên việc lên xuống thang không khó khăn lắm. Tuy nhiên, Cyrus Smith cũng đã trù tính cho xây một cái thang máy chạy bằng thủy lực để tiết kiệm thời gian và công sức của những người trong Lâu đài Đá hoa cương.

Những người ngụ cư nhanh chóng làm quen với việc lên thang. Mỗi lần trèo xong, các chủ lâu đài lại rút thang lên, thế là không

ai có thể đột nhập vào chỗ của họ từ phía dưới được.

*

* *

Đảo Lincoln mặc dù mới được những người khai khẩn nghiên cứu chưa bao lâu, nhưng đã đem lại cho họ mọi thứ cần thiết. Và dường như rất rõ ràng là trong các rừng của đảo kéo dài từ sông Tạ ơn đến mũi Rắn, trong các hang cùng hiểm hóc nhất, thiên nhiên hậu hĩ đã dành sẵn cho họ những của báu mới.

Họ chỉ còn thiếu bánh mì và thức ăn cần thiết nhất với họ.

Tuy nhiên, một lần nữa, thượng đế đã ra ân cho họ.

Hôm ấy trời mưa rào, những người sống trong Lâu đài Đá hoa cương giết thời gian bằng các việc làm khác nhau, họ cùng quây quần trong “phòng họp” của mình, bỗng nhiên chú bé Harbert thốt lên:

- Thừa ngài Cyrus, ngài hãy xem này! Đây là một hạt lúa mì!

Và chú đưa cho mọi người xem hạt lúa mì, một hạt lúa duy nhất còn lọt trong túi áo vét thùng mà chú vừa mang chữa lại.

Việc chú bé tìm thấy hạt lúa này được giải thích rất đơn giản. Ở Richmond, Harbert luôn cho những con bò câu hoang ăn, chú có thói quen để dành thóc lúa trong túi...

- Một hạt lúa mì? – viên kỹ sư sốt sắng hỏi.

- Vâng thưa ngài Cyrus. Nhưng chỉ có một hạt duy nhất còn sót lại mà thôi.

- Chà, chú bạn thân mến! – Pencroff cười thốt lên – Chúng ta có thể làm gì với một hạt lúa?

- Sẽ nướng bánh mì. – Cyrus Smith đáp.

Không coi việc tìm thấy hạt lúa mì của mình có ý nghĩa gì hết, chú bé đã định ném nó xuống sàn nhà, nhưng Cyrus đã cầm lấy hạt lúa mì từ tay Harbert, và sau khi chăm chú quan sát, ông xác định hạt lúa không bị hư hại chút nào cả.

- Pencroff, – ông bình tĩnh hỏi, nhìn chàng thủy thủ chăm chặp, – một hạt lúa mọc lên sẽ cho bao nhiêu bông lúa? Anh có biết không?

- Một bông, tôi cho là vậy, – chàng thủy thủ ngạc nhiên nhìn viên kỹ sư, đáp.

- Không phải đâu, Pencroff ạ, mười bông. Nó nảy ra cả khóm lúa cơ mà! Thế anh có biết mỗi bông lúa có bao nhiêu hạt không?

- Tôi không biết.

- Bình quân là tám mươi. – Cyrus Smith nói – Vậy là, nếu chúng ta trồng hạt lúa này thì vụ thứ nhất chúng ta sẽ thu hoạch tám trăm hạt, có những hạt này vụ thứ hai sẽ cho sáu trăm bốn mươi ngàn hạt, vụ thứ ba năm trăm mười hai triệu, vụ thứ tư trên bốn trăm tỷ hạt. Một tỷ lệ thức ghê gớm như thế đó! Sau bốn năm – Cyrus Smith khẳng định – Và thậm chí sau hai năm, nếu ở các vĩ tuyến này, như tôi hi vọng, chúng ta sẽ thu hoạch một năm hai vụ. Vậy là, Harbert – viên kỹ sư nói thêm – Cái việc cháu tìm

được hạt lúa mì ấy rất quan trọng đối với chúng ta. Trong những điều kiện mà chúng ta đang lâm vào, các bạn của tôi ạ, mọi thứ đều có thể ích lợi hết. Tôi yêu cầu các bạn chớ quên điều đó.

- Ngài Cyrus hãy an tâm, chúng tôi sẽ không quên đâu. –

Pencroff đáp.

- Bây giờ đem trồng hạt lúa. – Harbert nói.

- Đúng! – Gédéon Spilett đồng ý – Và phải trồng nó với tấm lòng tôn kính thiêng liêng, bởi vì những vụ mùa tương lai của chúng ta đều trông vào đây.

- Chỉ mong cho nó mọc lên được thôi! – chàng thuỷ thủ kêu lên.

- Nhất định nó sẽ mọc! – Cyrus đáp.

Sự việc diễn ra ngày 20 tháng sáu, đúng vào lúc thuận lợi nhất cho việc trồng hạt lúa mì duy nhất và do đó nó rất quý giá. Họ tiến hành trồng ngay trong ngày, và tất nhiên, mọi biện pháp đã được áp dụng để công việc quan trọng ấy diễn ra mỹ mãn.

Họ chọn ở gần ngay Lâu đài Đá hoa cương một chỗ khuất gió và tràn đầy ánh nắng mặt trời. Họ dọn sạch sẽ đá và cỏ dại, xới đất cho thật tơi xốp, thậm chí họ còn dùng tay bóp từng cục đất nhỏ, loại bỏ hết những con trùng và bọ hung, cho thêm một lớp phân mục trộn lẫn vào đó một ít vôi và, cuối cùng họ trịnh trọng bỏ hạt lúa xuống đất đã được làm ẩm và rào chỗ ấy lại.

Jules Verne

Hòn đảo bí mật

Nguyễn Văn Cửa phỏng dịch

Chương 6

Gặp lại khinh khí cầu

Đúng bảy tháng đã trôi qua kể từ ngày các du khách lạc đến đảo Lincoln. Và từ đó đến nay, bất chấp mọi cuộc tìm kiếm, họ đã không phát hiện được một người nào cả. Ấy thế mà bây giờ đây, hôm ấy 24 tháng mười, trong bữa ăn trưa, Pencroff đã nhai phải một viên đạn chì trong món thịt heo quay.

Pencroff đặt viên đạn chì lên bàn, các bạn của anh kinh ngạc nhìn. Cyrus Smith đã nói ra một số giả thuyết của mình về cái vật kì lạ và bất ngờ được tìm thấy ấy. Ông hỏi Pencroff:

- Anh có tin con heo bị thương bởi viên đạn này được khoảng ba tháng tuổi không?
- Không thể nào hơn được thưa ngài Cyrus – Pencroff trả lời – Con heo con đang bú mẹ, khi tôi nhìn thấy nó ở dưới hố bẫy mà.
- Vậy là, – viên kỹ sư nói tiếp – độ ba tháng trước đây trên đảo Lincoln này có ai đó đã từng bắn súng...
- Và viên đạn chì, – Gédéon Spilett nói thêm – đã làm con thú bị

thương tuy chưa tử thương.

- Hiển nhiên rồi. – Cyrus Smith nói tiếp – Và đây, từ tất cả những điều ấy cần phải rút ra kết luận: Hoặc là trên đảo, trước chúng ta đã có ai đó sống, hoặc là có người đã lên đây chừng ba tháng trước, không hơn. Họ chủ tâm hay bắt buộc phải cập vào bờ biển của ta, họ bị tai nạn tàu thủy hay khí cầu gì đó – ai mà biết được? Nhưng, những vấn đề này quan hệ với chúng ta mật thiết tới mức không thể để lâu hơn nữa.

- Tôi sẵn sàng nhắc lại trăm lần, ngàn lần rằng trên đảo Lincoln không có ai khác ngoài chúng ta. – chàng thủy thủ từ sau bàn đứng dậy kêu to lên.

- Không còn nghi ngờ gì nữa. – Cyrus Smith nói – Có ai đó đã bắn súng trên đảo này, và cách đây không quá ba tháng. Nhưng tôi bảo đảm rằng những người đã lên đảo ở lại đây không lâu và chỉ đơn giản đi qua đảo thôi. Nếu họ sống ở đây thì khi đi khảo sát đảo từ trên núi Franklin ta đã thấy họ, còn họ thì cũng đã thấy ta.

- Theo tôi, cần phải hành động một cách thận trọng. – nhà báo nhận xét.

- Ý kiến của tôi cũng vậy. – Cyrus Smith trả lời – Tôi e bọn cướp biển Mã Lai đã lên đảo!

- Thừa ngài Cyrus. – chàng thủy thủ nói – Chẳng phải tốt hơn sao, trước tiên ta hãy đóng một cái thuyền, rồi sau đó đi thám

thính khu vực, chúng ta sẽ bơi ngược dòng sông, còn nếu muốn thì bơi ra biển và vòng quanh đảo! Chỉ cốt sao chúng ta không bị tập kích!

- Một ý kiến hay đấy, Pencroff ạ! – viên kỹ sư trả lời – Nhưng không thể chờ đợi được. Bởi vì nhanh nhất cũng phải mất một tháng anh mới đóng xong chiếc thuyền.

- Thuyền thực sự thì vậy. – chàng thủy thủ trả lời – Nhưng chúng ta không cần thuyền để bơi trên biển, nhiều nhất là năm ngày tôi bảo đảm đóng xong cái thuyền đáy bằng vỏ cây theo kiểu thuyền của người da đỏ có thể bơi trên sông của ta...

Ngày hôm sau, Pencroff hối hả bắt tay vào việc đóng thuyền dưới sự hướng dẫn của kỹ sư.

*

* *

Ngày 29 tháng mười, Pencroff đã giữ đúng lời hứa và trong năm ngày đã đóng xong chiếc thuyền bằng vỏ cây, thân được gắn kết bằng những cành cây mềm dẻo. Một chiếc thang đặt ở đuôi thuyền, thang giữa được gia cố hai bên mạn thuyền, thang thứ ba ở mũi thuyền để làm cọc chèo. Thuyền còn được trang bị hai mái chèo, mái chèo ở đuôi dùng để lái. “Con tàu nhỏ” ấy dài mười hai bộ và trọng lượng không quá hai tạ. Hạ thuyền xuống nước chẳng khó khăn gì. Con nước lên đã tự nâng nó. Pencroff nhảy phắt vào thuyền, thử lái bằng mái chèo ở đuôi và tin chắc rằng

con thuyền đạt yêu cầu.

- Hoan hô! – chàng thủy thủ kêu to, được thể khoe khoang sự thành công của mình – Chúng ta có thể ngồi lên chiếc thuyền này đi du lịch vòng quanh...

- Thế giới? – Gédéon Spilett nói hòa theo.

- Không, vòng quanh đảo... Nào, các bạn, trèo lên, xem con tàu mới của chúng ta có chịu trọng lượng của năm người không!

Thế là tất cả ngồi vào thuyền, phân công nhau bơi. Họ bơi xa khỏi bờ để nhìn thấy hết tầm núi Franklin, rồi vòng trở lại cửa sông. Họ bơi như vậy được ba phần tư giờ; con thuyền đã gần đến cuối mũi đảo, và Pencroff đã định bơi vòng qua đó thì bỗng Harbert chồm lên và chỉ tay vào một chấm đen nào đó kêu to:

- Có cái gì đó ở trên bãi cát đằng kia kìa!

Mọi người nhìn về hướng đó.

- Đúng, ở đấy có cái gì thật. – chàng nhà báo nói.

- Chà! – Pencroff kêu to – Thế mà tôi lại biết đó là cái gì đấy.

- Cái gì vậy? – Nab hỏi.

- Một cái thùng phuy! Thùng phuy – và khả năng đó là những thùng phuy chứa đầy hàng! – chàng thủy thủ đáp.

Con thuyền cập vào bờ...

Pencroff đã không lầm. Trên bờ là hai cái thùng phuy bị cát vùi đến lưng chừng và buộc chặt vào một cái hòm to nổi trên mặt nước.

- Không nhẽ gần hòn đảo của chúng ta lại xảy ra một tai nạn đắm tàu? – Harbert hỏi.

- Có lẽ! – Gédéon Spilett trả lời.

- Trong hòm có cái gì nhỉ! – Pencroff sốt ruột kêu lên – Hòm đóng kín, lại chẳng có gì để cạy nắp ra!

Chàng thuỷ thủ đã định lấy hòn đá to đập vào thành hòm, nhưng viên kỹ sư ngăn lại, ông yêu cầu mọi người buộc các thứ tìm được vào thuyền, kéo về Lâu đài Đá hoa cương để mở ra và kiểm tra.

Tất cả những người khai khẩn thật là vui sướng, bởi trong hòm có đủ các loại dụng cụ: dao, rìu, bào, đục, dũa, cưa, khoan, đinh ốc, đinh vít; nhiều loại vũ khí khác nhau. Súng săn, súng cabin, kèm theo nhiều đạn dược; các loại khí cụ, máy lục phân, ống nhòm, dụng cụ vẽ, địa bàn, nhiệt kế Fahrenheit, phong vũ biểu, một chiếc máy ảnh kèm theo các dụng cụ, phụ tùng cần thiết như: ống kính, phim, giấy và hoá chất in phóng ảnh; nhiều quần áo vải và bát tất; đủ các loại dụng cụ nấu ăn: nồi, xoong, đồ dùng bằng nhôm, bình trà, dao. Và sách gồm nhiều cuốn: thánh kinh, tập bản đồ, từ điển thổ ngữ Polinesia, bách khoa toàn thư khoa học tự nhiên gồm sáu tập, giấy viết và sổ sách.

Sau khi thống kê xong, chàng nhà báo nói:

- Chủ của chiếc hòm này là người biết lo xa không chê vào đâu.

Ở đây chẳng còn thiếu thứ gì. Quả thật có thể nghĩ rằng ông ta đã

đợi tai nạn đắm tàu và đã chuẩn bị trước!

Trong ngày, những người khai khẩn đã chuyển hết các thứ đồ họ bắt được vào Lâu đài Đá hoa cương và xếp cẩn thận trong phòng lớn.

*

* *

Sang ngày hôm sau, 30 tháng mười, những người ngụ cư chuẩn bị lên đường. Bây giờ, sau tất cả những gì mới xảy ra, việc nghiên cứu đảo không thể trì hoãn được.

Gédéon Spilett đề nghị khảo sát đảo để giải quyết dứt khoát vấn đề ở đây đã có xảy ra tai nạn đắm tàu không.

Ba giờ chiều, họ đến một vịnh hẹp, kín, là một bến cảng thiên nhiên tốt. Mọi người lên bờ, ăn trưa, rồi hết sức chăm chú nhìn qua ống nhòm quan sát vùng duyên hải cần nghiên cứu, bắt đầu từ bờ cát tới các dải đá ngầm, nhưng không phát hiện thấy dấu vết vụ tai nạn đắm tàu nào.

- Vậy thì kết luận thế nào đây? – chàng nhà báo hỏi.

- Kết luận là thế này – viên kỹ sư đáp – Khoảng ba tháng trước, có một con tàu lạ đã cố ý hoặc bị bắt buộc ghé vào đây...

- Thế nghĩa là, thưa ngài Cyrus, ngài cho rằng con tàu đã biến mất tăm? – nhà báo hỏi.

- Không, Spilett thân mến, nhưng anh hãy đồng ý rằng bây giờ nó không còn ở đây nữa.

- Nghĩa là, thưa ngài Cyrus, nếu cháu hiểu ngài đúng thì con tàu đã bơi đi mất rồi? – Harbert nói.

- Có lẽ!

- Nếu đã lỡ cơ hội rồi thì ta về thôi! – Pencroff nói, anh chàng đã bắt đầu nhớ Lâu đài Đá hoa cương.

Nhưng anh vừa đứng dậy thì thấy có tiếng con Top sủa vang.

Con chó từ trong rừng phóng ra, răng ngoạm một miếng gì bẩn thỉu. Nab giật miếng ấy ra khỏi mõm con chó. Anh nhận thấy đó là một mảnh vải gai.

Con Top sủa đầy kích động, nó chạy, nhảy như mời ông chủ đi theo nó vào rừng.

- Biết đâu lời giải đáp về viên đạn chì ở đó cũng nên! – Pencroff thốt lên.

Và tất cả đều đi theo con chó, họ lách giữa những cây thông cao dựng thành bức tường ở cửa rừng. Cyrus Smith và các bạn của ông đều lên đạn súng, đề phòng mọi sự bất trắc.

Những người khai khẩn đi sâu vào rừng, nhưng họ đã thất vọng, họ không phát hiện thấy dấu chân người.

- Mà làm sao thể Top? – Cyrus Smith hỏi.

Con Top càng sủa càng to hơn và chạy nhảy loăng quăng bên cạnh một gốc cây thông khổng lồ cành lá xum xuê.

- Tuyệt thật! Ra thế đấy! – Bỗng Pencroff reo lên.

Và chàng thuỷ thủ chỉ tay lên một mảnh vải lớn có màu trắng

trên ngọn thông: con Top có lẽ đã tha về cho họ miếng vải rách, rơi dưới đất.

- Không nhẽ đó là...

- Phải rồi, đó là tất cả những gì còn lại của quả khí cầu bay, khi nó bị mắc trên cành cây.

Pencroff đã không làm và lại kêu lớn lên: Hoan hô!

- Thế là lại có thứ vải tuyệt diệu nữa! Chúng ta sẽ có vải may quần áo mặc trong nhiều năm liên tiếp! Chúng ta sẽ may khăn tay và áo! Thế nào, thưa ngài Smith, ngài sẽ nói gì về hòn đảo có vải bọc trên cây?

Họ quyết định giữ gìn vỏ khí cầu để sau này nếu cần sẽ du hành trên không, hoặc dùng vài trăm vuông vải sợi tốt vào việc có ích, sau khi đã khử hết dầu trong vải. Dĩ nhiên mọi người đã chia sẻ niềm vui của Pencroff.

Nhưng cần phải hạ vỏ khí cầu từ trên cây xuống và cất giấu vào một nơi chắc chắn. Tiến hành việc đó không phải dễ dàng. Nab, Harbert và chàng thủy thủ đã leo lên ngọn thông và loay hoay mất hơn hai giờ mới hạ được xuống đất vỏ khí cầu cùng với van khí, lò xo, các bộ phận bằng đồng, lưới, các dây cáp.

Đêm xuống dần. Những người ngụ cư quyết định để thuyền lại, đi bộ trở về lâu đài. Khi các khách bộ hành của chúng ta về đến mũi Tim thấy, nơi họ phát hiện ra thùng đồ quý báu, trời đã bắt đầu tối. Cả ở đây nữa họ cũng không tìm thấy dấu vết tàu đắm và

đành phải đồng ý với kết luận của Cyrus Smith đã rút ra.

Từ mũi Tím thấy đến Lâu đài Đá hoa cương còn bốn dặm nữa.

Họ đi men theo bờ biển và về đến khúc sông Tạ ơn thì đúng nửa đêm. Khúc sông ở đây rộng tám mươi bộ, nhưng vượt qua không phải dễ dàng.

Trong lúc Pencroff và Nab đóng bè để qua sông thì Cyrus Smith và Gédéon Spilett ngồi đợi, cần gì thì giúp, còn Harbert đi dạo ngược dòng ngay lúc đó.

Bỗng chú chạy trở lại và chỉ xuống sông kêu lên:

- Xem kìa! Cái gì dưới đó vậy?

- Ê, thuyền kìa! – Pencroff kêu theo thói quen của một chàng thủy thủ.

Không một lời đáp lại! Con thuyền vẫn tiến gần, và khi nó còn cách họ chừng mười hai bước, chàng thủy thủ kinh ngạc thốt lên:

- Ô, thuyền của ta đây mà! Nó bị đứt neo, nên nó mới trôi xuôi dòng. Thật đúng lúc ghê!

- Thuyền của ta ư? – kỹ sư lầm bầm.

Nab và chàng thủy thủ đã khéo léo dùng một cái sào dài móc chiếc thuyền vào bờ.

Viên kỹ sư nhảy xuống thuyền trước tiên, túm lấy sợi dây neo, sờ nắn và tin chắc là nó đã bị cứa vào vách đá đứt thật. Chàng nhà báo khẽ nói với ông:

- Tôi cho đây là một trường hợp...

- Rất lạ kì! – Cyrus Smith nói nốt ý của chàng nhà báo.

Dẫu sao thì sự ngẫu nhiên này cũng là một dịp may! Mọi người xuống thuyền. Họ không nghi ngờ rằng dây neo bị cắt đứt! Kì lạ hơn con thuyền đã xuất hiện đúng lúc và những người ngụ cư ở trên bờ có thể tóm được nó. Chứ chậm một lát nữa thôi là nó trôi hút ra biển mất rồi.

Sau mấy nhịp chèo những người khai khẩn đã trở về đến cửa sông Tạ ơn. Họ lôi thuyền lên bờ cát gần Hang ngụ cư, và tất cả đi về chỗ thang dây của Lâu đài Đá hoa cương.

Nhưng bỗng con Top bắt đầu sữa dữ dội, còn Nab thì mò mẫm tìm bậc thang thứ nhất và hét lên kinh hoàng.

Thang dây đã biến mất.

*

* *

Cyrus Smith im lặng dừng lại. Các bạn của ông sờ soạng tìm trong đêm tối bức tường đá hoa cương. Thoạt đầu họ tưởng gió đã thổi bay chiếc thang đi, sau họ lại cho rằng thang bị đứt, nên tìm mãi trên mặt đất. Nhưng chiếc thang dây đã không còn ở đó nữa.

- Tôi bắt đầu nghi ngờ rằng trên đảo Lincoln đang xảy ra những việc kì quái! – Pencroff càu nhàu.

- Các bạn, – Cyrus Smith lên tiếng – chúng ta chỉ còn mỗi một cách. Đợi đến sáng và lúc đó thì tùy tình hình mà hành động.

Còn tạm thời chúng ta hãy về Hang ngụ cư, nhịn đói bữa tối đi ngủ vậy.

Nói thế chứ làm sao mà chộp mất được. Lâu đài Đá hoa cương đâu phải chỉ là chỗ ở, mà còn là kho chứa các tài sản của họ: vũ khí, dụng cụ, khí cụ, đạn dược...

Trời vừa hửng sáng, những người khai khẩn trang bị đủ lệ bộ trở lại Lâu đài Đá hoa cương. Không còn nghi ngờ gì nữa, đúng là có ai đó đã lọt vào lâu đài của họ.

Đoạn thang trên bậc đá dẫn lên cửa ra vào vẫn còn nguyên tại chỗ, thế nhưng đoạn thang dưới đã bị ai đó kéo lên tận thêm cửa. Rõ ràng là những người xộc vào nhà đã tìm cách đề phòng mọi chuyện bất ngờ.

Harbert nảy ra ý tưởng buộc dây vào mũi tên bắn lên, sao cho mũi tên xuyên qua những thanh ngang phía dưới thêm cửa, rồi khê kéo sợi dây – thang rơi xuống đất, khi đó họ sẽ trèo lên Lâu đài Đá hoa cương.

Mũi tên bay trúng đích. Công việc đã tiến hành xong. Harbert chụp ngay lấy đầu dây, trong khoang cửa thoáng xuất hiện cánh tay của ai đó tóm lấy chiếc thang và kéo nó trở lại Lâu đài Đá hoa cương.

- Ai thế nhỉ? – Nab hỏi.

- Đó là con khỉ đấy! Bây giờ đã chiếm nhà của chúng ta rồi.

Chúng đã leo lên thang dây trong lúc chúng ta đi vắng.

Đúng lúc ấy, như thể khẳng định lời chàng thuỷ thủ là đúng, ba, bốn con vật bốn chân thò đầu ra cửa sổ, méu môi, nhăn mặt như muốn chào các du khách theo kiểu của mình.

- Tôi đã biết mà, tất cả những chuyện này là trò giễu cợt của kẻ nào đó thôi, – Pencroff thét lên – Hãy cho một tên cợt nhả ấy trả giá cho tất cả bọn chúng.

Chàng thuỷ thủ nâng súng lên, ngắm nhanh và bóp cò. Bầy khi biển mất, chỉ còn một con bị thương rơi xuống bờ cát.

- Chẳng nhẽ không còn cách gì lên được trên đó hay sao? – Pencroff sốt ruột thốt lên.

- Có một cách. – viên kỹ sư nói, có lẽ ông đã nghĩ ra được điều gì. Một lát sau ông nói tiếp. – Ta thử lần theo đường thoát nước cũ để xuống Lâu đài Đá hoa cương xem.

Họ đi chưa đầy năm chục bước đã nghe tiếng con Top sửa vang gọi lại. Mọi người vội vã chạy về theo hướng bờ sông và thấy bầy khi hoảng hốt lao đến các cửa sổ. Năm sáu con đã trở thành mục tiêu cho họ nổ súng. Những con bị thương và chết rơi vào các phòng. Những con còn lại liều mạng nhảy xuống đất. Mấy phút qua, hình như trong Lâu đài Đá hoa cương không còn con khi nào nữa.

Vừa lúc ấy, họ thấy chiếc thang được tuồn từ phía sau ngưỡng cửa ló ra và rơi xuống.

- Tuyệt thật! – chàng thuỷ thủ kêu to, ngó sang Cyrus Smith.

- Đúng, tuyệt thật! Nhưng đâu phải là quá đáng? – kỹ sư lẩm bẩm và là người đầu tiên leo lên thang dây.

- Hãy cẩn thận đấy, ngài Cyrus! – Pencroff kêu – Có thể lũ khi còn ở trên ấy.

- Bây giờ ta sẽ thấy. – kỹ sư nói, không dừng lại.

Các bạn ông bắt đầu trèo theo và một phút sau họ đã lên đến ngưỡng cửa. Họ lục soát khắp nhà. Không thấy ai trong các phòng ở lẫn nhà kho.

- Thế việc ném cho ta chiếc thang dây thì giải thích sao nhỉ? – chàng thủy thủ nhận xét – Bậc quân tử nào đã thả nó xuống?

Vừa lúc ấy có tiếng kêu vang lên và một con khi lớn trốn ngoài hành lang lao vào phòng, Nab đuổi theo sau nó.

- À, mày là tên cướp! – Pencroff thét lên.

Anh vùng rìu định bổ vỡ sọ con vật, nhưng Cyrus Smith ngăn lại.

- Hãy thương hại con khi, Pencroff!

Mọi người lao đến chỗ con khi, nó chống cự một cách dữ tợn, nhưng nó đã bị đè xuống và người ta trói chặt nó lại.

- Ôi chao! – Pencroff thở hồng hộc – Thế chúng ta biết làm gì với nó bây giờ?

- Cho nó làm việc phục dịch! – Harbert trả lời.

Khi nói điều ấy chú bé không định đùa bỡn, chú biết một con khi thông minh có thể đem lại ích lợi như thế nào.

Thế là trên đảo lại xuất hiện thêm một người khai khẩn nữa, mà sau này nó đã đóng góp nhiều công lao cho mọi người. Theo đề nghị của chàng thuỷ thủ, và để kỷ niệm về một con khỉ mà đã có dịp nào đó trong đời anh đã biết đến, anh gọi nó là Jupiter, mọi người đồng ý đặt cho thành viên mới cái tên tắt là “Jup”.

Jules Verne

Hòn đảo bí mật

Nguyễn Văn Cửa phỏng dịch

Chương 7

Việc sản xuất thuốc súng

Thế là những người khai khẩn ở đảo Lincoln đã giành lại được chỗ ở của mình.

Phần cuối ngày họ đã đem các xác vượn vào rừng chôn; sau đấy họ thu dọn lại trật tự trong nhà đã bị các vị khách không mời mà đến làm đảo lộn lung tung, nhưng hầu như không bị phá phách cái gì. Nab dùng các thứ dự trữ trong kho nấu bữa ăn trưa ngon lành.

Jup không bị lãng quên. Chú được ăn ngon lành những vật bá hương, và các loại quả củ. Pencroff cởi dây trói ở tay cho chú, nhưng quyết định không cởi dây trói ở chân cho đến khi tin chắc rằng chú biết nghe lời mọi người.

Trước khi đi ngủ, Cyrus Smith và các bạn của ông ngồi bàn một số kế hoạch cần phải thực hiện nhanh chóng hơn.

Họ thấy việc quan trọng và cấp bách nhất là bắc một cây cầu qua sông Tạ ơn, kế đến là xây dựng một trại nuôi cừu và các giống

vật khác mà họ đã quyết định thuần hoá.

Sau khi thực hiện hai kế hoạch đó, những người khai khẩn sẽ giải quyết được vấn đề bức bách nhất là may sắm quần áo.

Cyrus Smith dự định xây dựng trại chăn nuôi gia súc ở cạnh nguồn suối Đỏ, trên núi tha hồ có cỏ tươi non. Con đường giữa cao nguyên Tầm nhìn và nguồn suối Đỏ hầu như đã được hình thành, còn khi nào đóng được chiếc xe kéo hoàn thiện thì việc di chuyển của họ sẽ đỡ vất vả hơn, nhất là nếu họ bắt được con vật nào đó có thể dùng để kéo xe. Nab nhận phần tìm bắt gia súc hoang và thuần hoá nó thành vật nuôi. Để tiện cho việc chăm sóc gia súc của Nab, chuồng nuôi gia súc cần được đặt gần nguồn nước. Họ đã quyết định thử thuần hoá một cặp chim gâu đuôi gồm một con trống và một con mái mới bắt được trong một chuyến đi thám hiểm gần đây. Kỹ sư cũng làm chuồng để nuôi bồ câu rừng.

Sáng ngày 3 tháng mười một. Tất cả những người khai khẩn đều phải tham gia vào công việc quan trọng là xây dựng chiếc cầu qua sông Tạ ơn. Từ Lâu đài Đá hoa cương tới cảng Khí cầu chỉ có ba dặm rưỡi, giữa hai điểm ấy làm một đường cho xe kéo đi chẳng khó khăn gì.

Công việc tất nhiên là phức tạp, sông ở đây rộng tám mươi bộ. Ở phần cần cố định họ phải đóng cọc, các nhà xây dựng đã dùng cọc để làm móng cầu, do đó cầu có thể chịu được trọng tải lớn.

May sao, họ không thiếu thứ gì, kể cả dụng cụ, lẫn đinh và ốc sáng tạo. Viên kỹ sư am hiểu công việc, còn các bạn của ông sau bảy tháng qua cũng tiếp thu được nhiều kỹ năng lao động và bây giờ đã giúp đỡ ông một cách sốt sắng có hiệu quả.

Vừa làm Cyrus Smith vừa trao đổi với các bạn về một kế hoạch mà ông đã nghĩ tới từ lâu. Thực hiện kế hoạch đó rất dễ và nó sẽ đem lại lợi ích lớn lao cho cả vùng di dân. Kế hoạch đó là ngăn cách cao nguyên Tầm nhìn với thế giới bên ngoài, bảo đảm cho nó được an toàn, tránh được sự tấn công của kẻ thù bốn chân trên đảo. Như vậy, Lâu đài Đá hoa cương, Hang ngụ cư, sân nuôi gia cầm và toàn bộ phần trên của cao nguyên dự tính dùng để gieo trồng đều được bảo vệ khỏi những kẻ phá hoại đột nhập.

Cao nguyên sẽ được ngăn cách sẵn từ ba phía bởi hồ nước và một con sông nhân tạo và một con sông tự nhiên.

Ở phía Tây Bắc, hồ Grant trải rộng mênh mông, bờ hồ đi từ vịnh nhỏ, chỗ đường thoát nước cũ, tới nơi được phá bằng mìn ở bờ phía Đông.

Từ chỗ được phá này, ở phía Bắc của cao nguyên đã hình thành một thác nước đổ xuống biển. Dòng nước tiếp tục chảy theo sườn núi và bờ cát. Chỉ cần đào sâu dòng suối nhân tạo này trên suốt đường chảy của nó là họ sẽ có một đường ngăn thú dữ.

Dọc theo suốt mé đông cao nguyên từ con suối dẫn lên đến cửa sông Tạ ơn đã có biển bảo vệ.

Cuối cùng, phía nam cao nguyên được án ngữ bởi hạ nguồn sông Tạ ơn, từ cửa sông tới chỗ uốn khúc, nơi những người khai khẩn đảo đang định bắc cầu.

Như vậy là chỉ còn lại có mé tây cao nguyên, giữa chỗ sông uốn khúc và bờ hồ phía Nam, đoạn này dài chừng một dặm, trông trải, có nguy cơ bị bất kì cuộc xâm nhập nào. Những người khai khẩn đảo đào một cái hào rộng và sâu, dẫn nước hồ vào, làm một đường thoát nước thứ hai, nhưng lần này thì thoát ra phía sông Tạ ơn. Tất nhiên, mực nước trong hồ sẽ vì vậy mà hạ thấp xuống, nhưng Cyrus Smith đã trù tính rằng con suối Đỏ sẽ cung cấp đủ lượng nước để thực hiện ý định của ông.

Cyrus Smith đã vẽ bản đồ cao nguyên để giải thích rõ hơn tất cả những điều ông phác hoạ trong đầu cho các bạn của mình nghe, và họ hiểu ngay ý đồ của ông, họ nhất trí tán thành kế hoạch ấy. Suốt ba tuần liền, họ miệt mài thậm chí ăn cơm trưa ở ngay nơi làm việc. Thời tiết tốt nên chỉ đến bữa tối họ mới quay về.

Ngày 20 tháng mười một, họ hoàn thành việc xây dựng cầu.

- Đã đến lúc chuẩn bị gieo lúa mì vụ hai! – một hôm chàng thủy thủ kêu to với một vẻ quan trọng.

Tháng mười hai rất oi bức, nhưng mọi công việc vẫn được tiến hành theo kế hoạch. Mọi người đã nhắc đến việc đi chở vỏ khí cầu về. Chiếc xe ba gác đã được đóng sửa lại nên thuận tiện hơn và nhẹ nhàng hơn. Nhưng cần phải tìm ra sức kéo mới được.

Ngày 23 tháng mười hai, những người khai khẩn đang làm việc ở Hang ngụ cư, bỗng nhiên thấy vang lên những tiếng kêu la của Nab và tiếng sửa vang của Top. Mọi người chạy lại phía có tiếng kêu, sợ có tai nạn gì xảy ra.

Họ đã nhìn thấy hai con vật tuyệt đẹp lạc vào cao nguyên, – những chiếc cầu nhỏ đã được hạ xuống. Các con vật ấy, một con đực và một con cái giống những con la, lông màu hung nhạt, đuôi và chân màu trắng, còn đầu, cổ, mình sọc đen như ngựa vằn. Chúng thận trọng bước lại gần, chẳng hề sợ hãi gì, và nhìn những người mà chúng chưa thừa nhận là chủ bằng những con mắt thông minh hiền hậu.

- Đúng, đây là những con la rừng! – Harbert kêu lên – Chúng thuộc loại súc vật được phối giống giữa ngựa vằn và lừa.

Chàng thủy thủ núp trong cỏ bò tới để khỏi làm những con vật hoảng hốt. Đến cây cầu nhỏ bắc qua suối Glixerin anh nâng đầu cầu lên, những con la rừng đã bị bắt làm “tù binh” một cách dễ dàng.

Mấy ngày đầu chúng vẫn được tự do gặm cỏ để quen dần. Sau đấy, những người chủ đã đóng chuồng và nhử chúng vào ở.

Chẳng mấy chốc Pencroff đã thuần hoá được hai con vật. Chúng tự đến với họ. Chúng để cho mọi người đến gần, nhưng hễ thắng vào xe là chúng lông lên. Tuy vậy, chẳng bao lâu sau, những con vật cũng chịu tuân phục số phận.

... Và đã đến ngày tất cả những người ngụ cư, trừ Pencroff đi trước dắt la, đều lên xe và đi ra cảng Khí cầu. Chiếc xe vẫn đi đến nơi một cách bình yên vô sự, và ngay hôm ấy những người khai khẩn đã chất vỏ và các bộ phận khác của khí cầu lên xe chở về. Tám giờ tối, họ dừng xe trước Lâu đài Đá hoa cương.

*

* *

Cả tuần thứ nhất của tháng giêng, những người ngụ cư dành thời gian để may áo quần cần thiết.

Chỉ thì không thiếu: Cyrus Smith đã đề nghị tận dụng chỉ tháo ở vỏ khí cầu ra.

Vải khí cầu đã được họ khử bỏ chất dầu bằng xút và bỏ tạt điều chế từ tro. Sau khi khử, vải trở nên mềm mại và co giãn bình thường. Dem phơi nắng, nó bay màu và trắng ra. Cũng vào thời gian ấy, họ đã tự khâu lấy giày bằng da hải báo. Sáng kiến này rất đúng lúc, vì giày và ủng họ mang từ Mỹ đều đã rách nát cả. Đã sang năm 1866, thời tiết oi bức chưa bớt đi, nhưng việc săn bắn trong rừng vẫn được tiếp tục.

Cyrus Smith khuyên mọi người tiết kiệm đạn dược và đề ra một số biện pháp thay số thuốc súng và đạn tìm được trong hòm.

Viên kỹ sư có thể làm được thuốc súng lắm, bởi vì ông đã có sẵn diêm tiêu, lưu huỳnh, than, những việc chế biến đòi hỏi hết sức cẩn thận, và không có các thiết bị đặc biệt khó làm được thuốc

súng có chất lượng tốt.

Bởi vậy, Cyrus Smith ưa sản xuất thuốc súng bông hơn, tức là chất nổ thông thường làm bằng sợi bông. Tuy nhiên có thể không cần bông cũng được, bởi vì thực chất chỉ cần dùng chất xenlulo, mà xenlulo thì có rất nhiều trong các loại thực vật.

Còn một chất khác cần cho việc điều chế thuốc súng bông là axit nitric bốc khói. Cyrus Smith đã có axit sunfuric nên ông có thể dễ dàng thu được axit nitric bằng cách dùng axit sunfuric để xử lí diêm tiêu sẵn có trong thiên nhiên. Để được thuốc súng bông chỉ cần nhúng xenlulo vào axit nitric bốc khói trong một phần tư giờ, sau đó đem ra rửa và phơi khô.

Vào thời điểm ấy, những người ngụ cư đã vỡ hoang được ba acre đất trên cao nguyên Tầm nhìn, số đất còn lại họ dành làm các bãi chăn nuôi dê rừng. Đã mấy lần những người khai khẩn vào rừng lấy giống một số rau mọc hoang như diếp, củ cải, khoai tây... về trồng. Chẳng bao lâu, với sự chăm sóc khéo léo, các loại rau đều trở nên tốt tươi.

Các chuồng trại bây giờ đã được xây dựng vững chắc bằng ván, và những người ngụ cư bắt đầu những cuộc vây bắt những con vật nhai lại ở chân núi Franklin, trên các bãi cỏ. Không còn nghi ngờ gì nữa, đàn gia súc này sẽ ngày càng đông lên, bảo đảm thoả mãn lông và da cho những người khai khẩn.

*

* *

Ngay tuần lễ đầu tiên của tháng ba thời tiết đã thay đổi. Đầu tháng, trăng tròn vành vạnh, nhưng trời vẫn nóng bức không chịu nổi. Có cảm giác như không khí tích đầy điện, chắc chắn mùa mưa bão sẽ kéo dài khá lâu.

Thật vậy, ngày 2 tháng ba, sấm đã nổ rền vang. Gió đông nổi lên và cơn mưa đá hạt to bằng trứng chim bồ câu đã rơi thẳng vào cửa Lâu đài Đá hoa cương.

Tranh thủ lúc thời tiết xấu, những người khai khẩn làm công việc trong nhà, mỗi ngày họ làm thêm được một việc mới. Kỹ sư đã tạo ra được một cái máy tiện và tiện các đồ cho nhà bếp, phòng vệ sinh; ông làm khuy áo, giá súng, tủ, giá sách...

Pencroff lúc nào cũng khen ngợi con khi không tiếc lời:

- Jup của chúng ta bây giờ đã tài lắm! Ai cũng bằng lòng về nó, chẳng hề nghe chú ta chửi tục một tiếng bao giờ. Một người hầu phải tuyệt trần thế chứ phải không Nab!

- Học trò của tôi đấy. – Nab trả lời – Chú ta sắp theo kịp tôi rồi đó!

Quả thực là Jup hiểu thấu đáo trách nhiệm của mình. Chú rửa quần áo, trở que nướng thịt, quét nhà, phục vụ bàn ăn, xếp củi và điều đặc biệt làm cho Pencroff thần phục là trước khi ngủ bao giờ chú Jup cũng dọn giường cho chàng thủy thủ đáng kính.

Và thật thế, mọi người đều cảm thấy khoẻ khoắn lắm. Harbert

sau một năm đã lớn. Gương mặt chú trở nên nghiêm nghị hơn, dũng cảm hơn, và nhìn chung thấy rằng chú sẽ thành một con người tốt, cả về thể lực và trí lực. Những lúc rảnh rỗi chú lao vào học tập.

Cyrus Smith giúp chú trang bị kiến thức về lĩnh vực khoa học, Gédéon Spilett giúp chú trang bị kiến thức về ngôn ngữ.

Kỹ sư tha thiết mong muốn truyền cho chú bé tất cả những gì ông biết, răn dạy chú bằng việc làm và lời nói; cái hay của Harbert là chú tiến bộ rất nhanh khi học với các thầy giáo của mình.

“Nếu ta chết, – Cyrus Smith nghĩ – chú nhóc sẽ thay ta!”...

Ngày 17 tháng ba, trước sự mãn nguyện của mọi người chiếc thang thuỷ lực lần đầu tiên đã hoạt động.

Cyrus Smith đã thực hiện lời hứa của mình. Dưới sự hướng dẫn của viên kỹ sư, những người khai khẩn đã mở rộng lỗ thoát nước cũ của hồ, cho nước chảy xuống giếng sâu thành một dòng thác. Sức nước đã làm quay bánh xe cuốn sợi cáp. Đầu cáp buộc một cái giỏ treo để đưa người hay hàng lên xuống.

Vào những ngày ấy Cyrus Smith còn thử chế tạo kính thuỷ tinh từ cát, đá phấn và xút. Công việc mới, nhưng ông đã tận dụng lò gốm cũ. Gédéon Spilett và Harbert đã giúp viên kỹ sư đắc lực trong việc thổi và cán thuỷ tinh. Và họ đã thành công, năm mươi tám kính đã ra đời, được dùng để lắp vào cửa sổ, tuy không được

trong hầm, nhưng đủ cho ánh sáng lọt qua tốt. Sau đấy, ông xây các lò nung bát đĩa, li, chai dùng trong đời sống hàng ngày.

Theo đề nghị của Gédéon Spilett, kỹ sư Cyrus đã dùng máy lục phân kiểm tra lại công việc xác định vị trí hòn đảo của mình.

Theo số liệu đầu tiên của ông, đảo Lincoln ở giữa 150° và 155° kinh tuyến tây; giữa 30° và 35° vĩ tuyến nam.

Bây giờ những tính toán hoàn toàn chính xác cho biết đảo nằm ở vị trí.

$150^{\circ} 30'$ kinh tuyến tây.

$34^{\circ} 57'$ vĩ tuyến nam.

Nghĩa là đúng như kết quả đầu tiên mà kỹ sư đã tính, sai số không quá năm độ.

Họ lật bản đồ Thái Bình Dương ra, viên kỹ sư cầm chiếc compa để xác định vị trí của hòn đảo.

Bỗng ông lặng người đi, đưa tay chỉ vào tấm bản đồ nói:

- Đúng, ở khu vực này của Thái Bình Dương trên bản đồ có vẽ một hòn đảo.

- Đó là đảo gì thế ạ? – Harbert hỏi.

- Đảo Tabor.

- Đảo có lớn không?

- Không, đây là một hòn đảo nhỏ ở Thái Bình Dương, chắc chẳng có ai lên đó làm gì!

- Vậy ta sẽ lên đó. – Pencroff tuyên bố.

- Chúng ta sẽ đóng một con tàu có boong, tôi sẽ đảm nhận việc lái nó. Thế chúng ta ở cách đảo Tabor bao xa?
 - Khoảng một trăm năm mươi hải lí về phía tây bắc. – Cyrus Smith trả lời.
 - Một trăm năm mươi hải lí! – Pencroff tuyên bố – Nếu thuận gió thì chỉ hai ngày hai đêm là ta đến đó thôi.
 - Nhưng mà để làm gì? – nhà báo hỏi.
 - Thì cứ đến thôi. Cũng cần phải đến xem láng giềng của chúng ta chứ!
- Sau câu trả lời ấy, những người ngụ cư đã quyết định sẽ đóng tàu, và họ sẽ bơi sang đảo Tabor vào tháng mười, là lúc thời tiết tốt nhất.

Jules Verne

Hòn đảo bí mật

Nguyễn Văn Cửa phỏng dịch

Chương 8

Tàu Bonadventur

Nếu Pencroff đã nảy ra trong đầu một sáng kiến là anh không yên tâm nếu chưa thực hiện được việc ấy. Chẳng hạn, anh nghĩ ra chuyện đi đến đảo Tabor, muốn vậy phải có một chiếc tàu khá lớn – thế là chàng thủy thủ lao vào đóng tàu.

Viên kỹ sư, với sự đồng tình của chàng thủy thủ, đã dừng lại ở phương án như sau. Họ sẽ đóng một chiếc tàu, chiều dài bằng ba mươi lăm bộ, chiều ngang chín bộ, đủ tạo cho nó mọi tốc độ.

Tàu được trang bị giống như thuyền buồm lớn, nghĩa là có nhiều buồm có thể điều khiển, phối hợp một cách dễ dàng trong lúc có bão biển.

Họ đóng tàu bằng gỗ vốn có sẵn rất nhiều trên đảo.

Sau khi cân nhắc mọi điều đến từng chi tiết, những người khai khẩn quyết định chỉ có Cyrus Smith và Pencroff lo việc đóng tàu thôi, bởi vì còn sáu tháng nữa mới đến mùa xuân.

Chỉ sau một tuần, tại khu đất trũng nằm giữa Hang ngụ cư và dãy

núi đá hoa cương, nơi đặt xưởng đóng tàu, đã thấy có một thanh gỗ ba mươi lăm bộ làm sống tàu cùng với sống đuôi và sống mũi trước.

Cyrus Smith am hiểu công việc đóng tàu, cũng như nhiều việc khác; trước hết ông lập bản vẽ thi công. Quả là ông có người giúp việc tuyệt vời – Pencroff, anh đã từng nhiều năm làm việc ở các xưởng đóng tàu Brooklin, nên anh biết cần phải làm gì.

Nhưng vì một công việc mà có lần anh đã phải rời xưởng mất chỉ đúng một ngày thôi. Đó là ngày 15 tháng tư. Hôm ấy anh đi gặt lúa mì, vụ thu hoạch tuyệt vời, cũng giống như vụ đầu, họ dự tính bao nhiêu thì quả nhiên thu được bấy nhiêu hạt.

- Và nếu vụ sau cũng tốt như thế này thì chúng ta sẽ thu được bốn ngàn buaso.

- Chúng ta sẽ có bánh mì?

- Chúng ta sẽ làm cối xay.

Vì vậy, vụ thứ ba này cánh đồng lúa mì được mở rộng hơn trước, đất được cuốc xới hết sức kỹ càng rồi mới gieo hạt. Xong đâu đó Pencroff mới tiếp tục việc đóng tàu.

*

* *

Mùa đông đã đến vào tháng sáu – tháng này ở nam bán cầu tương tự như tháng mười hai ở các vĩ tuyến Bắc. Đã đến lúc phải quan tâm đến quần áo ấm.

Những người ngụ cư đã cắt lông cừu rừng và bây giờ cần phải làm ra vải từ loại nguyên liệu quý này. Đương nhiên là Cyrus Smith không có máy dệt chế tạo cũng như không có máy dệt để dệt vải, vì vậy, ông phải dùng những phương tiện đơn giản nhất để khỏi dệt và xe sợi. Và thực tế ông đã tận dụng đặc tính của lông thú là khi dàn ra thì nó bị ép mịn lại, các sợi xô lông đan kết vào nhau – bằng cách ấy họ đã làm ra dạ, tuy thô thiển, nhưng là loại vải ấm. Mùa đông, những người khai khẩn lại làm việc ở nhà, họ sửa chữa quần áo, làm các đồ dùng khác nhau, may buồm cho tàu bằng vỏ khí cầu...

Một hôm họ đang quây quần nghe kỹ sư Smith nói chuyện khoa học nghiên cứu dùng sức nước làm nguồn nhiên liệu cho các thể kỉ sắp tới, bỗng con Top cất tiếng sủa. Với một vẻ gì đó rất lạ lùng, đến nỗi đã nhiều lần viên kỹ sư phải nghi ngại. Cũng như trước đây, con Top cứ chạy quanh giếng ở cuối hành lang trong mà sủa. Cả chú Jup cũng càu nhàu, rõ ràng chú bị kích động bởi cái gì đấy.

- Có lẽ, – Gédéon Spilett nói – cái giếng thông với đại dương, bởi vậy một động vật nào đó sống dưới biển thỉnh thoảng vào đó để hít hơi thở.

- Có thể lắm, bởi vì đâu có lối giải thích nào khác được – chàng thủy thủ lên tiếng – Thôi, im đi Top, – chàng quay lại bảo con chó. – Jup, về chỗ đi nào!

Ngày mùng 3 tháng tám, những người ngụ cư đi nghênh cứu bãi lầy ở phía đông nam đảo. Top và Jup cũng đi theo.

*

* *

Không khí lạnh kéo dài thêm một tuần nữa, những người ngụ cư ở nhà không làm gì và quyết định đi thăm trại chăn nuôi xem mọi việc có ổn không. Suốt cả tuần ấy, Pencroff với sự giúp đỡ của Harbert đã khâu buồm và hăng say làm đến nỗi chẳng bao lâu mọi việc đã xong. Bộ trang bị của tàu gồm có các sợi cáp bên bằng tấm lưới tìm được cùng với vỏ khí cầu, chất lượng rất tốt.

Các cánh buồm được khâu bằng dây cáp, dây giăng, dây lèo, dây kéo và các loại dây khác cần thiết. Như vậy là toàn bộ thiết bị của tàu đã được chuẩn bị đầy đủ trước khi đóng xong tàu.

Pencroff thậm chí còn làm một lá cờ, dùng màu đỏ và màu xanh nước biển sơn lên mảnh vải trắng. Bên cạnh ba mươi bảy ngôi sao biển hiện ba mươi bảy tiểu bang trên các lá cờ của các tàu Mỹ, chàng thủy thủ thêm vào ngôi sao thứ ba mươi tám và gọi đó là ngôi sao tượng trưng của bang “Lincoln”.

Trong lúc mùa đông thứ nhất trên đảo sắp hết, những người ngụ cư hi vọng mùa đông thứ hai sẽ trôi qua không có những sự kiện khác biệt.

Đã sang tháng chín, mùa đông đã kết thúc và những người ngụ cư lại hăng hái bắt tay vào công việc.

Cột cò, các cột buồm, mái chèo được làm xong trong tuần lễ đầu tiên của tháng mười. Và những người ngụ cư quyết định thử tàu ở gần bờ đảo, xem nó có chịu nổi lên dưới nước không và có thể dùng nó để đi một chuyến xa đảo không.

Ngày 10 tháng mười, họ hạ thủy con tàu. Mọi việc diễn ra tốt đẹp. Khi họ cho tàu trượt trên những con lăn xuống bờ biển, nước triều đón ngay nó và con tàu kiêu hãnh nổi lên trong tiếng vỗ tay của những người ngụ cư.

Mọi người nhất trí cử Pencroff làm thuyền trưởng. Để hỗ trợ cho thuyền trưởng Pencroff, họ quyết định trước hết đặt tên tàu, và sau những cuộc tranh luận kéo dài, tất cả đều đồng ý đặt tên cho tàu là “Bonadventur”, đó là tên thánh của chàng thủy thủ đáng mến.

“Bonadventur” vừa cưỡi lên sóng mọi người đã tin chắc rằng nó sẽ chịu đựng được dưới nước trong bất kì hoàn cảnh nào của cuộc hành trình.

Ngay ngày hôm ấy họ đã thử cho tàu chạy quanh đảo. Mười giờ rưỡi, tất cả mọi người, thậm chí cả Top và Jup, đều có mặt trên boong tàu. Nab và Harbert nhổ neo được cắm sâu vào trong cát ở gần cửa sông Tạ ơn. “Bonadventur” giương buồm cùng với lá cờ của đảo Lincoln phấp phới bay trên đỉnh, và lên đường ra khơi dưới sự chỉ huy của thuyền trưởng Pencroff.

Con tàu chạy cách bờ ba, bốn hải lí. Từ xa, hòn đảo hiện lên

trước mặt họ dưới một hình thức mới trông thật lộng lẫy.

- Đẹp quá! – Harbert trầm trồ.

- Đúng, hòn đảo của chúng ta đẹp và mến khách. – Pencroff trả lời. Anh yêu nó như yêu người mẹ ruột thịt. – Thừa ngài Cyrus, – Pencroff quay sang phía kỹ sư hỏi – ngài thấy con tàu của chúng ta thế nào?

- Có vẻ tốt lắm! – viên kỹ sư trả lời.

- Tuyệt diệu! Vậy ngài nghĩ sao, có thể cho nó đi một chuyến xa đảo được không?

- Đi đâu, Pencroff?

- Chẳng hạn cho nó sang đảo Tabor.

- Anh bạn của tôi! – Cyrus Smith trả lời – Tôi nghĩ rằng, trong trường hợp cần thiết, có thể không chút lưỡng lự phó thác số phận của mình cho “Bonadventur” thậm chí còn chấp nhận một chuyến du hành đường dài.

Sau chuyến bơi thử ngoài khơi, con tàu tiến vào gần cảng khi cầu, chỉ còn cách cảng nửa hải lí. Harbert đang đứng trên mũi tàu chỉ luồng lạch bỗng kêu to:

- Cho tàu chạy ngược gió, anh Pencroff, cho tàu chạy ngược gió!

- Chuyện gì thế? – chàng thủy thủ đứng dậy hỏi – Đá ngầm à?

- Không! Khoan đã! – Harbert trả lời – Em trông thấy... cho tàu chạy ngược gió đi... như thế tốt rồi... tiến lên chút nữa...

Vừa nói Harbert vừa nhào qua mạn tàu, thò nhanh tay xuống

nước và kêu lên:

- Cái chai!

Chú nâng niu cái chai nút kín vớt được ở cách bờ vào cảng Cabeltov.

Cyrus Smith cầm cái chai, lặng lẽ mở nút và rút ra một mảnh giấy đã thấm nước, trên đó vẫn có thể đọc được những từ như sau:

“Tôi bị nạn đắm tàu... Đảo Tabor (153°) kinh tuyến đông, 37°11’ vĩ tuyến nam”.

Jules Verne

Hòn đảo bí mật

Nguyễn Văn Cửa phỏng dịch

Chương 9

Người lạ

Pencroff kêu lên:

- Thế nào ngài Cyrus Smith, bây giờ ngài sẽ không phản đối chuyến du hành nữa chứ?
- Không, Pencroff, – Cyrus Smith trả lời, - và cần phải khởi hành càng sớm càng tốt.
- Đúng vậy, ngày mai?
- Ngày mai.

Kỹ sư xem qua mảnh giấy mà ông lấy trong chai ra. Ông suy tư điều gì đó, rồi nói:

- Các bạn, dựa vào bức thư này có thể kết luận như sau: Thứ nhất, người bị nạn ở đảo Tabor là một người am hiểu về nghề hàng hải, bởi vì vĩ tuyến và kinh tuyến của đảo mà ông ta cho biết trùng khớp với độ chính xác tới một phút; thứ hai, ông ta là một người Anh hoặc người Mỹ, bởi vì lá thư đã được viết bằng tiếng Anh.

- Một nhận xét hoàn toàn logic, – Gédéon Spilett tuyên bố, đây chính là lời giải đáp. Rõ ràng cái hòm mà chúng ta tìm thấy là ở đâu ra rồi. Một tai nạn đắm tàu xảy ra, vì đã có một người bị nạn.

- Thế có thấy điều gì lạ lùng không? Cyrus Smith hỏi Pencroff.

- Tôi cảm thấy rằng đây là một dịp may có vậy thôi. – chàng thủy thủ đáp – Còn ngài Cyrus, ngài thấy trong việc này có điều gì đó khác thường sao? Bởi vì, cái chai trôi đến đâu chả được? Tại sao nó lại giạt vào đây?

- Có thể anh nói đúng đấy, Pencroff. – viên kỹ sư trả lời, – nhưng...

- Nhưng, – Harbert nhận xét – đâu có gì chứng tỏ cái chai đã trôi trên mặt biển bao lâu rồi? Có nghĩa là bức thư không có ngày tháng?

- Chẳng có gì hết, – Gédéon Spilett trả lời, – và thậm chí cả bức thư cũng có thể mới được viết đây thôi. Ngài nghĩ thế nào về

điều này, thưa ngài Cyrus?

- Khó nói đây, nhưng chúng ta nhất định sẽ giải thích được tất cả! – Cyrus Smith trả lời.

“Bonadventur” đã vòng qua mũi Cái móng và bốn giờ chiều đã thả neo gần sông Tạ ơn. Buổi tối hôm ấy, những người ngụ cư bạn bạc với nhau và đi đến nhất trí là Pencroff, Harbert và Spilett sẽ sang đảo Tabor. Còn Smith và Nab ở lại Lâu đài Đá hoa cương. Trong đêm, những người ngụ cư đã chuyển lên tàu “Bonadventur” các đồ dùng, bát đĩa, vũ khí, đạn dược, địa bàn, lương thực ăn cho một tuần, sau đó họ trở về ngay Lâu đài Đá hoa cương. Hôm sau, năm giờ sáng, ba người bạn xúc động chia tay những người ở lại, nhả neo lên đường... “Bonadventur” chạy rất tốt, nó nhẹ nhàng lướt trên sóng và đạt dần tốc độ khá cao. Thỉnh thoảng, Harbert cầm lái thay cho Pencroff. Chú điều khiển chắc chắn, tàu chạy không bị trệch hướng và thuyền trưởng không có gì phải trách cứ người giúp việc của mình. Gédéon Spilett lúc thì trò chuyện với chàng thủy thủ, lúc thì trò chuyện với Harbert, thỉnh thoảng còn giúp họ kéo hoặc cuốn buồm... Sang tối ngày thứ hai, các nhà du hành tính rằng tàu “Bonadventur” có lẽ đã bơi cách đảo Lincoln được một trăm hai mươi hải lý, bởi tàu chạy tốc độ trên ba hải lý một giờ. Suốt đêm 12 rạng 13, không có ai trong số họ, kể cả Gédéon Spilett, Harbert lẫn Pencroff chợp mắt được. Họ thao thức chờ

sáng và không thể nào nén nổi hồi hộp.

Cuối cùng gần giữa trưa ngày hôm sau, sóng mũi tàu

“Bonadventur” chạm vào bờ cát. Họ nhả neo, hạ buồm, và đoàn thuỷ thủ của tàu lên bờ. Suốt mấy giờ liền Pencroff, Gédéon

Spilett và Harbert đi tìm trên đảo, nhưng không gặp ai, và bây giờ đây, vào lúc năm giờ chiều, họ tiến hành đi sâu vào rừng.

Họ đã làm cho một số con vật nào đấy hoảng sợ chạy tán loạn, hoá ra đó là những con dê và giống heo châu Âu. Harbert quyết định thế nào cũng phải bắt lấy vài cặp giống đưa về đảo Lincoln.

Không nghi ngờ gì nữa, – trên đảo từng có người ở. Các du khách tin chắc như vậy khi bước vào rừng, ở đấy có những thân cây bị đốn ngã bằng rìu, và chỗ nào cũng thấy có những dấu vết con người đấu tranh với thiên nhiên.

- Có lẽ, – Gédéon Spilett nói – không những có người ở mà thậm chí họ còn ở đây một thời gian dài.

- Trong thư chỉ nói đến một người thôi, – Harbert nhận xét.

Trời bắt đầu tối, nhà báo đề nghị mọi người quay về tàu ngủ, ngày mai đi tìm tiếp.

Mọi người chấp nhận lời khuyên sáng suốt ấy và định thực hiện thì bỗng Harbert kêu toáng lên:

- Có lẽu kia!

Và ba người vội vã đi về phía căn lều.

Pencroff mở toang cánh cửa khép hờ ra và xộc vào. Trong đó

vắng tanh không một bóng người!

*

* *

Pencroff, Harbert và Gédéon Spilett im lặng đứng nhìn căn lều tối tăm. Pencroff lớn tiếng gọi người chủ lều. Không có tiếng trả lời.

Khi ấy, chàng thủy thủ châm lửa đốt một cành củi khô, ánh sáng trong nháy mắt soi sáng căn lều nhỏ. Trong lều không có ai. Nơi bếp lò có tro và một bó bụi nhùi. Pencroff ném cây củi cháy vào đó, bụi nhùi cháy hắt mảng ánh sáng chập chờn lên túp lều.

Bấy giờ, các du khách nhìn thấy một cái giường trải những tấm chăn đã trở nên ẩm ướt và vàng khè. Hẳn từ lâu đã không có ai sử dụng cái giường này. Bên bếp lò lỏng chông hai cái xoong đã han rỉ, trong tủ toong teng một bộ quần áo lính thủy đã mốc meo; trên bàn có mấy cái đĩa nhôm và cuốn thánh kinh mốc xanh; trong góc lều ngổn ngang một cái xẻng, một cái cuốc chim, một cái cuốc bàn và hai khẩu súng săn, trong đó một khẩu đã bị hỏng. Trên giá có một thùng nhỏ đựng thuốc súng, một thùng nhỏ đựng đạn chì và vài hộp kíp nổ. Tất cả đều đã phủ lên một lớp bụi tích tụ có lẽ đã nhiều năm.

- Không có ai cả! – cuối cùng nhà báo nói.

- Từ lâu rồi, không ai sống ở đây hết. – Harbert nhận xét.

- Vậy chủ lều đi đâu? Hay là họ đã rời khỏi đây rồi? – nhà báo

nói.

- Không, nếu đã rời đây thì anh ta phải mang theo vũ khí và dụng cụ. – Pencroff trả lời – Anh ta còn ở trên đảo này!

- Vẫn còn sống? – Harbert hỏi.

- Có thể vẫn còn sống mà cũng có thể đã chết. Mà nếu chết thì anh ta đâu có tự chôn mình được. – Pencroff nói – Chắc chắn chúng ta sẽ tìm được dấu tích của anh ta.

Thế là, những người bạn viễn du đã quyết định ngủ lại trong căn lều.

Suốt đêm, họ không nghe tiếng chân ai, cánh cửa lều cũng không mở lần nào, trong khi thời gian cứ trôi đi.

Hôm sau, trời sáng họ đã dậy và bắt đầu xem xét căn lều. Ai nấy đều tin chắc cư dân duy nhất của đảo đã chết.

- Hùng sáng ngày mai chúng ta lên đường trở về thôi. – Pencroff nói với mọi người lúc gần hai giờ chiều.

- Em nghĩ – Harbert nhận xét – Chúng ta có thể mang theo những vũ khí, dụng cụ, đồ dùng của người chủ lều mà không bị lương tâm cắn rứt. Có phải thế không?

- Đồng ý! – Pencroff nói – Chớ quên mang theo một đôi heo, vì trên đảo Lincoln không có giống này.

- Và hạt giống nữa. – Harbert nói thêm.

Và Harbert đi theo con đường nhỏ, còn chàng thủy thủ cùng nhà báo đi sâu vào rừng.

Nửa giờ sau, họ bỗng nghe có những tiếng kêu la vang lên cách đó vài trăm bước về phía bắc, kèm theo tiếng kêu ấy là tiếng gầm gừ khủng khiếp của một con thú nào đấy.

Pencroff và Gédéon Spilett đứng thẳng người dậy và bắt đầu lắng nghe.

- Đúng là tiếng của Harbert rồi! – nhà báo thốt lên.

- Ta chạy đến đó! – Pencroff nói nhanh – Nhanh lên!

Và cả hai ba chân bốn cẳng chạy đến chỗ có tiếng kêu vắng lại. Sự vội vã của họ không uổng công chút nào. Vừa ra đến khoảng rừng trống họ đã thấy một con dã thú đang vật chú bé xuống đất và bóp cổ.

Pencroff và Gédéon Spilett, nhanh như chớp, xông thẳng vào con quái vật, đánh gục nó tại chỗ, giải thoát cho Harbert. Cả hai người đều khoẻ, nên mặc dù bị con quái vật chống cự, họ vẫn trói chặt được nó lại.

- Con khỉ này định xé tan xác em ra đó! – Pencroff nói.

- Đâu phải là vượn! – Harbert cải chính.

Khi nghe cậu bé nói vậy, Pencroff và Gédéon Spilett nhìn kỹ lại sinh vật lạ nằm dưới đất. Thật vậy, đó không phải là khỉ. Một con người! Nhưng mà đó là một con người man rợ kinh khủng. Càng đáng sợ hơn nữa là con người ấy đã đi đến mức hoang dã tột cùng. Đầu tóc bù xù, râu cằm bản thủ, rử xuống ngực, thay vì quần áo quần trên mình hắn là một cái khố bằng miếng vải rách

nào đấy, hai con mắt lơ lảo, hai cánh tay to, móng tay dài ngoẵng, da mặt đen nhẻm, hai bàn chân chai sần, tâm hồn của con người ấy còn giữ được tính người nữa chăng, hay chỉ còn những bản năng động vật?

- Thế anh có tin rằng đây là một con người hoặc đã từng có một thời nào đó là con người không? – Pencroff hỏi nhà báo.

- Than ôi! Không có gì phải nghi ngờ nữa, – nhà báo trả lời.

- Vậy đây chính là người bị tai nạn đắm tàu ư? – Harbert kêu lên.

- Đúng! – Gédéon Spilett khẳng định – Nhưng con người rủi ro ấy đã đánh mất diện mạo cùng bản tính của mình rồi!

Gédéon Spilett bắt chuyện với hắn. Nhưng, hắn hình như không hiểu và thậm chí hầu như không nghe họ nói. Tuy nhiên, nhìn kỹ hơn vào đôi mắt của hắn, nhà báo thấy rằng lí trí của con người ấy vẫn chưa hoàn toàn mất hẳn.

Sau khi nhìn thật kỹ con người bất hạnh ấy Gédéon Spilett nói:

- Cho dù hắn từng là ai, đã làm gì trong quá khứ và điều gì xảy đến với hắn trong tương lai thì nhiệm vụ của chúng ta là giải hắn về đảo Lincoln đã!...

Sáng sớm ngày 15 tháng mười, “Bonadventur” nhổ neo trở về Lâu đài Đá hoa cương. Tên tù binh được cởi trói và nhốt trong khoang tàu phía đằng mũi...

Nhưng tàu chạy đã sang ngày 17 mà không thấy điều gì chứng tỏ đã về gần tới đảo Lincoln. Thêm một ngày nữa, vẫn chưa thấy

đất liền xuất hiện. Ngày 18, lại xảy ra chuyện tàu bị sóng tràn lên boong, suýt nữa đã cuốn sạch đoàn thuỷ thủ xuống biển.

Pencroff và các bạn lo đối phó và đã bị kiệt sức. Nhưng lúc ấy, thật bất ngờ, tên tù binh đã cứu giúp họ. Hắn từ cửa khoang lao ra, dường như trong hắn đã thức tỉnh bản năng của một thuỷ thủ, và hắn dùng tay đập vỡ tấm chắn sóng ở mạn tàu cho nước tràn lên boong thoát ra. Khi con tàu đã được giải phóng khỏi trọng tải thừa ấy, tên tù binh lại lẳng lặng trở về khoang của mình.

Pencroff, Gédéon Spilett và Harbert lặng người đi vì kinh ngạc, và đã để cho hắn được tự do đi lại hoạt động bình thường.

Suốt đêm 18 rạng 19 tháng mười, gió đã lặng, sóng êm hơn.

“Bonadventur” tăng được tốc độ di chuyển.

Pencroff hết sức lo âu, nhưng không buồn nản, bởi vì anh đã được tôi luyện và lòng anh đã kiên định. Vừa điều khiển tay lái, anh lại vừa dõi nhìn bóng đêm dày đặc vây quanh con tàu bé nhỏ. Gần hai giờ đêm bỗng chàng thuỷ thủ nhảy căng reo lên:

- Có ánh lửa! Có ánh lửa!

Và quả thật, một chùm ánh sáng rực rỡ hiện lên cách họ về hướng đông bắc hai mươi hải lí. Ở nơi ấy, trên đảo Lincoln, đã bùng lên ánh lửa sáng rực, có lẽ do Cyrus Smith nhóm và chỉ đường cho họ.

Con tàu đã đi chệch hướng về phía bắc khá xa. Pencroff quay hướng lại theo ánh lửa sáng chói nơi chân trời.

*

* *

Sáng ngày hôm sau, 20 tháng mười, vào lúc bảy giờ sáng,

“Bonadventur” thận trọng cập bến cửa sông Tạ ơn.

Cyrus Smith và Nab lo lắng vì thời tiết xấu và vì sự vắng mặt lâu ngày của những người bạn, ngay từ lúc vừa tảng sáng đã lên cao nguyên Tầm nhìn ngóng trông và cuối cùng, đã nhìn thấy

“Bonadventur” mà bấy lâu họ chờ mong.

- May quá, họ đã trở về! – Cyrus Smith thốt lên.

Tên tù binh đảo Tabor được dẫn từ khoang tàu lên. Vừa bước chân lên mặt đất, hắn vùng chạy trốn.

Nhưng Cyrus Smith đã bước lại gần hắn và, bằng một điệu bộ đầy quyền uy, ông đặt tay lên vai hắn, nhìn hắn với một vẻ hiền từ khôn xiết. Và kẻ bất hạnh, dường như đã chịu khuất phục bởi một sức mạnh nào đấy, lặng đi, chùng mắt xuống, cúi đầu và thôi có ý chống cự.

- Một con người tội nghiệp bị mọi người lãng quên? – viên kỹ sư lầm bầm.

Mọi người đã quyết định cho tên tù binh, mà từ nay những người bạn mới của hắn gọi hắn là “người lạ” được ở trong một căn phòng của Lâu đài Đá hoa cương, hắn chẳng thể chạy đi đâu được.

Nab nấu vội bữa ăn sáng, vì nhà báo, Harbert và Pencroff đã đói

lả đi...

Sau khi nghe hết mọi chuyện về cuộc viễn du của đoàn thủy thủ, Cyrus Smith đồng ý với các bạn rằng người lạ này có lẽ là người Anh hoặc người Mỹ.

- Ngài Cyrus, có nghĩa là ngài tin rằng ngài sẽ làm cho hắn ta trở lại con người? – nhà báo hỏi.

- Tôi tin. – viên kỹ sư khẳng định.

Mọi người bốc lên bờ các thứ hàng đưa từ trên đảo Tabor về.

Sau đó, được sự đồng ý của Cyrus Smith, Pencroff và Harbert đưa tàu “Bonadventur” về cảng Khí cầu, mặc dù ở đó hơi xa, cách Lâu đài Đá hoa cương những ba hải lí.

Người lạ dần dần đã từ bỏ những bản năng hung dữ của mình. Hắn không ăn thịt sống như hồi còn ở hòn đảo Tabor của hắn nữa, mà ăn thịt nấu chín.

Một hôm, lợi dụng người lạ ngủ say, Cyrus Smith đã cắt bỏ mớ tóc bù xù và bộ râu cằm dài từng làm cho vẻ mặt hắn nom thật đáng sợ. Kỹ sư mặc cho hắn bộ quần áo khác thay cho cái khổ rách hắn đeo trên người. Và đây, cuối cùng, trên gương mặt người lạ được sự quan tâm săn sóc đã xuất hiện cái gì đấy của con người và ánh mắt của hắn cảm thấy đã dịu dàng hơn. Hắn trước đây, khi đôi mắt hắn sáng lên một ý tưởng, trông hắn cũng rất đẹp.

Cyrus Smith dành nhiều thời gian để gần gũi với người lạ. Đôi

khi một người, hoặc có khi là tất cả những người ngụ cư đều vào phòng người lạ, kể đủ mọi thứ chuyện, nhưng thường xuyên hơn cả là chuyện về ngành hàng hải vốn gần gũi hơn với bất kì người thuỷ thủ nào. Có lúc người lạ hình như cũng lắng nghe tiếng nói của họ, và họ đi đến khẳng định rằng có lúc hẳn đã hiểu được điều gì đấy.

Và, mọi người đều thấy hẳn có sự gắn bó theo kiểu của hẳn đối với viên kỹ sư. Bởi vậy Cyrus Smith quyết định thử thách hẳn, đưa hẳn ra bờ biển, rồi vào rừng, gọi cho hẳn nhớ lại những khu rừng mà hẳn đã sống chừng ấy năm...

Cuộc thử thách đã được thực hiện ngày 30 tháng mười, sau chín ngày người lạ bị giam trong Lâu đài Đá hoa cương.

Khi Cyrus Smith và Pencroff bước vào phòng, tên tù binh đang nằm bên cửa sổ và nhìn lên trời.

- Bạn hãy đi theo chúng tôi.

Người lạ chồm dậy. Hẳn chăm chú nhìn Cyrus Smith, rồi đi theo ông ra bờ biển, còn chàng thuỷ thủ bước đi đằng sau, tỏ ý chẳng tin chút nào về sự thành công của cuộc thử thách... Hẳn đi mấy bước xuống biển. Hẳn nhìn những con sóng uể oải vỗ vào bờ.

Trái với điều chờ đợi của mọi người, hẳn không chạy trốn.

Họ đưa hẳn vào rừng và từ đằng xa, họ chuẩn bị tinh thần sẵn sàng tóm hẳn lại nếu hẳn định tháo chạy.

Khi nhìn thấy những cây rừng tươi tốt, sum sê gió nhẹ thổi đung

đưa tàu lá, hấn bắt đầu say sưa hít thở làn khí từ rừng thom ngát. Và quả thực, hấn đã suýt lao xuống con suối ngăn cách hấn với khu rừng, – những bắp thịt trên đôi chân hấn đã thoáng căng lên. Nhưng, ngay lập tức, hấn lùi lại, quỳ xuống đất và những giọt nước mắt lăn trên má hấn!

- Bạn khóc, – Cyrus Smith thốt lên – có nghĩa là bạn đã lấy lại bản chất con người!

*

* *

Hai ngày sau, người lạ bắt đầu quan tâm đến cuộc sống của những người trên đảo. Rõ ràng là hấn nghe hết, hiểu hết, nhưng một mực không muốn nói chuyện với những người chung quanh. Một buổi tối nọ, Pencroff áp tai vào cửa phòng hấn, và anh đã nghe thấy hấn lầm bầm:

- Không, không phải họ!

Chàng thủy thủ thông báo lại cho những người bạn của mình biết những lời hấn ta vừa nói.

- Ở đây ẩn giấu một bí mật bi thảm nào đó! – Cyrus Smith nói.

Người lạ bắt đầu làm việc. Hấn sử dụng công cụ lao động rất thành thạo. Nhưng trong quá trình làm việc, nhiều khi hấn bỏ xẻng, chìm đắm trong những suy tư.

Một lần nọ, khi đi ngang qua Harbert, hấn dừng lại và hỏi bằng một giọng ghen ngào:

- Bây giờ là tháng mấy?
- Tháng mười một. – Harbert trả lời.
- Còn năm?
- Năm một ngàn tám trăm sáu mươi sáu.
- Mười hai năm! Mười hai năm! – người lạ nhắc đi nhắc lại và đột nhiên hấn chạy vụt đi.

Harbert đã kể lại cho những người ngụ cư nghe câu chuyện ấy.

- Gã tù binh lạ mặt của chúng ta. – Gédéon Spilett nhận xét – Đã quên cách tính toán tháng năm rồi.

- Đúng! – Harbert nói thêm – Nghĩa là ông ta đã sống mười hai năm trên đảo Tabor?

- Mười hai năm! – Cyrus Smith nhắc lại – Đúng, nếu mười hai năm sống trong sự cô đơn mà lương tâm bị cắn rứt bởi một vết nhơ nữa thì mất trí là điều tự nhiên.

- Theo tôi, – đến đây Pencroff xen vào – con người này hoàn toàn chẳng phải bị tai nạn đắm tàu đâu, mà đơn giản là người ta đày hấn lên đảo Tabor để trừng phạt vì một tội ác nào đó thôi.

- Có lẽ anh nói đúng, Pencroff! – chàng nhà báo ủng hộ ý kiến anh ta – Nếu vậy thì những người đày hấn lên đảo nhất định sẽ trở lại đón hấn về với thế giới loài người.

- Các bạn của tôi! – Cyrus Smith nói – Chúng ta sẽ không bàn luận về vấn đề này khi chưa biết rõ sự tình ra sao. Tôi tin rằng người lạ đã phải chịu đựng nhiều đau khổ, đã phải trả giá ghê

gớm cho những tội ác của mình, và đang bị dằn vặt có nên thổ lộ nỗi lòng mình với chúng ta hay không. Tạm thời chúng ta sẽ không cưỡng bức anh ta làm điều ấy. Tất nhiên anh ta sẽ tự kể hết, và khi ấy chúng ta phải xử sự như thế nào?

- Tại sao anh lại hỏi thế? – nhà báo hỏi.

- Bởi vì, nếu anh ta bị kết án có thời hạn nhất định thì anh ta sẽ chờ đợi ngày được trả tự do và đã không viết thư bỏ xuống biển. Không, chắc chắn là anh ta đã bị kết án tù chung thân và bị lưu đày vĩnh viễn.

Mồng 9 tháng mười một, gần tám giờ tối, khi những người ngụ cư ngồi dưới bàn cây leo xanh tươi trong bóng hoàng hôn, bất ngờ người lạ mặt xuất hiện trước mặt họ. Đôi mắt anh ta ánh lên những tia sáng mới kì lạ làm sao, còn trên gương mặt thì lại thấy hiện lên một vẻ hung tợn khác thường.

Cyrus Smith và các bạn đều kinh ngạc thấy người lạ hồi hộp đến thế, hai hàm răng anh ta đánh cảm cập như thể anh ta bị rét run.

Lời nói thì thiếu mạch lạc.

- Các ông đưa tôi đến đây để làm gì? Các ông lấy quyền gì mà chia lìa tôi với hòn đảo nhỏ của tôi?... Giữa chúng ta có cái gì chung không?... Và các ông có biết tôi là ai đâu? Các ông có biết tôi đã từng làm điều gì không? Vì sao tôi đã phải sống những ngày lay lắt trong cảnh cô đơn?... Thế nếu tôi là người bị trục xuất? Nếu tôi bị buộc tội chết trên hòn đảo ấy thì sao? Các ông

có biết quá khứ của tôi không? Biết đâu, tôi đã ăn cướp và giết người, biết đâu tôi bị ruồng bỏ và mang tì vết đáng nguyên rủa? Nếu như chỗ của ôi chỉ là ở giữa những con thú dữ. Tôi cần phải xa lánh con người thì sao? Các ông hãy trả lời đi, các ông có biết tất cả những điều đó không?

Cyrus Smith muốn an ủi người lạ và đã bước lại gần, nhưng anh ta đã đẩy ông ra.

- Ông hãy tránh ra! – anh ta thét lên – Ông hãy nói một điều thôi... Tôi có được tự do không?

- Có, anh được tự do! – viên kỹ sư đáp.

Jules Verne

Hòn đảo bí mật

Nguyễn Văn Cửa phỏng dịch

Chương 10

Một thân phận bị lưu đày

Ngày 10 tháng mười hai, sau khi trở thành khách của Lâu đài Đá hoa cương được một tuần, người lạ đến bên Cyrus Smith và nói một cách nhẹ nhàng từ tốn.

- Thưa ngài, tôi có điều muốn nói với ngài.
- Anh cứ nói. – viên kĩ sư trả lời – Nhưng trước hết anh hãy cho tôi nói đôi điều đã.

Nghe những lời ấy người lạ đỏ mặt lên và suýt bỏ chạy. Cyrus Smith hiểu phản ứng của người lạ theo cách của mình, ông cho là kẻ phạm tội có lẽ sợ bị người ta thẩm vấn về quá khứ và thấy sượng sùng.

Cyrus Smith đã giữ anh ta lại.

- Anh hãy nghe đây. – ông nói – Chúng tôi đối với anh không những là người cùng gặp nạn, mà còn là những người bạn. Đây là tất cả những gì tôi muốn nói với anh, còn bây giờ tôi sẵn sàng nghe anh.

Người lạ lấy tay quạt nước mắt. Anh ta run run và mắt đến mấy giây không sao nói lên lời.

- Thưa ngài. – cuối cùng anh ta nói – Tôi muốn xin ngài làm ơn giúp tôi một việc.

- Việc gì thế?

- Ở cách đây bốn, năm dặm, dưới chân núi, các ngài có khu chăn nuôi gia súc. Số gia súc này cần được chăm sóc. Ngài có thể cho tôi đến ở đó được không?

Cyrus Smith nhìn người lạ với lòng thương cảm sâu sắc. Rồi ông trả lời:

- Anh bạn, khu chăn nuôi không có nhà cửa, chỉ toàn chuồng trại thôi, hoàn toàn không thể ở được...

- Nhưng đối với tôi, thưa ngài! Chuồng trại như vậy cũng tốt lắm rồi.

- Anh bạn của tôi. – Cyrus Smith trả lời. – Chúng tôi sẽ không làm trái ý anh. Tuy nhiên, anh bao giờ cũng là khách quý trong Lâu đài Đá hoa cương. Nhưng, nếu như ưa sống ở khu chăn nuôi chúng tôi sẽ thu xếp cho anh ở đó được thuận tiện hơn...

Căn nhà gỗ nhỏ được xây dựng xong trong một tuần, cách các chuồng gia súc độ hai mươi bộ, trên một cái gò nhỏ, từ đó có thể quan sát đàn cừu rừng đã sinh sôi trên tám chục con một cách thuận lợi.

Ngày 20 tháng mười hai, viên kỹ sư thông báo cho người lạ biết

tối hôm nay anh ta có thể ngủ đêm ở nhà mới của mình. Đã gần tám giờ, đến lúc người lạ phải ra khu chăn nuôi, mọi người đang ngồi trong phòng lớn chuyện trò, bỗng có tiếng gõ cửa vang lên khe khẽ. Người lạ bước nhanh vào phòng và nói không cần mào đầu gì hết.

- Thưa các ông, trước khi chia tay các ông tôi muốn các ông biết hết về sự thật của đời tôi. Xin các ông hãy nghe câu chuyện của tôi.

Những lời đơn giản ấy gây ấn tượng lớn đối với Cyrus Smith và các bạn của ông.

Viên kỹ sư đứng lên nói với người lạ.

- Anh bạn của tôi! Chúng tôi không hỏi anh điều gì cả. Anh có quyền im lặng.

- Bồn phận của tôi là kể hết mọi điều cho quý vị.

- Nếu vậy thì chúng tôi sẵn lòng nghe anh kể. – Cyrus Smith nói.

Người lạ lui vào một góc phòng tối. Anh ta đứng yên, bỏ mũ, khoanh tay trước ngực và bắt đầu kể bằng một giọng trầm trầm.

- Ngày 20 tháng 12 năm 1854, chiếc tàu buồm chạy bằng hơi nước có tên là “Duncan” của huân tước Glenarvan – thả neo ở bờ biển phía tây Australia, gần mũi Bernuoulli, trên vĩ tuyến 37.

Trên tàu có Glenarvan cùng với vợ, một thiếu tá quân đội Anh, một nhà địa lý người Pháp và hai đứa con của thuyền trưởng Grant – một cô gái trẻ và một cậu bé. Điều khiển tàu “Duncan”

là thuyền trưởng John Mangles, đoàn thủy thủ gồm có mười lăm người.

Nửa năm trước đó, đoàn thủy thủ trên tàu “Duncan” đã nhặt được ở bờ biển Ireland một cái chai đựng ba lá thư viết bằng ba thứ tiếng Anh, Đức và Pháp với cùng một nội dung. Trong thư thuyền trưởng Grant vẫn tắt cho biết rằng họ là nạn nhân của vụ đắm tàu “Britania”. Thủy thủ đoàn đều chết cả chỉ còn có ba người sống sót là thuyền trưởng Grant và hai thủy thủ. Họ đã lên được một vùng đất nào đó, có chỉ dẫn vĩ tuyến $37^{\circ}11'$, nhưng kinh tuyến bao nhiêu thì không rõ, vì con số ghi trong thư bị nước biển ăn mòn. Họ yêu cầu được cứu giúp.

Bộ tư lệnh hải quân Anh từ chối việc tìm cứu những người bị nạn. Nhưng hân tước Glenarvan, đã dùng chiếc tàu “Duncan” của mình đi cứu họ, “Duncan” đi dọc vĩ tuyến 37° , sang tận Patagonia của Nam Mỹ, nhưng không tìm thấy dấu vết của thuyền trưởng Grant. Glenarvan quyết định đi Australia.

“Duncan” đến gần và thả neo ở Bernoulli nằm trên vùng duyên hải Australia, rồi đoàn thủy thủ đi tìm kiếm thuyền trưởng Grant trên mặt đất liền. Tại đó, cách bờ biển vài dặm, có trang trại của một người Ireland di cư niềm nở đón tiếp đoàn thám hiểm. Hân tước Glenarvan đã kể hết cho người Ireland nghe vì sao họ đến đây và hỏi xem người chủ trang trại có biết tin tức gì về chiếc tàu “Britania” bị đắm ở vùng biển này cách đây gần hai năm không.

Người Ireland họ không biết, nhưng một trong số những người làm công của ông ta có mặt hôm ấy tự nhận là một trong những người bị nạn trong vụ đắm tàu “Britania” cùng với thuyền trưởng Grant.

Họ của người ấy là Ayrton, anh ta có giấy tờ xác nhận là hoa tiêu trên tàu “Britania”. Bấy lâu nay, anh ta cứ tưởng chỉ có một mình anh ta sống sót sau vụ đắm tàu.

Ayrton nhận lời hướng dẫn đoàn thám hiểm của Glenarvan đi tìm thuyền trưởng Grant trên vùng duyên hải Australia.

Vì tàu “Duncan” lúc ấy bị hỏng, nên đoàn thám hiểm chia làm hai toán. Toán đi đường bộ theo vĩ tuyến 37 ra duyên hải phía đông Australia gồm có vợ chồng Glenarvan, hai đứa con của thuyền trưởng Grant, viên thiếu tá, nhà địa lí, thuyền trưởng Mangles và vài thủy thủ do Ayrton dẫn đường. Còn tàu “Duncan” dưới sự chỉ huy của Tom Austin, phó thuyền trưởng, lên đường đi Melbourne để sửa chữa và ở tại đó đợi lệnh của Glenarvan.

Ngày 23 tháng 12 năm 1854, đoàn người đi bộ lên đường. Tiến hành cuộc tìm kiếm thuyền trưởng Grant. Cần phải nói rõ để các ông biết rằng Ayrton là một kẻ dối trá. Đúng là hắn đã từng làm hoa tiêu trên tàu Britania, nhưng do tranh chấp với thuyền trưởng Grant và đã âm mưu xúi giục đoàn thủy thủ nổi loạn chiếm tàu. Thuyền trưởng Grant đẩy hắn lên bờ biển phía tây Australia ngày

8 tháng 4 năm 1852. Đó là một sự trừng phạt hoàn toàn công bằng.

Vì vậy, tên bất nhân này thậm chí không hay biết gì về vụ đắm tàu “Britania”. Lần đầu tiên hắn được biết mọi chuyện ấy qua lời kể của huân tước Glenarvan. Từ khi Ayrton bị đưa lên bờ, hắn núp dưới cái tên Ben Joyce cầm đầu một toán tội phạm trốn trại, và giờ đây hắn lại trắng trợn khẳng định rằng vụ đắm tàu đã xảy ra ở bờ biển phía đông. Hắn đã cố ý đưa huân tước Glenarvan đi lạc hướng hi vọng, trong lúc ông còn đang trên đường du hành thì hắn kịp chiếm lấy chiếc tàu buồm “Duncan”, biến nó thành tàu cướp biển và làm mưa làm gió trên đại dương.

Người lạ im lặng. Sau đó lại tiếp tục kể bằng một giọng run run.

- Toán đi đường bộ không đạt mục đích, bởi vì, bọn thuộc hạ của Ayrton, lúc thì đi trước, lúc thì đi sau đoàn thám hiểm, sẵn sàng thực hiện âm mưu của tên thủ lĩnh.

Ayrton tìm đủ cách khuyến dụ Glenarvan viết thư phát lệnh cho tàu “Duncan” rời Melbourne đi vịnh Twofold nằm ở bờ biển phía đông, cách chỗ họ dựng trại vài ngày đường. Họ sẽ xuyên rừng để về với tàu “Duncan” vì chuyến tìm kiếm thuyền trưởng Grant không đạt kết quả. Trong khi đó, bọn cướp biển đã hẹn đợi Ayrton ở Twofold để tìm cách chiếm đoạt “Duncan”.

Tên phản bội suýt nữa được giao nhiệm vụ chuyển bức thư lệnh cho phó thuyền trưởng Tom Austin, nhưng hắn bị vạch mặt ngay

tức thì, và hắn đã bỏ chạy. Tuy nhiên, người mang thư lệnh sau đó bị bọn chúng âm mưu hành hung, và cuối cùng, chính Ayrton đã đoạt lấy bức thư và hai ngày sau đó hắn có mặt ở Melbourne, hắn giao thư cho phó thuyền trưởng Tom Austin. Xem xong thư, Tom Austin liền cho tàu nhỏ neo. Nhưng Ayrton đã thất vọng biết bao, khi sang ngày thứ hai hắn được biết Tom Austin không cho “Duncan” chạy đi vịnh Twofold như hắn mong muốn, mà lại đi về bờ biển phía đông New Zealand. Hắn âm mưu chống lại, song Tom Austin đưa cho hắn coi bức thư lệnh của Glenarvan. Đúng như vậy, nhờ một sự tình cờ - nhà địa lí người Pháp được nhận nhiệm vụ viết lại bức thư do Glenarvan đọc đã viết nhầm địa danh trong thư lệnh. Thay vì cho “Duncan” đi Twofold, ông lại điều động tàu đi về bờ biển phía đông New Zealand. Mọi kế hoạch của Ayrton đều đã sụp đổ! Hắn nảy ra ý định dây loạn. Và hắn bị Tom Austin khống chế và tống giam vào hầm tàu. “Duncan” tiếp tục hành trình đi New Zealand, không biết tình hình toán đi đường bộ của Glenarvan như thế nào. “Duncan” chạy dọc bờ biển New Zealand đến ngày mùng 3 tháng ba. Hôm ấy, Ayrton đã nghe thấy những tiếng súng. “Duncan” đã nã đại bác dồn dập, và chẳng bao lâu huân tước Glenarvan cùng với tất cả những người cùng đi đã lên tàu của mình. Đây là tất cả những rủi ro xảy ra trong thời gian sau đó. Sau khi

vượt qua nhiều thử thách và nguy hiểm, toán của huân tước Glenarvan đã đến được vùng duyên hải phía đông Australia, và vào vịnh Twofold. Không thấy tàu “Duncan” ở đó! Glenarvan điện báo về Melbourne và được trả lời rằng tàu “Duncan” đã rời bến ngày mười tám trong tháng, hướng đi thì họ không biết. Glenarvan cho rằng đoàn thủy thủ dũng cảm của ông đã sa vào tay Ben Joyce, còn “Duncan” thì trở thành tàu cướp biển. Nhưng Glenarvan vẫn không từ bỏ những cuộc tìm kiếm. Đó là một con người dũng cảm và cao thượng. Ông đã lần theo dọc vĩ tuyến 37 mà không thấy thuyền trưởng Grant, nhưng đến bờ biển phía đông New Zealand, thật hết sức ngạc nhiên và nhờ trời phù hộ, ông đã tìm lại được tàu “Duncan” đợi ông ở đó năm tuần nay.

Thế là Glenarvan lại bước lên tàu “Duncan” – trên ấy có cả Ayrton. Hắn được dẫn đến gặp Glenarvan. Ông muốn hỏi dò tên sát nhân xem hắn có biết gì về số phận của thuyền trưởng Grant không. Ayrton từ chối trả lời. Glenarvan cảnh cáo hắn rằng, đến cảng đầu tiên ông sẽ trao hắn cho nhà đương cục Anh.

Lúc đầu hắn làm thinh, nhưng cuối cùng đã hứa kể cho Glenarvan nghe toàn bộ câu chuyện với điều kiện không trao hắn cho các nhà đương cục Anh, mà cho hắn lên một trong những hòn đảo ở Thái Bình Dương. Glenarvan đồng ý, bởi vì ông sẵn sàng làm tất cả, miễn là biết được điều gì đấy về số phận của

thuyền trưởng Grant.

Đến đây Ayrton đã kể lại cuộc đời của hắn và thừa nhận rằng từ khi hắn bị đưa lên biển Australia, hắn không biết gì về thuyền trưởng Grant cả.

Tuy nhiên, Glenarvan đã giữ lời hứa. “Duncan” vẫn đi tiếp, và một đêm nọ, họ đã phát hiện ra đảo Tabor. Ayrton được mọi người để lại trên đảo này. Và chính ở đây, nơi hòn đảo nằm trên vĩ tuyến 37 này đã xảy ra một sự trùng hợp ngẫu nhiên, hoá ra thuyền trưởng Grant và hai thủy thủ của ông ta đang ở trên đó. Tên tội phạm phải thế chỗ cho họ và ở lại trên hoang đảo này. Khi hắn rời tàu “Duncan”, Glenarvan đã dặn dò hắn như sau:

- Ayrton, ngươi sẽ bị tách biệt khỏi thế giới loài người, nhưng chúng ta sẽ không quên ngươi đâu. Trí nhớ sẽ không bao giờ phản bội ta.

Và “Duncan” nhổ neo, chẳng bao lâu biến mất khỏi tầm nhìn của Ayrton.

Việc ấy đã xảy ra vào ngày 18 tháng 3 năm 1855. Ayrton ở lại một mình, đã phải lủi thủi sống lay lắt những ngày dài lê thê và chuộc lại những tội ác do hắn gây ra.

Hắn đã tự sám hối, lương tâm cắn rứt không để hắn yên, hắn đã quyết định nếu một ngày kia có người tìm đến với hắn. Hắn sẽ trở lại thế giới loài người với một con người khác và sẽ sống lương thiện.

Ayrton đã sống như vậy hai, ba năm, nhưng sự cô đơn giày vò hắn, và hắn không rời mắt khỏi chân trời, hi vọng nhìn thấy một con tàu.

Nhưng rõ ràng là trời vẫn muốn trừng phạt đầy đủ kẻ bất hạnh, bởi vì hắn đã bắt đầu nhận thấy rằng hắn đang biến thành người man rợ. Cuối cùng, kẻ bị trục xuất đã đánh mất hết mọi tư cách con người, trở thành một sinh vật như các ông đã tìm thấy hắn! Cyrus Smith và các bạn của ông đã đứng lặng nghe hết lời tự thú ấy. Khó mà diễn tả được lời tự thú đó làm cho họ xúc động như thế nào! Họ đã thấy nỗi xót xa đau khổ, tuyệt vọng ấy chan chứa sự chân thành biết bao!

- Ayrton – Cyrus Smith nói một cách trang nghiêm – anh đã là một tên tội phạm thâm căn cố đế nhưng tôi tin rằng đức chúa trời đã tha thứ cho anh mọi tội lỗi! Và để chứng tỏ sự độ lượng của mình. Người đã cho anh trở lại với thế giới loài người. Anh đã được xá tội, Ayrton! Anh hãy nói xem, anh có muốn trở thành bạn bè của chúng tôi không?

Ayrton giật bắn người.

- Chúng ta hãy bắt tay nhau! – viên kỹ sư nói.

Ayrton lao đến Cyrus Smith, bắt chặt tay ông, và từ đôi mắt của anh ta trào ra những dòng lệ nóng hổi.

- Bây giờ anh đồng ý sống cùng chúng tôi chứ? – Cyrus Smith hỏi.

- Thưa ngài Smith, - Ayrton trả lời – tốt hơn là hãy cho tôi sống một mình ở khu chăn nuôi ít lâu.

- Tùy anh, Ayrton! – Cyrus Smith trả lời.

Ayrton đã định đi ra, nhưng viên kỹ sư giữ anh ta lại.

- Khoan đã! Anh bạn của tôi! – ông nói – Anh đã quyết định sống cảnh cô đơn, vậy sao anh lại viết thư bỏ xuống biển báo cho chúng tôi biết dấu tích của anh?

- Thư nào? – Ayrton ngạc nhiên, rõ ràng không hiểu chuyện gì cả.

Và Ayrton cúi chào mọi người và đi ra.

*

* *

- Cyrus thân mến! – Gédéon Spilett nói. Không thể nào có chuyện Ayrton lại quên bức thư tự tay mình viết rồi cho vào chai và thả xuống biển.

- Do đó, Spilett thân mến, người bỏ chai xuống biển không phải là anh ta.

- Có nghĩa là, ngài giả thiết...

- Tôi không giả thiết gì cả, tôi không biết gì cả, - Cyrus Smith phản đối, cắt ngang lời nhà báo – Tôi chỉ đơn giản liệt kê trường hợp này vào tất cả những điều bí ẩn mà cho tới nay tôi không giải thích nổi.

Đã sang tháng giêng, năm 1867. Như mọi năm những người ngu

cư bận nhiều việc. Một hôm, Harbert và Gédéon Spilett đi thăm khu chăn nuôi và biết rằng Ayrton đã đến sống trong căn nhà làm cho anh ta ở khu chăn nuôi. Anh ta quan tâm chăm sóc một đàn súc vật lớn và bót cho những người ngụ cư phải mất nhiều công sức như trước đây là cứ hai, ba ngày lại ra khu chăn nuôi một lần. Tuy nhiên, để giúp Ayrton bôi xoá mặc cảm tội lỗi và tránh nỗi buồn khi thấy mình bị bỏ rơi, họ vẫn thường xuyên ra thăm người bạn mới của mình.

Hơn nữa, viên kỹ sư còn lo có chuyện bất trắc xảy ra ở khu chăn nuôi nên đã quyết định tạo một đường dây liên lạc trực tiếp giữa khu chăn nuôi và Lâu đài Đá hoa cương.

Ngày 10 tháng giêng, viên kỹ sư đã trình bày cho các bạn nghe về dự định của mình.

- Ngài định đặt đường dây thông tin chẳng, thưa ngài Smith? – Pencroff hỏi.

- Đúng vậy!

- Bằng điện ạ? – Harbert cười phá lên.

- Bằng điện! – Cyrus Smith khẳng định – Chúng ta có đầy đủ những thứ cần thiết để làm pin và ắc quy, làm dây dẫn bằng sắt thì khó hơn, nhưng tôi nghĩ chúng ta sẽ thực hiện được việc này bằng cách chuốt các sợi sắt nhỏ.

Cuối cùng, họ cũng đã chế tạo được những dây sắt dài từ 40 đến 50 bộ, đem nối lại họ được một sợi dây sắt dài năm dặm, vừa

đúng khoảng cách từ Lâu đài đến khu chăn nuôi.

Sau khi có đủ vật liệu cần thiết rồi, Cyrus Smith lo làm ắc quy.

Ông làm bộ ắc quy điện một chiều, giống như ắc quy mà năm 1820 Becquerel đã chế tạo, bởi vì nó chỉ có kẽm mà thôi.

Sự sáng chế độc đáo và đơn giản đã giúp Cyrus Smith làm được hai bộ ắc quy, một bộ đặt ở Lâu đài Đá hoa cương, bộ kia đặt ở khu chăn nuôi, để tiện cho việc liên lạc bằng điện báo. Mọi việc được hoàn thành dứt điểm vào ngày 12 tháng hai. Hôm ấy, Cyrus Smith đã cắm điện và hỏi Ayrton xem công việc của anh ta có được tốt đẹp cả không, chỉ vài giây sau, ông đã nhận được câu trả lời của Ayrton là tất cả đều thuận lợi.

*

* *

Tối 25 tháng tư, khi tất cả những người ngụ cư tập trung trên cao nguyên Tầm nhìn, Cyrus Smith đã nói với họ như sau:

- Các bạn thân yêu của tôi! Tôi thấy có trách nhiệm chỉ cho các bạn một số hiện tượng kì lạ, và tôi muốn được biết ý kiến của các bạn về những hiện tượng ấy. Tôi cho rằng những hiện tượng ấy là siêu nhiên.

- Siêu nhiên! – chàng thuỷ thủ thốt lên.

- Có thể gọi nơi chúng ta đang sống là hòn đảo bí ẩn. – viên kỹ sư nói – Có thể là các bạn sẽ giải thích được điều mà tôi và Spilett bấy lâu nay không hiểu nổi?

- Vậy thưa ngài Cyrus, ngài hãy kể đi, ở đây có chuyện gì thế? – chàng thuỷ thủ yêu cầu.

Cyrus tiếp tục:

- Tôi đã suýt bị chìm dưới biển cách bờ một phần tư hải lí, mà không biết vì sao lại lên được tới hang. Lại nữa làm sao con Top lại có thể tìm ra được chỗ các bạn, lúc ấy đang ở cách hang của tôi những năm dặm!

- Bản năng giúp nó... – Harbert nói.

- Bản năng gì ở đây, – nhà báo cắt ngang lời chú bé – đêm ấy trời mưa to, gió lớn, mà con Top đến Hang ngụ cư lại khô ráo, sạch sẽ.

- Hơn nữa, – Cyrus Smith tiếp tục – các bạn có thể hiểu được không, viên đạn chì trong mình con heo rừng mới kì lạ làm sao. Bằng cách gì mà biển lại quăng lên bờ cho chúng ta cái hòm với đầy đủ các thứ cần thiết, mặc dù chúng ta đã không thấy dấu vết của một tai nạn đắm tàu. Và làm thế nào cái chai đựng lá thư nọ lại có thể rơi vào tay chúng ta đúng hôm đầu tiên chúng ta chạy thử tàu. Vì sao dây neo đứt và chiếc thuyền đã trôi xuôi dòng sông Tạ ơn đúng lúc chúng ta cần đến nó. Sau cuộc đột nhập của bầy vượn, làm sao cái thang có thể rơi từ Lâu đài Đá hoa cương xuống chỗ chúng ta đang đứng khắc khoải được? Cuối cùng, tác giả của bức thư trong chai mà Ayrton đã khẳng định mình không viết. Vậy ai viết?

- Thế đấy! Các bạn của tôi. – viên kỹ sư tiếp tục – Tôi nói thêm một hiện tượng lạ lùng nữa không kém phần lạ lùng và khó hiểu... Khi ở đảo Tabor về, các bạn đã nhìn thấy ngọn lửa bùng cháy trên bờ đảo Lincoln phải không?

- Đúng như vậy, Cyrus Smith, – cả Pencroff, Harbert và Spilett đều khẳng định. – Ngọn lửa sáng như ngôi sao băng, như một chùm đèn điện vậy...

- Thế đấy, các bạn của tôi! – Cyrus Smith nói – Đêm ấy cả tôi lẫn Nab đều không đốt lửa trên bờ.

Đúng! Phải đồng ý rằng, tất cả những hiện tượng ấy đều được bao phủ bởi một tấm màn bí mật. Một sức mạnh nào đấy không thể hiểu nổi, đã kịp thời đến cứu giúp họ. Đó chính là điều cần phải khám phá, và bằng bất cứ giá nào!

Ngày 17 tháng mười, khoảng ba giờ chiều, Harbert định tranh thủ lúc trời còn sáng chụp toàn cảnh vịnh Hợ chủng trải dài trước mặt Lâu đài Đá hoa cương từ mũi Xương hàm đến mũi Cái móng.

Chú đặt máy ảnh lên bậu cửa sổ trong phòng lớn của Lâu đài Đá hoa cương, từ nơi đây có thể nhìn bao quát vịnh Hợ chủng. Sau khi chụp xong một kiểu ảnh theo đúng các quy tắc, chú vào nhà kho tối như bưng để tráng rửa hình.

Lúc trở ra, ngoài ánh sáng chỉ rõ chú xem kỹ âm bản thì thấy trên đường chân trời có một vệt đen nhỏ không rõ lắm.

- Tấm kính ảnh bị hỏng! – Harbert nghĩ.

Nhưng chú vẫn quyết định soi vệt đen nhỏ xíu ấy vào kính phóng đại tháo ở ống viễn vọng ra.

Chú nhìn vào hình chụp và kêu thét lên, suýt nữa đánh rơi tấm hình.

Chú chạy vào phòng Cyrus Smith đang làm việc, đưa cho ông tấm kính âm bản cùng cái kính lúp và chỉ vào vệt đen nhỏ.

Cyrus Smith nhìn cái chấm đen trên tấm hình, và chớp lấy ống kính viễn vọng, lao tới cửa sổ.

Ông hướng ống kính vào vệt đen khả nghi. Su khi nhìn kỹ cái vệt ấy, ông buông tay, nói một tiếng gọn lỏn:

- Tàu!

Và thật vậy, nơi chân trời, xuất hiện rõ một chiếc tàu thủy.

Jules Verne

Hòn đảo bí mật

Nguyễn Văn Cửa phỏng dịch

Chương 11

Bọn cướp biển

Không nghi ngờ gì nữa, đã thấy rõ một con tàu ở hải phận đảo Lincoln! Nhưng nó sẽ đi ngang qua hay tiến gần vào đảo? Hai ba giờ nữa, mọi việc mới rõ ràng.

Cyrus Smith và Harbert gọi ngay Spilett, Pencroff và Nab vào căn phòng lớn của Lâu đài Đá hoa cương và báo tin cho họ biết. Pencroff chớp lấy ống kính viễn vọng, vội vàng nhìn khắp chân trời và phát hiện thấy cái chấm đen ở đúng ngay nơi có vết mờ trên tấm kính ảnh.

Harbert khiến mọi người bất ngờ.

- Có thể là “Duncan”! – chú kêu lên.

- Cần phải báo ngay cho Ayrton biết và gọi khẩn cấp anh ta về đây. – Gédéon Spilett nhận xét – Chỉ có mình anh ta mới có thể nói cho chúng ta biết chính xác, đó có phải là “Duncan” hay không.

Mọi người tán thành ý kiến của chàng nhà báo, và anh đã đến

máy điện báo, gõ những từ sau:

- Hãy về ngay!

Mấy giây sau, chuông trả lời vang lên:

- Tôi đi đây! – Ayrton đáp lại.

Những người ngụ cư lại chú ý nhìn ra tàu.

Bốn giờ chiều, đúng một giờ sau khi được gọi, Ayrton có mặt ở Lâu đài Đá hoa cương.

- Tôi xin sẵn sàng chờ lệnh, thưa các ngài! – anh ta nói khi bước vào phòng.

Cyrus Smith, như mọi khi, chìa tay cho Ayrton và dẫn anh ta lại cửa sổ nói:

- Chúng tôi gọi anh, Ayrton! Có việc quan trọng. Ở khu vực vùng đảo của chúng ta vừa xuất hiện một con tàu.

Thoạt đầu Ayrton hơi tái mặt, và trong đôi mắt anh ta thoáng vẻ lo âu. Anh ta chăm chú nhìn về chân trời, nhưng không thấy gì cả.

- Hãy cầm lấy ống kính viễn vọng. – Gédéon Spilett nói – Và nhìn cho thật kỹ, Ayrton! Có thể đó là “Duncan”, trở lại vùng biển này để đón anh về Tổ quốc.

- “Duncan”! – Ayrton lâm bầm – Nhanh thế!

Ayrton cầm lấy ống kính viễn vọng và nhìn theo hướng Spilett chỉ dẫn. Một phút liền anh ta đứng bất động, lặng lẽ nhìn về phía chân trời rồi nói:

- Đúng, đó là tàu thật, nhưng không phải “Duncan”.
- Tại sao không phải “Duncan”? – Gédéon Spilett hỏi.
- Tại vì “Duncan” là một tàu buồm chạy bằng hơi nước mà con tàu này dù tôi muốn lắm cũng không phát hiện được một làn khói nhỏ trên tàu lẫn đằng sau tàu.

Vừa lúc ấy, gió thổi tung lá cờ bí ẩn của con tàu lên. Ayrton giằng lấy ống kính viễn vọng từ tay chàng thủy thủ vừa bỏ xuống, đưa ngay lên mắt và sau khi nhìn kỹ, anh ta kêu lên bằng một giọng nghẹn ngào:

- Cờ đen!

Quả vậy, trên cột cờ của tàu phần phật bay một mảnh vải đen, và bây giờ những người ngụ cư đã có đủ cơ sở để khẳng định đây là một con tàu rất khả nghi!

Vậy là linh cảm đã không lừa dối viên kỹ sư? Có nghĩa rằng đó là một con tàu của bọn cướp biển? Nó định vào đảo Lincoln để làm gì? Có thể, nó chọn một vùng đất không ai biết đến để làm nơi cất giữ những của báu mà bọn hải tặc đã cướp được? Hoặc là, có thể nó tìm một bến cảng lặng sóng để tránh những trận bão? Lẽ nào cái cơ nghiệp đáng yêu của những người ngụ cư trở thành tổ quỷ đê tiện, hang ổ của bọn hải tặc Thái Bình Dương?

- Không thể chậm một phút nào nữa. Cần đối phó với con tàu lạ này.

- Các bạn, – Cyrus Smith bắt đầu nói – có thể tàu này chỉ muốn

quan sát đảo từ xa thôi, đoàn thủy thủ của nó sẽ không đổ bộ lên đảo. Ta hi vọng vào điều ấy. Dầu thế nào thì chúng ta cũng cần phải giấu kín tất cả những gì chứng tỏ sự có mặt của chúng ta trên hòn đảo này. Đập vào mắt rõ nhất là cái cối xay gió đặt trên cao nguyên Tầm nhìn, Ayrton và Nab hãy đi tháo cánh của nó ra. Chúng ta lấy cành cây bịt các cửa sổ Lâu đài Đá hoa cương lại. Cần dập tắt hết lửa đi. Đừng để lộ ra ngoài sự có mặt của con người trên hòn đảo này!

- Còn chiếc tàu của chúng ta? – Harbert hỏi.

- Không sao đâu! – Pencroff trả lời – Nó đã được giấu kín ở cảng Khí cầu. Tôi đảm bảo rằng bọn giết người cướp của này không thấy được nó đâu, em yên tâm đi.

Mệnh lệnh của viên kỹ sư được thi hành ngay. Khi mọi việc chuẩn bị đã xong. Cyrus Smith hướng về phía những người ngụ cư.

- Các bạn, – ông nói, trong giọng của ông lộ sự hồi hộp – nếu những kẻ gian hùng này dám liều mạng tấn công lên đảo Lincoln thì chúng ta sẽ giáng trả chúng một đòn thật thích đáng, có phải thế không?

- Đúng thế, Cyrus! – nhà báo trả lời thay cho tất cả – Và nếu cần thì chúng tôi sẽ hi sinh chiến đấu để bảo vệ hòn đảo của chúng ta.

Viên kỹ sư chìa tay cho các bạn của mình, và mọi người nồng

nhiet đáp lại cái bắt tay của ông. Chỉ riêng Ayrton đứng lặng
thình trong góc phòng. Có thể, anh ta một kẻ phạm tội cũ, cho
rằng mình không xứng đáng với cái bắt tay ấy!

Cyrus Smith hiểu điều gì đang xảy ra trong lòng Ayrton, vì vậy
ông đến gần anh ta.

- Còn anh, Ayrton! – viên kỹ sư hỏi – Anh định làm gì?

- Làm tròn nghĩa vụ của mình. – Ayrton đáp.

*

* *

Cyrus Smith và các bạn ông đã sẵn sàng hành động, nhưng họ
hết sức thận trọng.

- Chúng có đông người không? Đó là một vấn đề quan trọng. –
nhà báo nói – Nếu chúng có trên một chục tên thì chúng ta cân
sức, nhưng nếu chúng có bốn mươi, năm mươi tên hoặc hơn,
thì...

- Thưa ngài Smith! – bỗng Ayrton lại gần kỹ sư nói – Tôi muốn
yêu cầu ngài một điều. Ngài cho phép tôi...

- Cụ thể là gì, anh bạn của tôi?

- Ngài hãy cho phép tôi bơi ra tàu bọn cướp để xem quân số của
đoàn thủy thủ.

- Nhưng, Ayrton! – viên kỹ sư phản đối – điều đó có nghĩa là anh
phải liều mình đấy.

- Thế tại sao lại không, thưa ngài Smith?

- Tại vì anh hành động như vậy là còn cao hơn “làm tròn nghĩa vụ của mình” nữa.
 - Thì tôi cũng cần phải làm nhiều hơn nghĩa vụ của mình nữa chứ! – Ayrton trả lời.
 - Anh muốn đi ra tàu bằng thuyền à? – Gédéon Spilett hỏi.
 - Không, tôi muốn bơi. Người dễ lách qua những nơi mà thuyền không qua được.
 - Nhưng tôi nhắc lại là sẽ nguy hiểm cho tính mạng anh đấy. – viên kỹ sư nhận xét – Và anh biết phải bơi hơn một hải lí đó chứ?
 - Thì chuyện ấy cũng đâu có sao. – Ayrton nói – Tôi xin ngài cho phép, coi đó như một ân huệ, thừa ngài Smith. Đối với tôi, có thể đây là khả năng duy nhất để lấy lại cho mình lòng tự trọng.
 - Thôi được, anh hãy đi đi, Ayrton! – viên kỹ sư nói. Ông hiểu rằng sự từ chối của ông sẽ làm cho kẻ tội phạm đã trở thành người lương thiện đau khổ vô cùng.
 - Tôi sẽ đi cùng với anh! – bỗng Pencroff đề nghị.
- Chiếc thuyền nhanh chóng cập vào đảo nhỏ, Pencroff nấp vào giữa các vách đá đợi bạn trở về. Trong khi đó Ayrton nhẹ nhàng, thận trọng bơi về phía chiếc tàu. Nửa giờ sau, anh ta tóm được dây cột buồm và leo lên tàu an toàn. Gấp chỗ phơi quần áo của thủy thủ anh xỏ luôn một cái và lựa tư thế thuận tiện anh chăm chú theo dõi.

Bọn trên tàu chưa ngủ. Ayrton nghe rõ tiếng chúng hát, hò, cười cợt âm ỉ. Bỗng mấy lời ngắt quãng lẫn với những tiếng chửi tục đã thu hút sự chú ý của Ayrton.

- Cánh ta kiếm được chiếc tàu thật là tuyệt.
- Ủ, nó chạy không đến nổi tồi. Gọi nó là tàu “Nhanh” cũng chẳng phải quá đáng!
- Thách cả hạm đội Norfolk đuổi coi!
- Thuyền trưởng Bob Harvey muôn năm!

Ayrton nhớ lại chẳng khó gì cái tên Bob Harvey. Chính hắn đã từng là kẻ đồng loã với anh ta từ hồi ở Australia. Đó là một tên liều lĩnh, bạt mạng. Bọn Harvey đã chiếm đoạt con tàu này ở vùng đảo gần biển Norfolk cùng với toàn bộ hàng hoá, vũ khí, đạn dược, dụng cụ, đồ dùng chuẩn bị chở đến một trong những đảo thuộc Sandwich. Đoàn thủy thủ hiện nay của hắn đều là những tên tù khổ sai người Anh vượt ngục ở Norfolk.

Khoảng một giờ sau, khi quá nửa bọn cướp đã ngủ, Ayrton không do dự đột nhập lên boong tàu lúc ấy đèn đã tắt và trời tối như bưng. Anh thận trọng luôn lách giữa bọn cướp, anh đi khắp tàu và xác định được rằng tàu “Nhanh” có bốn khẩu đại bác hiện đại, sử dụng rất thuận tiện và có sức công phá mạnh. Bây giờ Ayrton có thể trở về với một lương tâm trong sáng nhờ hoàn thành công việc trinh sát. Nhưng, một ý nghĩ dưng cảm bỗng thoáng qua đầu Ayrton – anh đã nói với viên kỹ sư rằng anh sẽ

làm tròn nghĩa vụ, đúng hơn anh sẽ làm nhiều hơn mức nghĩa vụ đòi hỏi. Phải, anh sẽ hi sinh cuộc đời mình, nhưng hòn đảo và những người ngụ cư phải được cứu thoát.

Ayrton không lưỡng lự nữa. Anh tìm đến kho thuốc súng thường được bố trí ở đuôi tàu chẳng khó khăn gì. Trên một chiếc tàu cướp biển nhất định phải có lượng thuốc súng dự trữ và chỉ cần một tia lửa là đủ làm cho nó nổ tung trong nháy mắt.

Ayrton thận trọng đi xuống căn phòng nối liền với boong tàu, nơi mà bọn cướp biển say rượu nằm li bì. Gần cột buồm chính có ngọn đèn sáng, còn chung quanh là giá để gác các loại vũ khí.

Ayrton lấy một khẩu súng lục, biết chắc chắn là nó đã được nạp đạn. Bây giờ anh có thể thực hiện được kế hoạch huỷ diệt chiếc tàu, và lặng lẽ bò tới đuôi tàu, ở đó, ngay bên phải buồng lái là kho thuốc súng.

Chỉ còn việc phá cửa ra vào, và Ayrton đã cố nhẹ tay không gây lên tiếng động, nhưng hoàn thành việc đó đâu phải dễ dàng, bởi vì anh còn phải bẻ chiếc khoá treo. Tuy nhiên, với đôi tay hùng mạnh của Ayrton chiếc khoá cũng phải khuất phục, và cánh cửa bật mở.

Đúng lúc ấy, một cánh tay nặng nề hạ xuống vai Ayrton.

- Anh làm gì ở đây, hả anh bạn tử tế? – một giọng nói thô bạo phát ra ngay bên tai Ayrton, và một người to lớn cầm cây đèn pin rọi thẳng vào mặt anh.

Bất giác Ayrton lùi lại trước ánh đèn loé sáng. Anh nhận ra đó là tên đồng bọn của mình ngày trước, hẳn chính là Bob Harvey. Nhưng Harvey không nhận ra anh, vì hẳn tưởng anh đã chết từ lâu rồi.

- Mà làm gì ở đây? – Bob Harvey nhắc lại, túm lấy lưng quần Ayrton.

Ayrton không trả lời, hất mạnh tên đầu sở ra. Ayrton lao về phía câu thang dẫn lên boong tàu. Lúc chạy qua chiếc đèn Ayrton dùng báng súng đập vỡ nó đi, boong tàu lại chìm ngập trong bóng đêm, giúp cho việc chạy trốn của anh đỡ khó khăn hơn rất nhiều.

Sau đó, Ayrton nhảy qua mạn tàu và lao xuống biển. Anh bơi chưa được chục mét, một trận mưa đạn đã trút xuống anh, làn nước réo sôi sùng sục.

Pencroff, Cyrus Smith, nhà báo, Harbert và Nab đã trải qua biết bao xúc động khi nghe những tiếng súng vẳng đến tai họ! Họ chụp vũ khí, lao ra bờ, sẵn sàng tinh thần đẩy lùi quân thù.

Họ không hề có chút ảo tưởng nào, Ayrton rõ ràng đã bị sa vào tay bọn cướp và, lẽ dĩ nhiên, đã vĩnh biệt cuộc đời rồi. Có thể là bọn cướp biển đã quyết định lợi dụng ban đêm và sắp sửa đổ bộ lên bờ.

Cuối cùng, vào lúc mười hai giờ rưỡi đêm, con thuyền đã cập bến, trên đó có hai người ngồi. Những người ngụ cư đang rộng

vòng tay ôm chặt Ayrton đang bị thương nhẹ ở vai, và Pencroff vẫn sống và nguyên vẹn.

*

* *

Đêm ấy trôi qua không có biến cố gì. Hòn đảo vẫn êm đềm, tưởng chừng như chiếc tàu cướp biển đã nhổ neo ra khơi. Nhưng sáng hôm sau, sự việc hoàn toàn ngược lại, qua làn sương ban mai, những người ngụ cư nhìn kỹ vẫn thấy bóng dáng mờ mờ của tàu “Nhanh”.

- Các bạn! Cần chuẩn bị tinh thần chiến đấu. Trước hết phải gây cho bọn cướp ấn tượng là đảo có đông dân và những người dân ở đây biết giáng trả kẻ thù bằng những đòn đích đáng. Bởi vậy, tôi dự kiến lập ba tổ chiến đấu ở ba nơi. Chúng ta đủ súng đạn để đương đầu với chúng. Chỉ cần các bạn bắn liên tục, nhưng phải trúng đích. Mỗi người phải tiêu diệt tám hoặc mười tên trong bọn chúng.

Các vị trí được xếp đặt như sau: Cyrus Smith cùng với Harbert ở lại Hang ngụ cư. Mai phục ở đây họ có thể bắn và không chế được một phần đáng kể bọn cướp đổ bộ vào khu vực bờ biển dưới chân Lâu đài Đá hoa cương.

Gédéon Spilett cùng với Nab, núp trong các vách đá gần cửa sông Tạ ơn. Tại đây, các loại cầu lớn nhỏ đều được nâng lên. Tổ này đảm bảo không những không cho một chiếc xuồng địch nào

vào đảo, mà còn phải ngăn chặn bọn cướp đổ bộ lên bờ bên kia. Riêng Pencroff cùng với Ayrton trong thời gian đó đã kịp hạ chiếc thuyền xuống nước để bơi sang hòn đảo nhỏ. Tại đây, họ phải chiếm lĩnh hai vị trí cách xa nhau. Khi thấy bị bắn từ bốn phía, bọn cướp sẽ cho rằng đảo có nhiều người và những người trên đảo quyết tâm bảo vệ tự do của mình.

Khi cần thì Pencroff và Ayrton sẽ đánh ngược về, và lập tức tăng cường viện trợ cho khu vực bị đe dọa nhiều nhất.

Trước khi bước vào vị trí chiến đấu những người ngụ cư siết chặt tay nhau lần cuối cùng.

Chẳng bao lâu sương mù tan hết và chiếc tàu “Nhanh” hiện rõ dưới ánh mặt trời. Nó thả hai neo, mũi quay về phía Bắc, mạn trái quay về đảo và tiếp tục im lặng.

Nhưng tám giờ sáng, những người trên đảo nhận thấy trên tàu “Nhanh” có dấu hiệu hoạt động. Các thủy thủ dùng palăng hạ một chiếc xuống xuống nước. Bảy tên ngồi trên đó, tên nào cũng có súng. Một tên ngồi lái, bốn tên chèo, còn hai tên ngồi phía mũi. Chúng khom lưng, tay lăm lăm súng và chăm chú nhìn lên bờ. Nhiệm vụ của chúng rõ ràng là trinh sát đảo, chứ không phải đổ bộ, vì nếu làm như vậy thì tên thuyền trưởng phải phái một đoàn quân đông hơn...

Pencroff và Ayrton từ vị trí quan sát kín đáo của mình trông thấy chiếc xuống hướng thẳng đến chỗ họ, và họ đợi cho nó đến vừa

tầm súng.

Mấy tên chèo xuồng thận trọng di chuyển về phía trước, cố không gây sự chú ý của những người trên đảo. Ayrton thấy rõ một tên cướp ngồi ở mũi xuồng, tay cầm dụng cụ đo độ sâu và định tìm luồng lạch của dòng chảy sông Tạ ơn. Điều đó chứng tỏ rằng tên Bob Harvey muốn đưa tàu của hắn vào gần bờ hơn.

Cách đảo nhỏ chưa tới hai cabeltov chiếc xuồng dừng lại. Tên cầm lái đứng thẳng người lên đưa mắt tìm nơi cập bến.

Đúng lúc ấy vang lên hai phát súng. Một làn khói trắng bốc lên trên các mỏm đá. Tên cầm lái và tên thủy thủ cầm dụng cụ đo độ sâu đổ xuống đáy xuồng. Những viên đạn do Ayrton và Pencroff bắn cùng một lúc giết chết hai tên cướp biển.

Hầu như ngay lúc ấy vang lên tiếng động khủng khiếp, một cột khói bốc cao trên tàu và một viên đại bác đập vào vách đá nơi mà dưới đó Ayrton và Pencroff đang ẩn nấp. Các mảnh đá văng ra tứ phía nhưng, may sao, các xạ thủ của chúng ta vẫn còn nguyên vẹn...

Một thủy thủ khác ngồi thay vào chỗ lái và chiếc xuồng bơi dọc theo bờ, định vòng qua đảo nhỏ ở phía Nam. Chúng cố sức chèo xa tầm đạn. Mặc dù Pencroff và Ayrton thừa biết bọn cướp định tập hậu họ, nhưng họ không rời vị trí chiến đấu, vì không muốn để lộ mục tiêu cho khẩu đại bác của giặc. Mặt khác, họ tin tưởng các bạn của họ bảo vệ được chỗ của mình.

Khoảng hai mươi phút, sau những phát súng đầu tiên, chiếc xuồng bơi về phía cửa sông Tạ ơn được ít nhất hai cabletov. Vào giờ ấy thủy triều bắt đầu lên mạnh vì nơi đây lòng sông hẹp. Nhưng, khi bọn cướp vừa vào đúng tầm súng của trận địa phía cửa sông, chúng bị hai viên đạn phóng tới đón chào. Thế là thêm hai tên cướp nữa bỏ mạng. Nab và Spilett đã bắn rất chính xác. Bây giờ trên xuồng chỉ còn lại ba tên cướp có khả năng chiến đấu. Xuồng bị dòng thủy triều cuốn mạnh nên lướt nhanh khỏi tầm đạn của Cyrus Smith và Harbert. Lát sau đó, nó vòng qua phía bắc đảo và trở lại tàu.

Sau thất bại đầu tiên, bây giờ bọn cướp cho tung ra hai chiếc xuồng khác, một xuồng chở 12 tên đổ bộ vào bờ đảo nhỏ, xuồng kia chở 8 tên định đột nhập vào cửa sông Tạ ơn. Tình hình của Pencroff và Ayrton trở nên hết sức hiểm nghèo, họ hiểu rằng đã đến lúc phải quay trở lại đảo lớn.

Song họ quyết định để cho chiếc xuồng thứ nhất lại gần, nỗ lực hai phát súng làm tiêu hao thêm sinh lực địch, rồi mới lên thuyền của mình bơi qua eo biển, vào nấp trong Hang ngụ cư.

Họ vừa kịp nhập bọn với Cyrus Smith và Harbert thì bọn cướp biến trên xuồng thứ nhất đổ bộ lên bờ đảo nhỏ và bắt đầu sục sạo trên đó. Gần như cùng một lúc vang lên hai phát súng ở cửa sông Tạ ơn, nơi chiếc xuồng thứ hai lao tới rất nhanh. Hai trong số tám tên cướp đã bị Gédéon Spilett và Nab tiêu diệt. Chiếc xuồng

đã bị thủy triều cuốn xô vào đá ngầm ngay cửa sông và vỡ tan. Sáu tên còn lại giơ cao súng lên đầu cho khỏi ướt và lội sang bờ sông phía bên phải, nhưng sợ bị làm bia đỡ đạn, nên chúng ba chân bốn cẳng chạy ngay về hướng mũi Tìm thấy.

Tình hình bây giờ chưa hẳn đã nguy ngập, trên đảo nhỏ có mười hai tên cướp, một số tên trong đó đã bị thương, nhưng chúng lại có xuồng, còn sáu tên khác đổ bộ lên đảo lớn, nhưng chưa tiến đến Lâu đài Đá hoa cương được, vì chúng bị sông cản đường, còn tất cả các cầu đều bị rút đi.

- Chúng ta sẽ đứng vững được phải không thưa kỹ sư? –

Pencroff vừa chạy vào Hang ngựa cư đã hỏi ngay Cyrus Smith.

- Theo tôi, – viên kỹ sư trả lời – cuộc chiến đấu nhất định sẽ bước sang giai đoạn mới, sẽ là vô lí nếu cho rằng bọn cướp biển là những tên ngu ngốc nào đó cứ đổ bộ quân lên bờ trong điều kiện bất lợi như thế đối với chúng. Biết đâu, con tàu sẽ vào gần bờ.

Trong khi ấy, toán cướp biển chiếm được đảo nhỏ đã dần dần lội tới bờ đảo trước mặt. Bây giờ chúng chỉ còn cách cái eo biển nữa là tới đảo lớn. Bỗng hai khẩu cacbin của Ayrton và Spilett cùng lên tiếng một lúc. Chắc chắn là ngôn ngữ của họ đã khiến hai tên tội phạm té nhào.

- Các ông ạ! – Ayrton nói, tay nấp đạn vào khẩu cacbin – Tình hình phức tạp rồi, tàu đang nhổ neo.

- Đúng, chúng đang nhỏ neo! – Pencroff kêu lên.

- Nó đã bắt đầu chạy! – viên kỹ sư lo lắng.

Thật vậy, trên tàu bọn cướp biển đã kéo buồm lên, và con tàu tiến gần vào đảo.

Cyrus Smith hiểu rõ hiểm họa thật là lớn lao, cố vắt óc suy nghĩ để tìm ra một lối thoát trong tình thế hiểm nghèo này. Chỉ còn vài phút nữa thôi, dẫu sao thì ông cũng phải có một quyết định. Nhưng quyết định như thế nào đây? Trước mắt vào trú trong Lâu đài Đá hoa cương đang bị bọn cướp biển bao vây, cầm cự một tuần, một tháng, mà cũng có thể vài tháng, vì lương thực dự trữ thừa đủ.

Trong khi đó, chiếc tàu đã tiến gần đảo nhỏ, có lẽ bọn cướp biển định đổ bộ lên phía nam hòn đảo.

Không thể bỏ lỡ một phút nào nữa, những người ngụ cư lách ra khỏi Hang ngụ cư.

Trong chốc lát họ đã đến chỗ thang máy và lên tới cửa Lâu đài Đá hoa cương. Tại đây, Top và Jup đã bị nhốt trong phòng lớn từ tối hôm qua. Những người ngụ cư hi vọng rằng Lâu đài Đá hoa cương sẽ nguyên vẹn, bởi vì để đề phòng, Cyrus Smith đã ra lệnh phủ kín các cửa sổ bằng cành cây xanh, nhưng bỗng nhiên một quả đạn xé toang cửa ra vào và bay qua hành lang.

Có thể bọn cướp biển không nhìn thấy những người ngụ cư, nhưng, không nghi ngờ gì nữa, Bob Harvey cho rằng cần kịp

thời nhả đạn vào bức màn cây xanh nổi bật lên một cách đáng ngờ trên tường đá. Cuộc pháo kích Lâu đài Đá hoa cương đã tiếp diễn với mức độ điên cuồng gấp đôi, và chẳng mấy chốc lại thêm một quả đạn nữa xé tan những cành xanh, để lộ một cái lỗ toang hoác trên khối đá hoa cương.

Tình cảnh của những người ngụ cư trở nên tuyệt vọng. Nơi trú ẩn của họ đã bị lộ. Mà họ thì không thể dựng lên những bức tường ngăn chặn đại bác, thậm chí họ không tránh nổi những mảnh đá hoa cương bay xối xả quanh họ. Chỉ có một cách là ẩn núp ở hành lang thượng của Lâu đài Đá hoa cương, rồi tìm cách rời khỏi nơi ở của mình, phó mặc tính mạng và hòn đảo cho số phận.

Bỗng từ phía biển, một tiếng “Ầm” vang lên và tiếp theo đó là những tiếng kêu tuyệt vọng của bọn cướp.

Cyrus Smith và những người bạn của ông ta lao đến cửa sổ. Một cột nước lớn giống như một vòi rồng với sức mạnh chưa từng thấy đã nhắc bổng con tàu bị vỡ làm đôi lên, và độ mười giây sau, những đợt sóng đã nuốt chửng con tàu và đoàn thủy thủ.

Jules Verne

Hòn đảo bí mật

Nguyễn Văn Cửa phỏng dịch

Chương 12

Quả thủy lôi

- Chúng đã bị tan xác! – Harbert thốt lên.
- Đúng vậy! Chúng đã bị nổ tung, y như là Ayrton đã đốt kho thuốc súng của chúng vậy! – Pencroff khẳng định, đồng thời cùng với Nab và cậu bé Harbert lao đến chỗ thang máy.
- Thùng thẳng rồi chúng ta sẽ biết, còn bây giờ hãy đi đã. Điều chủ yếu là bọn cướp biển không còn nữa.

Cyrus Smith vội vã kéo nhà báo và Ayrton đi ra bờ biển, tại đây Pencroff, Nab và Harbert đang chờ họ.

Sóng biển đã nuốt gọn con tàu, thậm chí các cột buồm cũng không thấy đâu. Con nước xoáy đã nhấc bổng con tàu lên, lật nó nằm nghiêng, và cứ thế nó chìm ngấm. Nước đã ủa vào lỗ thùng thân tàu.

Trên mặt nước, những mảnh tàu vỡ cứ xoáy tròn – nguyên bộ cột buồm và trục buồm dự trữ, các chuông gà (những tù nhân có cánh này vẫn còn sống), các hòm và thùng phuy đựng công cụ bị

áp lực của nước tổng qua các cửa rơi xuống biển và dần dần nổi trên mặt nước. Ayrton cùng Pencroff đã lao xuống thuyền, lùa bộ cột buồm còn nguyên vẹn và tất cả những gì nổi trên mặt nước, vào đảo lớn và đảo Cứu thoát.

Cùng với các mảnh tàu vỡ có vài xác người nổi lên. Trong số đó Ayrton nhận ra Bob Harvey. Anh chỉ cho Pencroff thấy tên cướp biển và xúc động nói:

- Tôi cũng từng là người như thế đó, Pencroff ạ!
- Nhưng bây giờ anh hoàn toàn khác rồi, Ayrton đáng yêu của chúng tôi! – chàng thuỷ thủ thốt lên.

Khi những mảnh tàu bị đắm đã được vớt từ dưới nước lên và xếp vào một chỗ an toàn trên bờ, những người ngụ cư quyết định nghỉ ngơi và ăn sáng.

- Đúng là kì diệu, – Pencroff khẳng định – phải thừa nhận là bọn ác ôn đã bị tan xác rất đúng lúc! Lâu đài Đá hoa cương đã trở lên trống trải lắm rồi.

- Thừa ngài Cyrus, ngài biết không, – Harbert bắt đầu nói – có điều này làm cháu hết sức ngạc nhiên: Tại sao vụ nổ không gây ra những phá hoại lớn? Tiếng nổ không mạnh lắm, và chỉ có lớp vỏ bọc tàu bị hư hại thôi. Quả thật, có thể nghĩ rằng chiếc tàu bị đắm đúng hơn là bị nổ.

- Cả tôi cũng thấy thế, Harbert ạ! – viên kĩ sư trả lời – Điều ấy cũng làm tôi rất ngạc nhiên. Hãy đợi đã, sau khi xem xét thân

tàu, tất nhiên chúng ta sẽ rõ sự việc như thế nào.

Độ một giờ rưỡi chiều, những người ngụ cư ngồi vào xuồng và bơi ra chỗ tàu đắm. Vừa lúc ấy, thân tàu “Nhanh” bắt đầu nổi lên khỏi mặt nước. Những người ngụ cư đi vòng quanh thân tàu rồi chui vào bên trong tàu, lần tới tầng lái, nơi trước đây là tầng trên. Theo lời của Ayrton thì phải tìm kho thuốc nổ ở chỗ này đây. Cyrus Smith hi vọng rằng nó không bị nổ. Và do đó, vài thùng thuốc súng còn nguyên vẹn, vì thuốc súng thường được bảo quản trong bao bì bằng kim loại, nên chắc chắn nó không bị ướt.

Những giả định của viên kỹ sư đúng hoàn toàn. Trong số rất nhiều đạn đại bác, những người ngụ cư đã phát hiện được khoảng hai chục thùng thuốc súng bọc bằng những lá đồng... Pencroff đã tận mắt nhìn thấy và tìn chắc rằng tàu “Nhanh” bị diệt không phải do kho thuốc tự nổ. Chính phần trên tàu, nơi để thuốc súng lại ít bị hư hại hơn những phần khác.

Mãi xem xét tàu, những người ngụ cư không để ý mấy tiếng đồng hồ đã trôi qua và thủy triều bắt đầu lên. Đành phải ngưng các công việc lại. Tuy nhiên, chẳng có gì phải sợ sóng cuốn mất sườn tàu ra khơi, vì tàu đã mắc cạn và được giữ chắc chắn bằng tất cả số neo của nó.

Đã năm giờ chiều. Những người ngụ cư trải qua một ngày vất vả. Họ ăn bữa trưa thật ngon miệng, và mặc dù rã rời chân tay, họ

vẫn không thể cưỡng lại được sự quyến rũ là tìm hiểu những đồ chứa trong các thùng được tìm thấy trong các hầm tàu “Nhanh”. Phần lớn các thùng đều có quần áo may sẵn, giày dép đủ cỡ, nhiều đến mức thừa dùng cho cả một vùng di dân. Ngoài ra còn có những thùng rượu, thuốc lá, vũ khí, dụng cụ nông nghiệp, đồ dùng cho thợ mộc, thợ nề và thợ rèn, các bao hạt giống gieo trồng đủ loại.

Họ lấy những thứ cần thiết trên tàu mang về đảo. Bây giờ họ mới nhớ là trên đảo còn sáu tên cướp sống sót đang quanh quẩn đâu đó và những vị khách không mời mà đến này rất bất trị. Do đó, họ phải hết sức cẩn thận đề phòng.

Sau tai nạn một tuần, đúng hơn là sau vụ nổ tàu bí ẩn đã cứu sống những người ngụ cư, thậm chí khi nước ròng cũng không thể phát hiện ra dấu vết của tàu “Nhanh”. Những mảnh vỡ cuối cùng của nó đã bị cuốn ra khơi, còn hàng thì làm giàu cho các kho tàng của Lâu đài Đá hoa cương.

Song, tình huống tàu bị diệt quá ư đột ngột và lạ lùng vẫn còn là vấn đề bí mật, nếu như ngày 10 tháng mười, trong khi đi dạo trên bờ biển, Nab không tìm thấy mảnh một ống kim loại còn giữ lại dấu vết của vụ nổ. Chiếc ống ấy bị xoắn và vỡ ở hai bên cạnh.

Cyrus Smith chăm chú xem xét ống, sau đó quay sang Pencroff nói:

- Tàu đựng phải cục sắt này nên nó bị chìm. – viên kỹ sư đưa cho

Pencroff xem phần còn lại của ống kim loại.

- Đụng phải cái ống nhỏ này ư? – chàng thuỷ thủ thốt lên, thậm chí không che giấu sự nghi hoặc.

- Các bạn! – Cyrus Smith nói với những người ngụ cư – Tôi hi vọng các bạn nhớ rằng, trước khi chìm, chiếc tàu buồm đã bị nhấc bổng lên bởi lực đẩy của cột nước lớn?

- Tất nhiên là nhớ ạ, thưa ngài Cyrus! – Harbert vội đáp lời.

- Các bạn chưa biết cột nước ấy do cái này mà ra. – và viên kỹ sư chìa cho mọi người xem mảnh ống bị hỏng.

- Do cái này ư? – Pencroff hỏi.

- Đúng! Đó là phần còn lại của một quả thuỷ lôi.

- Thuỷ lôi! – những người ngụ cư đồng thanh thốt lên.

- Thế ai đã đặt quả thuỷ lôi ấy? – Pencroff hỏi.

- Tôi chỉ có thể khẳng định một điều là không phải tôi! – Cyrus Smith trả lời – Nhưng sự thật đã rành rành, có ai đó đã đặt quả thuỷ lôi và tự các bạn hình dung được sức công phá của nó.

*

* *

Thế là mọi biến cố được giải thích bởi tiếng nổ của quả thuỷ lôi, Cyrus Smith không thể làm được. Trong thời kì nội chiến ở Mỹ, ông đã nhiều lần chứng kiến tác dụng của loại vũ khí phá hoại kinh khủng này.

Phải, mọi chuyện đều trở nên rõ ràng, trừ một tình huống. Ở đâu

xuất hiện quả thủy lôi ấy?

- Các bạn! – Cyrus Smith lên tiếng – Bây giờ khỏi phải nghi ngờ gì nữa, trên đảo có một người bí ẩn nào đó, có thể, cũng như chúng ta, người ấy là nạn nhân của một vụ đắm tàu. Tôi nói điều ấy cốt để cho Ayrton làm quen với những sự kiện huyền bí xảy ra ở đây trong hai năm qua. Ân nhân bí ẩn ấy đã từng nhiều lần cứu giúp chúng ta. Nhưng nhân vật ấy là ai thì tôi không làm sao biết được. Vì những lí do gì ông ta hành động và tại sao ông ta lại tránh chúng ta, điều ấy tôi cũng không thể hiểu nổi. Ayrton chịu ơn người đó với mức độ cũng ngang như tất cả chúng ta. Ân nhân ấy đã cứu tôi thoát khỏi những đợt sóng biển sau khi quả khí cầu bị tai nạn hất tôi xuống biển, cũng lại chính ông ta đã viết lá thư, bỏ vào chai thả xuống eo biển và bằng cách ấy báo cho chúng ta biết tình trạng nguy khốn của Ayrton. Tôi nói thêm rằng, chính ông ta đã kịp thời thả lên mũi Tầm thấy chiếc hòm đựng tất cả những dụng cụ mà chúng ta đặc biệt cần thiết; chính ông ta đã đốt lửa trên đỉnh núi để các bạn có thể về đến đảo, chính ông ta đã bắn con lợn rừng, và viên đạn chì từ súng của ông ấy bắn ra chúng ta đã tìm thấy trên mình con vật bị chúng ta giết; chính ông ta đã đặt quả thủy lôi trong eo biển để phá chiếc tàu của bọn hải tặc. Tóm lại, chúng ta chịu ơn con người bí ẩn ấy về tất cả những nghĩa cử cao thượng và ân huệ không giải thích nổi và không sao hiểu được.

- Cyrus thân mến, ngài hoàn toàn có lí! – Gédéon Spilett đáp lời – Vâng, ngài đã nói rất có lí rằng ở đâu đây trên đảo này có một người bí ẩn có sức mạnh hầu như siêu nhân và bấy lâu nay đã giúp ích chúng ta... Có thể là ông ấy bí mật theo dõi chúng ta qua cái giếng của Lâu đài Đá hoa cương và nhờ đó biết được mọi kế hoạch của chúng ta.

Những người có mặt không thể không đồng ý với ý kiến của nhà báo.

- Hoàn toàn đúng! – Cyrus Smith tiếp lời – không ai trong chúng ta nghi ngờ về sự tồn tại của một cư dân bí ẩn trên đảo. Tôi thừa nhận rằng ông ta có những phương tiện mà tạm thời con người chưa biết tới. Đây, lại thêm một điều bí ẩn nữa. Tiếp tục tôn trọng sự ẩn danh của con người độ lượng ấy, hay làm tất cả những gì có thể làm được để tìm ông ta. Tôi muốn biết ý kiến của các bạn về vấn đề này.

- Theo con, thưa ông chủ! – Nab thốt lên – Chúng ta có tìm hay không tìm con người ấy – điều đó không quan trọng. Khi cần tự bản thân ông ta sẽ lộ diện, chúng ta chẳng cần tìm ông ta làm gì.

- Nói rất hay, Nab! – Pencroff khen.

- Tôi hoàn toàn đồng ý với Nab! – Gédéon Spilett bắt đầu – Nhưng đó là cái cớ chưa đủ xác đáng để từ bỏ cuộc tìm kiếm. Chúng ta có tìm thấy hay không tìm thấy thì ít nhất chúng ta phải làm tròn nghĩa vụ của mình đối với ông ta.

- Còn cháu, chú bạn nhỏ, cháu có ý kiến gì không? – viên kỹ sư hỏi Harbert.

- Ôi! – Harbert kêu lên, mắt sáng rực – Cháu muốn được tạ ơn ông ấy đầu tiên là đã cứu ngài, thưa ngài Cyrus, còn sau đó thì cứu tất cả chúng ta!

- Nghĩ khá đấy, em trai bé bỏng ạ! – Pencroff đáp lại – Mọi người biết đó, tôi không có thói tò mò quá đáng, nhưng dẫu sao cũng sẵn sàng chịu mất một con mắt để được nhìn thấy con người kì diệu ấy.

- Còn ý kiến của anh thế nào, Ayrton? – viên kỹ sư hỏi.

- Thưa ngài Smith, tôi không biết nói gì nữa. Ngài đã quyết định điều gì thì mọi việc đều sẽ đúng và tốt cả. Nếu như ngài muốn tôi tham gia vào các cuộc tìm kiếm thì tôi sẽ không chậm trễ đi theo ngài.

- Rất cảm ơn anh, Ayrton. – Cyrus Smith trả lời – nhưng tôi lại muốn nhận được ở anh một câu trả lời thẳng thắn hơn. Anh là một người bạn, anh có đầy đủ quyền hạn như chúng tôi. Vì vậy, anh hãy nói cho chúng tôi biết anh nghĩ gì về việc này?

- Thưa ngài Smith, tôi cho rằng chúng ta có trách nhiệm làm tất cả những gì có thể làm để tìm ra ân nhân bí ẩn của chúng ta. – Ayrton trả lời – Có thể ông ấy đang bị giày vò trong cô đơn. Có thể ông ấy đang đau khổ. Có thể, với sự giúp đỡ của chúng ta, ông ấy sẽ bắt đầu cuộc sống mới. Chính ngài vừa nói rằng tôi là

người mắc nợ ông ấy. Đúng là ông ấy, tất nhiên là ông ấy chứ không phải ai khác, đã đến thăm đảo Tabor, phát hiện thấy có một người bất hạnh đang đau khổ và đã báo cho các ngài biết cần phải cứu con người ấy. Nghĩa là, nhờ ơn của ông ấy mà tôi tìm lại được hình hài và diện mạo con người. Tôi sẽ không bao giờ quên được điều đó.

- Thôi được rồi, vậy là đã quyết định xong. – Cyrus Smith nói – Chúng ta sẽ bắt đầu những cuộc tìm kiếm càng nhanh càng tốt. Chúng ta khảo sát toàn bộ đảo, xem xét từng xó xỉnh. Chúng ta lục hết mọi chỗ khuất kín và mong người bạn chưa quen biết ấy tha thứ cho chúng ta về sự khiếm nhã này.

*

* *

Trước khi bắt đầu cuộc hành trình khảo sát đảo, những người ngụ cư quyết định bỏ ra mười ngày làm nốt một số công việc trên cao nguyên Tầm nhìn.

Song, Ayrton phải trở lại khu chăn nuôi, bởi vì gia súc cần được trông nom và săn sóc. Họ quy ước với nhau là anh ta sẽ ở đó vài ngày và trở về Lâu đài Đá hoa cương sau khi cho gia súc thật nhiều thức ăn.

Thế là Ayrton ra đi lúc sáng sớm ngày 9 tháng mười bằng chiếc xe do hai con la kéo, hai giờ sau anh ta đánh điện báo cho mọi người biết ở khu chăn nuôi mọi việc bình thường.

Ngay buổi chiều hôm đó Ayrton nhận được bức điện với yêu cầu mang hai con dê ở bãi chăn nuôi về. Nab muốn luyện cho chúng thích nghi với đồng cỏ của cao nguyên. Nhưng, thật là lạ, trái với mọi khi, Ayrton không tiếp nhận điện. Viên kỹ sư ngạc nhiên.

Đúng là lúc ấy Ayrton không có mặt ở khu chăn nuôi, có lẽ anh ta đang trên đường về Lâu đài Đá hoa cương.

Lúc ấy gần một giờ tối, vẫn chưa thấy Ayrton đâu cả. Khi ấy mọi người quyết định gửi bức điện thứ hai và yêu cầu trả lời gấp.

Nhưng chuông ở Lâu đài Đá hoa cương lại im lặng. Những người ngụ cư lo lắng nhìn nhau.

Nhiều ý kiến khác nhau được đưa ra, một số nằng nặc đòi đi ngay, những người khác nói đợi đến sáng mai thì tốt hơn.

Họ đã quyết định đợi đến sáng, nhưng nỗi lo âu của những người ngụ cư cứ tăng lên.

Lúc trời hừng sáng, Cyrus Smith lại cho máy điện báo hoạt động, nhưng vẫn không nhận được tín hiệu trả lời của Ayrton. Ông gọi lần nữa, chuông vẫn im lặng.

- Ra khu chăn nuôi mau! – ông kêu lên.

- Mang theo vũ khí! – Pencroff nói thêm.

Họ để lại Nab ở Lâu đài Đá hoa cương, vì họ thấy không thể bỏ mặc chỗ ở mà không có người trông coi được. Nab tiễn những người ngụ cư đến cuối Glixerin, nâng cầu lên và nép vào sau các gốc cây đợi họ hoặc Ayrton trở về.

Trong trường hợp bọn cướp biển xuất hiện và mưu toan đột nhập cao nguyên Tầm nhìn, anh ta sẽ nổ súng kìm chân chúng, cùng lắm thì anh ta sẽ ản nấu trong Lâu đài Đá hoa cương và cất thang dây lên – ở trong pháo đài bất khả xâm phạm này anh ta chẳng phải sợ gì hết. Xuống khỏi cao nguyên Tầm nhìn, những người khai khẩn hướng thẳng tới khu chăn nuôi. Họ cầm chắc súng trong tay, sẵn sàng nhả đạn ngay khi có tiếng động khả nghi đầu tiên. Trang bị của họ gồm hai khẩu cạcbin và hai khẩu súng săn đã nạp đạn... Tuy nhiên, một lát sau viên kỹ sư phát hiện thấy đường dây điện hơi bị chùng, khi họ đến cột số bảy mươi bốn thì Harbert đi trước bỗng dừng lại và kêu to:

- Dây điện bị cắt đứt!

Những người cùng đi với chú rảo bước nhanh hơn và một lát sau họ đã nhập vào với Harbert.

- Mới bị đứt phải không? – Cyrus Smith hỏi.

- Vâng! – Harbert khẳng định – Còn trụ điện thì bị quật đổ.

- Ra khu chăn nuôi mau! – mọi người đồng thanh kêu to và rảo bước.

Cuối cùng họ đã đến nơi. Mọi người chậm bước để thở lấy hơi và nếu cần thì có thêm sức lực mới xông vào chiến đấu. Súng đã được lên đạn. Mỗi người theo dõi một khu rừng nhất định. Con Top khế gầm gừ không báo hiệu điều gì tốt lành.

Từ sau những hàng cây họ đã nhìn thấy hàng rào của khu chăn

nuôi. Thoạt trông thì nó còn nguyên vẹn. Cổng vẫn khoá như mọi khi. Đằng sau đó, hoàn toàn im ắng, không nghe tiếng be của dê rừng, tiếng quát tháo nghiêm khắc của Ayrton.

- Ta vào đi! – Cyrus Smith nói.

Viên kỹ sư bước đến chỗ hàng rào, còn các bạn của ông thì đứng canh giới cách đó hai mươi bước và sẵn sàng nổ súng.

Cyrus Smith nâng chốt cổng lên và định mở cánh cổng ra, bỗng con Top sủa dữ tợn. Từ sau hàng rào vang lên một phát súng, và đáp lại là một tiếng kêu thương đau.

Harbert đã bị trúng đạn nằm trên đất.

Jules Verne

Hòn đảo bí mật

Nguyễn Văn Cửa phỏng dịch

Chương 13

Cái chết của những tên cướp

Sau khi nghe tiếng kêu của Harbert, Pencroff bỏ súng lao đến chỗ chú bé.

- Chúng giết thằng bé rồi! – anh kêu lên – Chúng giết thằng em trai bé bỏng của tôi rồi! Chúng nó giết rồi! Giết rồi!

Cyrus Smith và Gédéon Spilett cũng lao đến chỗ Harbert. Nhà báo áp tai vào ngực chú, hi vọng bắt được nhịp đập con tim.

- Còn sống! – ông kêu lên – Phải đưa chú bé đi...

- Về Lâu đài Đá hoa cương ư? Như thế không được đâu. – viên kỹ sư lên tiếng.

- Vậy thì đưa chú bé vào khu chăn nuôi! – Pencroff kêu lên.

- Đợi chút đã! – Cyrus Smith trả lời.

Và ông lao về bên trái, định vòng qua hàng rào. Tại đây ông giáp mặt một tên cướp, hân lấy cò súng, viên đạn trượt qua mũi kỹ sư. Nhưng chưa kịp bắn viên thứ hai thì tên cướp đã ngã lăn ra đất bởi một nhát dao găm cắm vào tim. Cyrus Smith sử dụng gươm

đao thành thạo hơn sử dụng súng.

Trong khi đó, Gédéon Spilett và chàng thủy thủ nhảy qua rào, xông thẳng vào nhà, nhưng ở đấy vắng tanh. Chẳng mấy chốc, chú Harbert bất hạnh được đặt nằm trên giường của Ayrton. Lát sau, Cyrus Smith vào với họ.

Sang ngày hôm sau, 11 tháng mười một, những người ngụ cư thấy hi vọng chút ít. Harbert đã tỉnh dậy sau cơn ngất kéo dài. Chú đã mở mắt và nhận ra Cyrus Smith, nhà báo và Pencroff đang cúi trên người chú. Thậm chí chú đã nói được vài lời. Mọi chuyện xảy ra chú không nhớ gì hết. Gédéon Spilett kể lại tóm tắt sự việc xảy ra cho chú nghe và năn nỉ chú phải hết sức nằm yên. Bởi vì, mặc dù nguy hiểm đã qua nhưng cần phải làm sao cho vết thương sớm thành sẹo. Tuy vậy, Harbert hầu như đã không cảm thấy đau, còn nước lạnh được đắp vào thường xuyên đã ngăn chặn được quá trình viêm nhiễm. Mủ được trích ra đều đặn, thân nhiệt không tăng nữa, vì vậy họ có thể hi vọng rằng vết thương đáng sợ sẽ khỏi mà không có biến chứng phức tạp gì. Pencroff lần đầu tiên thở phào nhẹ nhõm. Chàng biến thành “cô hộ lí” thật sự, chàng chăm sóc cho thằng bé cứng của mình, y như người mẹ hiền vậy.

Harbert lại thiếp đi, nhưng lần này giấc ngủ của chú thật bình yên.

Ngày 12 tháng mười một, trong lúc Pencroff trực bên giường

bệnh nhân, Cyrus Smith và nhà báo đã bàn về tình hình xảy ra và quyết định bắt tay hành động.

Công việc đầu tiên của họ là đi tuần tra toàn bộ khu vực chăn nuôi, nhưng họ không thấy dấu vết gì của Ayrton.

- Chắc Ayrton tội nghiệp đã bị bọn chúng bắt. – Cyrus Smith nói – Nhưng anh ta đâu phải là người chịu buông súng đầu hàng dễ dàng, có lẽ anh ta đã bị chúng giết rồi.

- Vâng, tôi cũng sợ như vậy đó! – nhà báo đáp lại – Hiển nhiên bây giờ Ayrton dù sống hay chết cũng đã ở nơi xa rồi.

- Cho dù thế nào đi nữa, - viên kỹ sư nói – chúng ta cũng cần phải ở lại trại chăn nuôi cho đến khi nào có thể đưa được Harbert về Lâu đài Đá hoa cương.

- Nhỡ đột nhiên sự vắng mặt của chúng ta làm cho Nab lo lắng, không chịu ngồi yên ở Lâu đài Đá hoa cương và quyết định ra đây thì sao?

- Ôi, nếu như đường dây điện báo không bị đứt thì chúng ta báo tin cho chú ấy biết ngay rồi! Nhưng bây giờ không thể thực hiện được việc ấy nữa! Mặt khác, chúng ta không thể để Pencroff và Harbert ở lại đây một mình. Các bạn, tôi sẽ đi về Lâu đài Đá hoa cương báo tin cho Nab.

- Không, sao lại hành động liều lĩnh như thế, ngài Cyrus! – nhà báo kêu lên – Ngài không có quyền liều mạng. Lòng dũng cảm trong trường hợp này không giúp gì cho người khác. Bởi

vì, quân dê tiện đang theo dõi chúng ta, chúng quần quanh đầu đó trong rừng, nếu ngài đi về Lâu đài Đá hoa cương là chúng tôi sẽ phải khóc than không phải cho một mà là cho hai người nữa đó.

- Chẳng lẽ không thể làm gì được để báo tin cho chú ấy biết sao? Ánh mắt của viên kỹ sư chột dừng nơi con Top. Trong suốt thời gian họ nói chuyện, con chó trung thành cứ chạy trong phòng với một vẻ lo lắng, như muốn nói rằng: “Thế còn tôi thì sao?”

- Top! – Cyrus Smith kêu to.

Con Top lao về phía chủ.

- Đúng, nên cho con Top đi, – nhà báo đoán được ý nghĩ của viên kỹ sư – Con Top sẽ dễ dàng đi qua nơi mà chúng ta không qua nổi! Nó sẽ mang thư về Lâu đài Đá hoa cương và đem câu trả lời từ đó về đây.

- Đừng để mất phút giây nào nữa! – viên kỹ sư kêu lên – Nhanh lên nào!

Gédéon Spilett nhanh chóng xé một tờ giấy ở cuốn sổ nhỏ dùng để ghi chép và viết mấy dòng:

“Harbert bị thương. Chúng tôi tạm thời ở lại khu chăn nuôi. Hãy cẩn thận. Không được rời Lâu đài Đá hoa cương. Có thấy bọn cướp biển xuất hiện ở ngoại vi Lâu đài không? Gởi trả lời cho con Top mang theo”.

Nhà báo gấp thư lại và nhét vào vòng cổ con Top, cố ý để cho

một góc tờ giấy ló ra ngoài.

- Top! Con chó bé nhỏ của ta! – viên kỹ sư vuốt ve con Top – Nab! Mày hiểu không Top, Nab! Đi đi nào! Trao lá thư này cho Nab.

Viên kỹ sư ra mở cổng.

- Nab! Top hiểu không, Nab! – ông nhắc lại, chỉ tay về hướng Lâu đài Đá hoa cương.

Con Top lao ra ngoài hàng rào và trong nháy mắt đã biến mất.

Lúc ấy là mười giờ...

Những người ngụ cư lo lắng đợi con Top trở về. Gần mười một giờ, Cyrus Smith và nhà báo đứng sẵn chờ đợi mở cổng khi nghe vẳng lại tiếng chó sủa từ xa. Họ biết chắc con Top đã an toàn về đến Lâu đài Đá hoa cương và Nab phải cho nó về lại đây để trao lá thư trả lời của anh ta cho họ.

Họ cứ đứng như vậy chừng mười phút, bỗng có tiếng súng vang lên, sau đó là tiếng sủa dài.

Viên kỹ sư mở toang cổng và nhận thấy cách đó chừng 100 bước có khói thuốc súng, ông bắn về hướng đó.

Hầu như ngay tức khắc con Top lao vụt qua hàng rào khu chăn nuôi và cánh cổng đóng sập ngay lại.

- Top! Top! – viên kỹ sư kêu to, hai tay túm lấy mõm con chó dễ thương.

Trên vòng cổ của con Top có buộc một mảnh thư, Cyrus Smith

đọc lướt qua mấy chữ Nab viết nguệch ngoạc:

*“Ở ngoại vi Lâu đài Đá hoa cương không có tên cướp biển nào.
Con sẽ không bao giờ rời vị trí của mình. Tội nghiệp Harbert”.*

*

* *

Sức khoẻ của Harbert ngày một khá hơn. Những người ngụ cư bây giờ chỉ mong muốn một điều: Hễ chú bé khoẻ là đưa chú về Lâu đài Đá hoa cương... Bởi vậy họ sốt ruột đợi đến ngày có thể đưa Harbert về nhà và không có biến chứng nào gây nguy hiểm cho sức khoẻ của chú. Họ đã quyết định dù thế nào đi nữa cũng phải thực hiện kế hoạch của mình, mặc dù họ hình dung rất rõ rằng đi qua rừng Jacamar sẽ rất khó khăn.

Trưa 29 tháng mười một, tranh thủ lúc Harbert ngủ, Cyrus Smith, Gédéon Spilett và Pencroff đã phác thảo kế hoạch hành động chống lại bọn cướp biển.

Đã một, hai lần chàng nhà báo ra khỏi khu chăn nuôi và tuần tra quanh hàng rào. Cùng đi có Top, Gédéon Spilett lăm lăm trong tay khẩu súng cacbin sẵn sàng đối phó với bất kì cuộc đụng nào. Do vậy, Gédéon Spilett liền mạnh dạn đi sâu hơn vào khu rừng rậm chừng một phần tư dặm. Bỗng ông thấy con Top bắt đầu lo lắng.

Con Top lùnh sục trong rừng chừng năm phút, còn nhà báo thì thận trọng theo dõi nó. Bỗng con chó lao vào bụi rậm nhỏ và tha

trong đó ra một mảnh vải. Đây là một tấm áo lem luốc, bị rách toí tả. Gédéon Spilett lập tức mang vật tìm thấy về khu chăn nuôi.

Những người ngụ cư chăm chú xem xét mảnh vải và nhận ra đó là một phần thuộc chiếc áo bludong của Ayrton.

Niềm hi vọng gặp bạn lại nhen lên trong lòng những người ngụ cư. Trước đây họ nghĩ rằng một viên đạn của bọn cướp biển đã bất ngờ giết chết Ayrton, giống như đã bắn Harbert bị thương. Nhưng nếu bọn tội phạm không giết anh ta ngay, mà chúng đưa anh ta đến nơi nào đó trên đảo thì có lẽ bây giờ anh ta đang là tù binh của chúng.

Họ quyết định đưa Harbert về Lâu đài Đá hoa cương và sau đó tiến hành cuộc tìm kiếm Ayrton.

*

* *

... Việc quan trọng bây giờ là sức khoẻ của Harbert. Mười phút sau, chiếc xe được đẩy tới sát bức tường thành đá hoa cương.

Thang máy được khởi động và chẳng bao lâu Harbert đã nằm trên giường của mình trong Lâu đài Đá hoa cương.

Chú bé sốt li bì, hết cơn nọ đến cơn kia.

- Thuốc chống sốt rét!... – viên kỹ sư nhắc lại – Lấy đâu ra được thứ đó? Ở nơi ta không có vỏ cây quinin, không có sunfat quinin! Cũng cần nhận xét rằng, sau những cơn sốt Harbert phờ phạc hẳn

đi, đầu chú nặng trĩu, mắt tối sầm. Lại thêm một triệu chứng làm cho Gédéon Spilett hoảng sợ là: gan của Harbert bị sưng to quá, và chẳng bao lâu, cơn mê sảng đã tăng lên, chứng tỏ bệnh đã ảnh hưởng đến não.

Tình trạng phức tạp mới ấy khiến Gédéon Spilett xúc động. Ông dẫn viên kỹ sư ra một nơi và nói:

- Đây là sốt rét ác tính!
- Sốt rét ác tính ư? – Cyrus Smith kêu lên – Anh có nhầm không đấy, Spilett? Sốt rét ác tính không thể phát ra ngay như thế được. Vậy là trong cơ thể Harbert phải có mầm bệnh sốt rét từ trước kia rồi.
- Không, tôi không nhầm đâu. – nhà báo nói – Harbert chắc chắn đã bị nhiễm bệnh ấy ở vùng sinh lầy này đây. Chúng ta đã chứng kiến cơn sốt rét. Có lẽ sẽ đến cơn thứ hai, mà nếu không kịp phòng ngừa cơn thứ ba thì Harbert sẽ chết mất.
- Thế vỏ cây liễu có thay được vỏ cây quinin không?
- Nó sẽ không giúp gì được trong trường hợp này. – Gédéon Spilett trả lời – Một khi bị sốt rét ác tính mà không cắt được cơn thứ ba thì không tránh khỏi tử vong.

Đến giữa trưa thì cơn sốt rét thứ hai bắt đầu. Bệnh biến chứng thật đáng sợ. Harbert đã cảm thấy mình gần cỗi chết. Chú chìa tay về phía Cyrus Smith, Gédéon Spilett, Pencroff với vẻ cầu khẩn. Chú không muốn chết! Thật là một cảnh tượng đau xé

lòng. Đành phải đưa Pencroff ra khỏi phòng.

Cơn sốt thứ hai kéo dài suốt năm giờ. Chắc chắn là bệnh nhân không chịu đựng nổi cơn sốt thứ ba.

Khoảng ba giờ sáng, Harbert la hét điên dại và co giật y như đang hấp hối. Nab trực bên giường chú, hoảng hốt chạy bỏ sang phòng bên cầu cứu các bạn của anh đang ngồi đó.

Lúc ấy con Top cất tiếng sủa với một vẻ lạ lùng mà thỉnh thoảng người ta vẫn gặp.

Một bóng người lao vào phòng ngủ và kịp đỡ chú bé đang hấp hối đúng lúc trong phòng không có ai trực ban. Trong cơn mê sảng chú suýt lăn từ trên giường xuống sàn nhà. Một lát sau Nab cùng mọi người trở lại phòng với Harbert. Gédéon Spilett cầm tay Harbert, thấy mạch của chú dần dần trở nên đều hơn.

Đã năm giờ sáng. Những tia nắng ban mai lọt vào cánh cửa sổ nhỏ của Lâu đài Đá hoa cương. Một tia nắng rọi trên chiếc bàn nhỏ kê cạnh giường bệnh nhân đang hấp hối.

Và bỗng Pencroff kêu to lên, chỉ vào một cái hộp nhỏ hình thoi không biết từ bao giờ đã xuất hiện trên chiếc bàn con. Trên nắp hộp có hàng chữ: sunfat quinin.

*

* *

Gédéon Spilett chộp lấy cái hộp nhỏ và mở ra. Trong đó có khoảng hai trăm gram chất bột trắng. Nhà báo lấy vài hạt bột mịn

ấy bỏ vào mồm. Vị đắng khủng khiếp của nó khẳng định rằng dòng chữ viết trên nắp hộp không nhằm mục đích đánh lừa ai. Thật vậy, đó là chất quý từ vỏ cây quinin, một loại thuốc tốt nhất để đặc trị sốt rét.

Không cần phải suy nghĩ lâu la gì nữa, cần phải cho Harbert uống bột thuốc quinin.

- Cà phê! – Gédéon Spilett yêu cầu.

Ngay lập tức, Nab mang đến một tách cà phê nóng, Gédéon Spilett bỏ vào đó khoảng mười tám gram quinin và cho Harbert uống.

Vẫn còn chưa muộn – cơn sốt rét thứ ba chưa bắt đầu!... Ít nhất bây giờ nó cũng không thể phát ra được nữa.

Mấy giờ sau Harbert ngủ yên giấc hơn.

Trong ngày, cứ cách ba giờ, những người ngụ cư lại cho Harbert uống quinin một lần.

Sang ngày hôm sau, chú thấy khá hơn. Tất nhiên, chú chưa khỏe hẳn. Ai nấy trong tim đều ấm niềm hi vọng. Và niềm hi vọng đó không phải là hảo huyền. Mười ngày sau, 20 tháng mười hai, Harbert bắt đầu bình phục.

Harbert đã 17 tuổi, cơ thể phát triển rắn chắc. Những ngày cuối tháng giêng, chú đã đi dạo quanh cao nguyên Tầm nhìn và khắp bờ biển. Nhiều lần chú đã tắm biển cùng với Pencroff và Nab, và những lần tắm ấy rất có lợi cho chú. Cyrus Smith thấy đã có thể

ấn định ngày lên đường đi thám hiểm hòn đảo. Như mọi khi, vào thời gian ấy trong năm, ban đêm trời rất sáng, điều kiện ấy rất thuận lợi cho việc trinh sát mà họ định tiến hành trên toàn đảo, nhằm hai mục đích: Thứ nhất, tiêu diệt bọn cướp biển và tìm cho được Ayrton, nếu anh ta còn sống. Thứ hai, tìm ra con người bí ẩn đã bí mật giúp đỡ cuộc sống của những người ngụ cư...

Họ lên đường vào một ngày đẹp trời.

Sau khi khảo sát cánh rừng ven biển kéo dài từ mũi Rắn đến suối Thác nước.

Chẳng mấy chốc họ đến khu chăn nuôi. Ở đó không có ai. Đội quân nhỏ nhanh chóng băng qua “khu vực nguy hiểm” và dừng cảm tiền sát hàng rào. Chiếc xe kéo cũng dừng lại ở đó. Không một phát súng nào phá tan sự im lặng. Viên kỹ sư, nhà báo, Harbert và Pencroff đến xem cổng có bị khoá trái không.

Hoá ra có một cánh cổng để mở! Cả năm người lại gần cổng. Quả thật, ngay trước mắt họ, trong khung cửa sổ có ánh lửa mờ mờ nhấp nháy. Những người ngụ cư đã lên vào trong sân, sẵn sàng vũ khí trong tay. Chiếc xe kéo họ để ngoài hàng rào cho Jup và Top giữ, để cho chắc chắn, họ buộc chúng vào chiếc xe. Lát sau, cả năm người đều đến cạnh ngôi nhà. Sát bên cánh cửa khoá.

Cyrus Smith ra hiệu cho các bạn giữ yên lặng và ông ghé mắt nhìn vào cửa sổ mà ánh sáng từ bên trong hắt ra lờ mờ. Ông đưa

mắt nhìn bao quát căn phòng. Trên bàn có ngọn đèn đang cháy. Cạnh bàn là cái giường mà trước đây Ayrton đã ngủ. Có ai đó nằm trên giường. Bỗng Cyrus Smith né khỏi cửa sổ và nói khẽ:

- Ayrton!

Ngay lập tức những người ngụ cư đã mở, đúng hơn là phá, cửa và lao vào phòng.

Ayrton hình như đang ngủ. Nét mặt anh phờ phạc nói lên bao nỗi đau khổ kéo dài hơn cả tháng nay. Trên hai cổ tay và mắt cá chân anh thấy có những vết xây xát rớm máu.

- Ayrton! – Cyrus Smith cúi xuống gọi và nắm lấy tay người đang ngủ.

Cuộc gặp gỡ bất ngờ này đã diễn ra trong hoàn cảnh khác thường biết bao. Ayrton mở mắt ra và nhìn Cyrus Smith, sau đó, nhìn khắp lượt những người còn lại.

- Ngài? – anh ta kêu lên – Không lẽ đây là ngài sao?

- Ayrton! Ayrton! – Cyrus Smith nhắc lại.

- Tôi đang ở đâu thế này?

- Ở khu chăn nuôi của chúng ta.

- Một mình ư?

- Phải.

- Nhưng bọn chúng sẽ đến đây bây giờ đấy! – Ayrton kêu lên – Hãy đề phòng, các ông hãy đề phòng!

Và anh ta ngã xuống giường vì kiệt sức.

- Spilett! – viên kỹ sư – Bọn chúng có thể tấn công chúng ta bất kì lúc nào. Các bạn hãy cho xe vào trong sân. Sau đó, khoá cổng lại, rồi quay về đây.

Mọi người nhanh chóng làm theo lệnh của viên kỹ sư. Nhưng khi chạy ra khỏi hàng rào, họ đã nghe thấy tiếng gầm gừ khàn khàn của con Top. Vừa lúc ấy, trăng đã lên khỏi những lùm cây rậm rạp đen ngòm, khu chăn nuôi trở lên sáng trưng như ban ngày. Khi mọi người đẩy xe vào sân, con Top lại dứt dây, sủa dữ dội và lao sâu vào khu chăn nuôi, phía bên phải căn nhà.

- Hãy cẩn thận, các bạn! Nhắm vào mục tiêu. – Cyrus Smith kêu to.

Những người ngụ cư thì súng và sẵn sàng nhả đạn. Con Top sủa hoài không dứt, còn chú Jup thì chạy lại chỗ Top và rít lên inh ỏi. Những người ngụ cư lần theo tiếng chó sủa và ra đến một con suối chảy dưới những hàng cây cao.

Họ đã nhìn thấy gì bên bờ suối vắng vạc ánh trăng vậy? – Trước mắt họ là năm cái xác nằm trên cỏ.

Đó chính là những tên cướp biển mà bốn tháng trước đây đã đổ bộ lên đảo Lincoln.

Jules Verne

Hòn đảo bí mật

Nguyễn Văn Cửa phỏng dịch

Chương 14

Thuyền trưởng Nemo

Trong khi đó Ayrton ngủ li bì, không sao đánh thức anh ta dậy được.

Sáng ngày hôm sau Ayrton mới tỉnh lại sau một cơn mê man, ai nấy đều vui mừng, sau một trăm lẻ bốn ngày chia li bây giờ mọi người được thấy anh ta còn sống và hầu như mạnh khỏe. Liền đó Ayrton kể lại vắn tắt những gì đã xảy ra, tất nhiên là trừ những điều anh ta không biết.

Vào ngày 9 tháng mười một, đúng ngày mà Ayrton trở lại khu chăn nuôi, vào lúc trời bắt đầu tối, bọn cướp biển đã leo qua hàng rào và bắt anh. Sau khi trói Ayrton, bọn ác ôn bịt mồm anh và dẫn tới chân núi Granklin, đưa đến một trong những cái hang tối tăm mà chúng ẩn náu.

Chúng đã định giết anh ngay ngày hôm sau. Nhưng bỗng một trong số những tên cướp nhận ra anh, gọi anh bằng cái tên Ben Joyce mà anh đã mang hồi ở Australia.

Nhưng từ lúc chúng nhận ra Ayrton, anh phải đấu tranh chống lại những yêu cầu của các “chiến hữu” cũ. Chúng đã quyết định lôi kéo anh về với chúng và tính toán rằng anh sẽ giúp chúng chiếm đoạt Lâu đài Đá hoa cương. Chúng hi vọng rằng sau khi lọt được vào căn hầm kiên cố ấy chúng sẽ giết hết những người ngụ cư và chúng sẽ trở thành chủ nhân trên đảo.

Ayrton không chịu khuất phục. Một tên cướp trước đây, nay đã chuộc lỗi bằng sự sám hối và xứng đáng được tha thứ, thà chịu chết còn hơn phản bội những người bạn của mình.

Chúng đối xử với Ayrton ngày càng tồi tệ. Anh chờ đợi cái chết từng phút và cứ thế kéo dài cho đến giữa tháng hai, anh không hay biết gì về tin tức các bạn của mình.

Cuối cùng, Ayrton bất hạnh đã bị hành hạ suy yếu đến nỗi kiệt sức hoàn toàn từ hai ngày nay, không nhìn thấy, không nghe thấy và không thể kể được chuyện gì đã xảy ra trong thời gian này.

- Tôi không biết, thưa ngài Smith, sao lại thế này. Tôi đang bị trôi nằm trong hang, thế mà bỗng nhiên lại thức dậy, thấy mình có mặt ở khu chăn nuôi.

- Thế việc bọn cướp nằm chết ở bờ suối gần khu chăn nuôi đã xảy ra như thế nào? – viên kỹ sư hỏi.

- Chúng chết à? – Ayrton kêu lên kinh ngạc và mặc dù yếu sức anh cũng cố nhồm dậy trên giường.

Trời đã sáng rõ. Mọi người đi ra suối xem xét. Trên bờ suối, mấy

xác chết nằm theo những tư thế tự nhiên như đang còn sống, chắc là bị tử thần bắt đi trong chớp nhoáng.

Ayrton bị xúc động, Cyrus Smith và tất cả mọi người im lặng nhìn anh. Theo dấu hiệu của viên kỹ sư, Nab, Pencroff xem xét các xác chết lạnh cóng.

Họ không phát hiện ra vết thương nào trên các xác chết. Chỉ sau khi xem xét thật kỹ Pencroff mới thấy trên mỗi thi thể có một vết màu đỏ y như là dấu vết bị đập thương; tên thì bị vết trên trán, tên thì trên ngực, tên trên lưng, tên trên vai. Những vết ấy do đâu mà ra thì không thể xác định được.

- Ai đã giết chúng vậy? – Pencroff hỏi.

- Người thực hiện công lí trên toàn đảo của chúng ta, – Cyrus Smith trả lời – người đã đưa anh về khu chăn nuôi đêm qua, Ayrton ạ! Người đã bao nhiêu lần can thiệp vào công việc của đảo Lincoln và cứu chúng ta.

- Chúng ta hãy đi tìm ông ấy ngay. – Pencroff kêu lên.

- Chúng ta sẽ đi tìm ông ta, – Cyrus Smith đồng tình – và cầu trời cho chúng con được chứng tỏ với ân nhân kiêu kì của chúng con rằng người không thể gọi chúng con là những kẻ vô ơn.

*

* *

Đã bao nhiêu lần trong ba năm ấy họ nhắc đến tổ quốc của mình. Những lần chuyện trò với nhau họ đều mơ ước cái ngày họ được

nhìn thấy đất nước thân yêu.

Những ước mơ của họ chỉ có thể thực hiện được bằng hai con đường. Hoặc là một con tàu nào đó sẽ đến khu vực đảo Lincoln, hoặc là những người ngụ cư sẽ tự đóng một chiếc tàu đủ lớn để bơi về nơi đất liền gần nhất.

Tối ngày 15 tháng mười, cuộc chuyện trò thú vị kéo dài hơn mọi khi. Lúc ấy đã chín giờ. Bắt đầu nghe thấy những tiếng ngáp dài lộ liễu và Pencroff đã về giường mình. Bỗng trong phòng vang lên tiếng chuông điện báo.

Tất cả những người ngụ cư đều có mặt ở đây – Cyrus Smith, Gédéon Spilett, Harbert, Ayrton và Pencroff – ở khu chăn nuôi không còn ai.

- Ta đợi đã! – Gédéon Spilett nói – Nếu đây là tín hiệu thì dù là tín hiệu ai phát đi, chuông cũng sẽ reo lại.

- Thế thì theo ông, ai có thể phát tín hiệu? – Nab kêu lên.

- Chú quên rồi sao? – Pencroff trả lời – Đó là người mà...

Lời nói của anh ta bị tiếng chuông mới cắt ngang; chiếc búa nhỏ gõ liên hồi vào nắp chuông. Cyrus Smith bước đến máy điện báo, cắm điện và đánh ra khu chăn nuôi bức điện với nội dung:

- Ông cần gì?

Mấy giây sau, chiếc kim động đập trên đĩa có ghi các chữ cái, và các cư dân Lâu đài Đá hoa cương nhận được câu trả lời:

“Các bạn ra khu chăn nuôi ngay!”

- Có thể chứ! – Cyrus Smith kêu lên.

Cyrus Smith và những người bạn đường của ông rời Lâu đài Đá hoa cương lúc chín giờ mười hai phút. Mười giờ mười lăm phút, dưới ánh chớp chói lòa họ đã nhìn thấy hàng rào khu chăn nuôi. Họ vừa vào cổng thì một tiếng sấm vang lên đình tai nhức óc. Người lạ mặt có lẽ đang ở trong nhà – bởi vì, tất nhiên ông ta phải đánh điện đi từ đó chứ. Song không cửa sổ nào thấy có ánh đèn.

Viên kỹ sư gõ cửa. Nhưng không có tiếng trả lời.

Cyrus Smith mở toang cửa ra, và mọi người bước vào căn phòng tối như bưng. Nab đánh lửa, trong nháy mắt họ thắp đèn và soi khắp mọi xó xỉnh. Trong nhà không có ai hết. Mọi đồ vật đều nguyên chỗ cũ như đã được xếp đặt trước đây.

- Xem kìa! Có thư! – Harbert kêu lên, chỉ vào một tờ giấy trên bàn. Bức thư được viết bằng tiếng Anh:

“Các bạn hãy đi theo dọc đường dây điện mới”.

- Lên đường! – Cyrus Smith kêu lên; ông hiểu rằng bức điện khẩn đã được đánh đi không phải từ khu chăn nuôi, mà là từ nơi ở bí ẩn của người lạ mặt, và một đường dây điện bổ sung nào đấy dẫn đi từ đường dây cũ đã nối liền nơi đó với Lâu đài Đá hoa cương.

Nab mang theo cây đèn mới thắp và mọi người ra khỏi khu chăn nuôi. Ngoài sân, họ không thấy dấu hiệu nào của đường dây điện

báo cả. Khi ra khỏi cổng Cyrus Smith đã chạy lại cột điện gần nhất. Dưới ánh chớp, ông nhìn thấy một đường dây điện mới được thông từ ống sứ cách điện xuống đất.

- Đây rồi! – viên kỹ sư nói.

Sợi dây được rải lên mặt đất, bọc lớp cách điện như cáp ngầm nên bảo đảm dẫn điện tốt. Căn cứ vào hướng đi của dây thì nó xuyên qua rừng và các nhánh núi, đến phần phía tây của đảo.

- Hãy bán sát đường dây cáp! – Cyrus Smith nói.

Viên kỹ sư tóm lấy sợi cáp và thấy nó đi xuống nước.

Viên kỹ sư cúi xuống, thấy một vật đen bập bênh trên mặt nước liền kéo vào. Đó là chiếc thuyền được buộc vào một vách đá bên trong hang. Thuyền được đóng bằng những tấm tôn ghép chặt với nhau. Trên sàn thuyền, dưới các băng ghế ngồi có hai mái chèo.

- Lên thuyền! – Cyrus Smith nói.

Một giây sau, mọi người đã ngồi quanh thuyền. Nab và Ayrton ngồi chèo, Pencroff lái. Cyrus Smith đặt đèn lên sống mũi thuyền soi đường. Họ đang bơi dưới vòm hang thấp, bỗng thấy vòm hang cao lên và rộng ra; chung quanh tối như bưng, dưới ánh sáng yếu ớt của cây đèn không thể nào xác định được hang này lớn chừng nào. Con thuyền bơi theo đường dây cáp. Cách cửa hang độ nửa dặm thì Cyrus Smith ra lệnh:

- Dừng lại!

Con thuyền dừng lại và trước mắt các du khách rất đỗi ngạc nhiên loé lên ánh sáng rực rỡ chiếu rọi khắp cái hang thiên nhiên ẩn sâu trong lòng đảo. Ánh sáng ấy tất nhiên do nguồn điện cung cấp. Điện đã thay mặt trời chiếu sáng khắp nơi trong cái hang này.

Ở giữa hồ có vật gì đó dài, nhô lên khỏi mặt nước đã đóng băng và bất động. Vật ấy giống như một động vật ở biển thuộc họ cá voi, dài khoảng hai trăm năm mươi bộ và nhô cao trên mặt hồ chừng mười đến mười hai bộ.

Theo lệnh của viên kỹ sư, con thuyền bơi đến gần cái công trình kì lạ đang nổi trên mặt nước. Các tay chèo cập vào bên trái bức tường hình tròn của công trình, từ trong đó một chùm ánh sáng chói lòa toả sáng qua lớp kính dày.

Cyrus Smith và những người cùng đi trèo lên sàn. Trên ấy, một cái lỗ nhỏ gọi là cái cửa mở ra. Tất cả ulla vào đó.

Phía bên dưới cầu thang là một hành lang sáng rực ánh điện.

Cuối cầu thang, các khách lạ nhìn thấy một cánh cửa ra vào.

Cyrus Smith mở toang cửa. Đi vội qua một căn phòng được trang trí sang trọng, họ bước vào một thư viện kế bên. Nơi đây, trên trần ánh sáng toả chiếu rực rỡ. Ở cuối thư viện hoá ra còn có một cửa nữa. Viên kỹ sư mở luôn cánh cửa ấy. Và khi đó họ nhìn thấy một căn phòng rộng rãi, giống như một nhà bảo tàng. Trên chiếc đi văng lộng lẫy có một người đang nằm, hình như không

nhận thấy sự xuất hiện của họ.

Cyrus Smith bước lên phía ấy và trước sự kinh ngạc của những người cùng đi, ông đồng dục nói:

- Thưa thuyền trưởng Nemo, ngài đã gọi chúng tôi? Vậy chúng tôi đã có mặt.

Khi nghe những lời ấy, người đang nằm trên đi văng nhồm dậy, và ánh sáng chiếu rọi vào khuôn mặt của ông. Mái đầu ông tuyệt đẹp, vàng trán cao, cái nhìn kiêu hãnh, bộ râu bạc phơ, mái tóc dày được trải hất ra sau.

- Tôi không có tên, thưa ngài!

- Tôi biết tên ngài! – Cyrus Smith đáp.

Thuyền trưởng Nemo nhìn viên kỹ sư dăm dăm với ánh mắt rực lửa, như muốn tiêu diệt ông ta. Sau đó, ông ngã phịch xuống đi văng, thuyền trưởng thì thào:

- Rốt cuộc thì đẳng nào cũng vậy thôi. Tôi sắp chết rồi.

Cyrus Smith bước lại gần thuyền trưởng Nemo hơn, còn Gédéon Spilett thì nắm tay thuyền trưởng.

Thuyền trưởng Nemo khẽ đưa tay ra hiệu mời chàng nhà báo và viên kỹ sư ngồi xuống.

Mọi người nhìn thuyền trưởng với niềm xúc động chân thành.

Đây chính là ông, người mà họ gọi là “vị thần của đảo”, con người hùng mạnh, đã nhiều lần can thiệp và trở thành vị cứu tinh, ân nhân mà họ chịu ơn.

Thuyền trưởng lại nằm xuống đi vắng và chống khuỷu tay chăm chú nhìn Cyrus Smith ngồi cạnh ông.

- Vậy là, thưa ngài, ngài biết cái tên mà tôi đang mang? – thuyền trưởng Nemo hỏi.

- Tôi biết! – Cyrus Smith đáp – Tôi còn biết cả chiếc tàu ngầm tuyệt diệu tên gì nữa.

- Nautilus! – thuyền trưởng mỉm cười.

- Vâng, Nautilus.

- Thế ngài có biết không? Ngài có biết tôi là ai không?

- Biết.

- Vậy, nhưng đã ba mươi năm nay tôi không có chút liên hệ nào với thế giới con người. Ai đã tiết lộ bí mật của tôi thế nhỉ?

- Một người nào đó đã không bị ràng buộc trách nhiệm đối với ngài, thưa thuyền trưởng Nemo!

- Phải chăng đó là người Pháp đã tình cờ lọt lên tàu của tôi mười sáu năm trước?

- Chính ông ta.

- Nghĩa là người ấy và hai người cùng đi đã không bị chết ở Malstrim, khi Nautilus bị kẹt ở đó?

- Không, họ đã không chết. Và thế là đã ra đời một cuốn sách với tựa đề “Hai vạn dặm dưới đáy biển”, trong đó có kể về lịch sử cuộc đời ngài.

- Lịch sử của mấy tháng trong đời tôi, thưa ngài! – thuyền trưởng

sửa lại với một vẻ linh hoạt.

- Ngài nói đúng! – Cyrus Smith xác nhận. – Nhưng chỉ sống gần ngài mấy tháng thôi là đủ để phán xét ngài rồi.

- Như là một tên tội phạm lớn, có phải thế không? – Thuyền trưởng Nemo đáp lời và trên môi ông thoáng một nụ cười kiêu ngạo – Phải, như một tên phiến loạn, một kẻ li khai xã hội loài người.

Viên kỹ sư không trả lời.

- Sao ngài im lặng thế, thưa ngài.

- Tôi không có quyền phán xét thuyền trưởng Nemo. – Cyrus Smith nói – Ít nhất là không có quyền phán xét quá khứ của ông. Bởi vì không ai, trong đó có cả tôi biết được cái gì đã buộc ông phải sống một cuộc sống kì lạ như vậy, mà khi đã không biết nguyên nhân thì không nên phán xét hậu quả. Nhưng tôi biết chắc rằng sự can thiệp đầy thiện chí của ngài đã thường xuyên bảo vệ chúng tôi kể từ ngày chúng tôi có mặt trên đảo Lincoln; tôi biết tất cả chúng tôi suốt đời chịu ơn một ân nhân hùng mạnh, độ lượng, hiền từ, ân nhân ấy là ngài, thưa thuyền trưởng.

- Vâng, tôi đã giúp đỡ các bạn! – thuyền trưởng Nemo trả lời một cách giản dị.

Kỹ sư và chàng nhà báo đứng dậy. Những người bạn của họ bước tới, muốn bày tỏ với thuyền trưởng Nemo lòng biết ơn tràn đầy trái tim họ.

Thuyền trưởng Nemo đưa tay ngăn những biểu hiện tình cảm của họ và không giấu nổi xúc động nói:

- Khoan đã, trước hết các vị hãy nghe tôi.

Thuyền trưởng Nemo kể lại toàn bộ cuộc đời mình bằng một ít lời cô đọng và rõ ràng.

Ông là một người gốc Ấn Độ, con trai của quận vương cai quản đất nước Bundelhand, cháu của vị anh hùng Tippto-Saib nổi tiếng ở Ấn Độ. Khi lên mười tuổi, cha cậu cho cậu sang châu Âu với ý muốn trang bị một kiến thức toàn diện cho cậu, và ông thầm mong đến một lúc nào đó, con trai của ông sẽ chiến đấu chống lại những kẻ áp bức đất nước yêu dấu của mình.

Từ mười đến mười ba tuổi, Dakkar – tên cậu bé, là một người có nhiều kỹ năng và trí tuệ khác người. Chàng đã học và nắm vững kiến thức các môn khoa học khác nhau, và đạt những hiểu biết rộng về lĩnh vực tự nhiên học, cũng như toán học và văn học nghệ thuật.

Thái tử Dakkar đã chu du khắp châu Âu.

Trang thanh niên tuần tú người Ấn Độ ấy bao giờ cũng nghiêm nghị, thậm chí đăm chiêu, và say mê, khao khát, hiểu biết và có những năng khiếu kì lạ.

Là con trai của một trong số những quận vương chỉ phục tùng nước Anh trên lời nói, thái tử thuộc dòng dõi Tippto-Saib được giáo dục theo tinh thần đấu tranh giành độc lập và báo thù.

Thái tử Dakkar trở thành một hoạ sĩ, một nhà bác học, một chính trị gia đã từng nghiên cứu đầy đủ ngọn ngành nghề ngoại giao trong các triều đình ở châu Âu.

Trên thực tế, chàng là một người yêu nước. Danh hoạ ấy, nhà bác học ấy, thiên tài ấy trong tâm hồn vẫn là một người Ấn Độ tràn đầy nỗi khao khát báo thù cho dân tộc.

Vào năm 1849, thái tử Dakkar trở về Bundelhand. Chàng cưới một cô gái dòng dõi quý tộc làm vợ. Cũng như chàng, trái tim nàng ứa máu khi nhìn thấy kẻ thù dày xéo trên tổ quốc mình. Người vợ đã tặng chàng hai đứa con, chàng yêu quý chúng tha thiết. Nhưng trong khi tận hưởng hạnh phúc gia đình chàng không thể quên đất nước Ấn Độ đang bị nô dịch. Chàng đợi thời cơ đấu tranh giành quyền độc lập.

Năm 1857, ở Ấn Độ đã nổ ra cuộc khởi nghĩa lớn của những người Sipai. Linh hồn của cuộc khởi nghĩa là thái tử Dakkar. Chàng đã phát động đông đảo quần chúng đứng dậy chống quân thù. Chàng đã hiến dâng cho sự nghiệp chính nghĩa tất cả tài năng và tài sản của mình. Chàng dũng cảm liều thân như một người bình thường nhất trong số những người anh hùng đã đứng dậy khởi nghĩa vì sự nghiệp giải phóng tổ quốc. Chàng đã tham gia vào hai mươi trận chiến và bị thương đến mười lần.

Tên tuổi của thái tử Dakkar trong những ngày tháng ấy trở lên lừng lẫy. Người anh hùng mang tên ấy đã không giấu mình và

tiến hành cuộc đấu tranh một cách công khai. Cái đầu của chàng đã được trả giá, và mặc dù không có tên phản bội nào giao nộp chàng cho chính phủ bảo hộ Anh, nhưng cha, mẹ, vợ con chàng đã trả cả đời mình thay cho chàng.

Những người Sipai đã bị đàn áp dã man và các quốc gia thuộc Ấn Độ lại rơi vào ách thống trị tàn bạo của thực dân Anh.

Chàng đã đem tất cả những tài sản còn lại bán lấy tiền, tập hợp quanh mình những người bạn chiến đấu trung thành nhất và một ngày đẹp trời nọ chàng đã biến mất cùng với họ.

Thay vì người lính bây giờ chàng là nhà bác học. Một hòn đảo hoang ở Thái Bình Dương được dùng làm nơi trú ngụ của chàng. Chàng đặt ở đó một xưởng đóng tàu, và một chiếc tàu ngầm đã ra đời ở đó theo đồ án thiết kế của chàng. Chàng đã tận dụng nguồn điện lực thiên nhiên phục vụ cho mọi nhu cầu cần thiết trên con tàu ngầm của mình: chạy máy, thắp sáng, sưởi ấm. Tất cả những gì thiên tai đã vùi dưới đáy biển và tài sản con người đã đánh mất ở đó hoàn toàn đáp ứng các nhu cầu của thái tử Dakkar và đoàn thủy thủ. Chàng đã đặt tên cho con tàu là Nautilus, cho mình là Nemo và biến mất dưới mặt nước.

Là một công dân Ấn Độ trong thế giới con người, ông đã thu thập được những báu vật kì lạ ở các thế giới huyền bí dưới mặt nước. Hàng kho châu báu chìm dưới vịnh Vigo năm 1702, khi những chiếc tàu Tây Ban Nha chở vàng bị đắm ở đây, đã trở

thành nguồn của cải không bao giờ cạn đối với ông, luôn luôn thuộc quyền sử dụng của ông, không ai biết đến và tranh giành. Ông đã dùng số vàng này giúp đỡ những người chiến đấu cho nền độc lập của nước Ấn Độ.

Một thời gian dài ông không có bất kì cuộc tiếp xúc nào với loài người. Bất chợt đêm ngày 5 rạng ngày 6 tháng mười một năm 1866, có ba người đột nhiên xuất hiện trên tàu của ông; một vị giáo sư người Pháp, người hầu của ông ta và một thợ săn cá người Canada. Những người này được thuyền trưởng cứu vớt khi họ bị ngã xuống biển trong cuộc đụng độ giữa Nautilus với chiến hạm A.Lincoln của Mỹ khi chiến hạm đuổi theo chiếc tàu ngầm này.

Qua vị giáo sư người Pháp, thuyền trưởng Nemo biết rằng họ đã tưởng Nautilus khi thì là một động vật biển khổng lồ thuộc họ cá voi, khi thì là một tàu ngầm của bọn cướp biển mà trên khắp các đại dương người ta đang săn lùng.

Thuyền trưởng Nemo đã có ý định quăng xuống đại dương ba người kì quặc đã ngẫu nhiên xâm nhập vào sự tồn tại bí ẩn của ông. Nhưng ông đã không làm như vậy, ông đã giữ họ làm tù binh trên tàu, và trong suốt bảy tháng trời họ đã chứng kiến tất cả những diễn biến kì lạ trong cuộc hành trình hai mươi vạn dặm dưới biển của tàu Nautilus.

Ngày 22 tháng sáu năm 1867, ba tù binh ấy, không biết gì về quá

khứ của thuyền trưởng Nemo cả, đã bỏ trốn trên một chiếc thuyền mà họ đánh cắp của tàu Nautilus. Nhưng vì trong lúc ấy Nautilus bị dòng nước cực mạnh của biển Malstrim cuốn vào bờ biển Na Uy, nên thuyền trưởng Nemo cho rằng, gặp dòng xoáy khủng khiếp như vậy, những người chạy trốn chắc chắn bỏ mạng dưới đáy biển. Ông không biết rằng nhờ một sự may mắn kì lạ cả ba người trên đã được những dân chài ở Lofoten cứu thoát. Và giáo sư đã trở về Pháp, cho xuất bản một cuốn sách thuật lại cuộc hành trình dài bảy tháng trên tàu Nautilus, khiến cho các bạn đọc say mê những chuyến phiêu lưu diễn ra trong suốt cuộc hành trình lạ thường này.

Thuyền trưởng Nemo đã sống như vậy trong một thời gian dài sau đây. Nhưng rồi những người cùng đi với ông lần lượt qua đời; ông đã chôn cất họ ở nghĩa địa san hô dưới đáy Thái Bình Dương. Tàu Nautilus trở nên trống trải, tất cả những người đã cùng trốn khỏi thế giới của loài người chỉ còn có mỗi mình thuyền trưởng Nemo là còn sống.

Lúc ấy thuyền trưởng đã 60 tuổi. Ông đã đưa được Nautilus vào một bến cảng ngầm, nơi tàu ông thỉnh thoảng lặn xuống sau các cuộc hải trình. Đó là một cái hang được địa chất kiến tạo, nằm phía dưới đảo Lincoln, bây giờ nó vẫn đang là trạm dừng của Nautilus.

Đã sáu năm nay thuyền trưởng Nemo sống ở đây, và ông đang

chờ chết. Ông gọi đó là khoảnh khắc mà ông đang chờ chết. Ông gọi đó là khoảnh khắc mà ông sẽ hòa nhập cùng với các bạn đồng đội của mình, tình cờ ông đã chứng kiến sự kiện quả khí cầu cùng với năm tù binh của quân đội miền Nam chạy trốn khỏi Richmond bị rơi xuống đảo. Ông mặc áo lặn, thực hiện một cuộc dạo chơi dưới nước cách đảo vài cabletov, đúng nơi kỹ sư Cyrus Smith đã bị biển nhận chìm và thuyền trưởng Nemo đã cứu thoát ông ta.

Thoạt đầu ông định trốn năm nhà du hành trên khinh khí cầu bị nạn, nhưng lối ra khỏi cảng đã bị bịt kín. Do những cơn địa chấn của núi lửa sắp hoạt động nên đáy của hang đá bị trôi lên, và Nautilus không thể thoát ra khỏi bên cảng ngầm được.

Thế là thuyền trưởng Nemo đành ở lại. Ông bắt đầu theo dõi những người láng giềng của mình bị quăng lên hòn đảo không người và thiếu thốn mọi phương tiện vật chất. Nhưng tự ông không muốn ra mắt họ. Dần dần, thấy đó là những con người cao thượng, có nghị lực, gắn bó nhau bằng tình hữu ái, ông quan tâm đến cuộc đấu tranh thiên nhiên của họ. Dù muốn hay không, ông cũng đi sâu vào những bí mật của họ. Với bộ đồ lặn, ông đã luôn lách xuống đáy biển dưới Lâu đài Đá hoa cương, leo theo các bậc thành giếng lên miệng trên, nghe những người ngụ cư kể về quá khứ của mình, bàn về tình hình hiện tại và phác họa các kế hoạch cho tương lai... Phải, những con người tình cờ bị rơi trên

đảo này xứng đáng được kính trọng và có thể hòa giải giữa thuyền trưởng Nemo với nhân loại, vì họ là những đại diện hào hiệp nhất của loài người.

Thuyền trưởng Nemo đã cứu Cyrus Smith; cũng chính ông đã dẫn con Top về Hang ngụ cư, ông đã thả xuống mũi Tìm thấy chiếc hòm đựng đồ dùng cần thiết cho họ. Ông đã tháo dây buộc cho chiếc thuyền trôi xuôi dòng Tạ ơn. Ông đã cho nổ chiếc tàu cướp bằng trái thủy lôi đặt dưới eo biển; ông đã đem thuốc sunfat quinin đến và cứu sống Harbert, và cuối cùng, cũng chính ông đã tiêu diệt bọn cướp biển bằng đạn điện – phát minh mà ông dùng để săn dưới nước. Đây là những lời giải thích cho tất cả những sự kiện mà trước đó những người trên đảo cứ tưởng như là hiện tượng siêu nhiên; Tất cả những chuyện này đều chứng tỏ sự độ lượng và sự hồn hậu của thuyền trưởng Nemo. Thuyền trưởng Nemo kết thúc câu chuyện về đời mình. Khi ấy Cyrus Smith mới nói, ông nhắc lại tất cả những trường hợp mà sự can thiệp của người lạ mặt cao cả đã đem lại lợi ích cho vùng di dân, nhân danh cá nhân và nhân danh các bạn mình, Smith đã cảm ơn thuyền trưởng về tất cả những nghĩa cử mà ông đã đem lại cho họ.

Nhưng thuyền trưởng Nemo không yêu cầu sự biết ơn của những người được mình giúp đỡ. Một ý nghĩ cuối cùng đã làm cho ông xúc động, và khi đã bắt tay viên kỹ sư, ông nói:

- Còn bây giờ, thưa ngài, khi các ngài đã biết cuộc đời tôi, các ngài hãy phán xét tôi đi.

Khi nói điều ấy, có lẽ thuyền trưởng muốn ám chỉ trường hợp rủi ro mà ba người nước ngoài tình cờ lọt lên tàu Nautilus đã chứng kiến. Về chuyện này ông chắc chắn vị giáo sư người Pháp đã kể hết trong cuốn sách của mình.

Thật ra, mấy ngày trước khi vị giáo sư và hai người bạn của ông chạy trốn, Nautilus, lúc ấy đang đi dọc các vĩ độ bắc của Đại Tây Dương, và nó đã xông vào một chiến hạm truy kích nó, lấy cả thân tàu đâm mạnh vào và nhận chìm chiến hạm ấy không chút thương tiếc.

Cyrus Smith hiểu những lời thuyền trưởng Nemo ám chỉ và không trả lời gì.

- Vì đó là một chiến hạm của nước Anh! – thuyền trưởng Nemo kêu lên, trong ông thoáng sống lại hình ảnh của thái tử Dakkar – Một chiến hạm Anh! Các ngài có nghe rõ không? Nó đã tấn công tôi. Nó đã hãm tôi vào một cái vịnh hẹp, nông... Tôi cần phải thoát ra với bất cứ giá nào và tôi đã thoát ra được! – sau đấy, ông ta bình tĩnh hơn – cả pháp lí lẫn công lí đều thuộc về tôi. Ở khắp mọi nơi, hễ có thể là tôi làm điều thiện cho mọi người. Cũng có khi phải làm cả điều ác. Không phải khi nào sự tha thứ cũng là hành vi đúng đắn đâu!

Sau khi ngưng câu chuyện một lát, thuyền trưởng Nemo nhắc lại:

- Các ngài nghĩ gì về tôi, hãy nói đi!

Cyrus Smith đã chìa tay ra cho thuyền trưởng bắt và trả lời bằng một giọng nghiêm trang.

- Thừa thuyền trưởng Nemo, lỗi của ngài là ở chỗ ngài đã định làm sống lại quá khứ bị trảng và đã dẫn sâu vào một cuộc đấu tranh kì lạ. Ngài đã gây cho một số người sự khoái trá, song cũng làm những người khác tức giận, lí trí của con người có thể hiểu được, còn phán xử chúng thì chỉ có trời mà thôi. Ngài đã đi theo con đường không đúng. Tuy xuất phát từ những động cơ lành mạnh... Những sai phạm của ngài thuộc số những tội nhỏ không thanh danh, và ngài chẳng có gì phải sợ sự phán xét của lịch sử. Con người ưa thích những hành động cuồng dại mang tính anh hùng, mặc dù lịch sử sẽ tuyên án nghiêm khắc những hậu quả của chúng.

Thuyền trưởng Nemo thở dài nặng nhọc và giơ tay lên trời, khẽ nói:

- Tôi đáng bị hành xử, đúng hay sai?

Cyrus Smith nhắc lại:

- Về những hành vi vĩ đại hãy để trời phán xét vì mọi sự đều từ trời mà ra! Thừa thuyền trưởng Nemo, những con người lương thiện đang đứng đây, những người đã được ngài giúp đỡ nhường ấy, sẽ luôn luôn khóc thương ngài.

Harbert bước đến thuyền trưởng Nemo và quỳ xuống, cầm tay

ông đưa lên môi mình.

Những giọt lệ từ mắt của người hấp hối trào ra.

- Con của ta. – ông thì thảo – Cầu phước luôn đến với con!...

Jules Verne

Hòn đảo bí mật

Nguyễn Văn Cửa phỏng dịch

Chương 15

Động đất và núi lửa

Trong khi người bệnh nằm bất động, mê man, Cyrus Smith và Gédéon Spilett chăm chú theo dõi tình trạng sức khỏe của ông. Rõ ràng hơi thở ông đang yếu dần và sắp tắt hẳn.

Cyrus Smith và các bạn của ông đi đến gần đi vãng, sửa lại gối cho người bệnh nằm được thoải mái hơn.

Họ nhận thấy thuyền trưởng Nemo đưa mắt nhìn khắp lượt những kì quan đặt trong căn phòng của ông đang ngập tràn ánh điện sáng dịu từ trên trần toả xuống.

Cuối cùng thuyền trưởng Nemo đã quay mặt về phía những người ngụ cư nói:

- Các ngài cho rằng tôi xứng đáng với lòng biết ơn của các ngài?
- Thưa thuyền trưởng, tất cả chúng tôi đều sẵn sàng cống hiến đời mình, chỉ mong sao kéo dài được tuổi thọ của ngài.
- Tuyệt lắm! – thuyền trưởng Nemo nói tiếp – Tuyệt lắm! Các ngài hãy hứa với tôi, rằng các ngài sẽ thực hiện di chúc của tôi

và khi ấy tôi sẽ coi như được ban thưởng về tất cả những gì mà tôi đã làm cho các ngài.

- Chúng tôi xin hứa! – Cyrus Smith trả lời – Nhân danh cá nhân và thay mặt các bạn mình.

- Ngày mai tôi sẽ chết. – thuyền trưởng nói.

Ông đưa tay ngăn Harbert định phản đối điều gì đó.

- Ngày mai tôi sẽ chết. – ông nhắc lại – Và tôi muốn Nautilus trở thành chiếc áo quan của tôi. Tất cả bạn bè tôi đều yên nghỉ dưới biển. Tôi muốn nằm cùng họ.

Mọi người im lặng, lắng nghe những lời trời trăn của thuyền trưởng Nemo.

- Các ngài hãy nghe tôi! – ông nói – Nautilus đã trở thành tù binh, bởi vì đáy của hang động này đã trôi lên sát lối vào. Giờ đây nó không thể chạy khỏi ngục tối. Tuy nhiên ít nhất nó cũng có thể hạ xuống vực thẳm bên dưới mình và mai táng di hài của tôi trong đó.

Những người ngụ cư lắng nghe ông nói với vẻ sùng kính.

- Ngày mai, sau khi tôi chết, – thuyền trưởng Nemo nói tiếp – Ngài Smith và các bạn của ngài phải rời khỏi Nautilus. Tôi muốn tất cả những của cải mà tôi thu thập được trong tàu biển đi cùng với tôi. Để kỉ niệm về thái tử Dakkar mà tiểu sử của ông ta bây giờ ngài đã biết, tôi xin dành một vật tặng cho các ngài: vật đó là cái tráp con này đây... Trong tráp đó có những hạt kim cương

đáng giá vài triệu đồng... Phần lớn những viên kim cương này này có liên quan đến quá khứ của tôi, khi tôi là một người chồng và một người cha, khi tôi tin rằng trên trái đất này có tồn tại hạnh phúc. Trong ấy cũng còn có những hạt ngọc trai chọn lọc do tôi và các bạn của tôi tìm được dưới đáy biển. Với những vật báu này, đến một lúc nào đó các ngài sẽ làm được nhiều điều tốt, tôi tin như vậy. Trong tay những người như ngài và các bạn của ngài, thưa ngài Smith, tiền sẽ không trở thành công cụ của tội ác. Linh hồn tôi sẽ nhập vào sự nghiệp của các ngài – Tôi tin các ngài không e ngại gì hết.

Thuyền trưởng Nemo im bật – do sức yếu ông không nói được nữa, nhưng nghỉ một lát, ông tiếp lời.

- Ngày mai các ngài lấy cái tráp con này, ra khỏi phòng và khoá cửa lại. Sau đó, các ngài leo lên cầu thang của Nautilus, hạ nắp cửa xuống và đóng kín lại.

- Mọi việc sẽ được làm đúng như ngài chỉ dạy, thưa thuyền trưởng! – Cyrus Smith đáp.

- Tốt. Sau đây, các ngài hãy ngồi vào chiếc thuyền đã dùng để đi đến đây. Nhưng trước khi rời khỏi Nautilus các ngài hãy bơi lại phía đuôi tàu và mở hai cái vòi lớn ở đường máng nước đằng đó ra. Nước sẽ ào vào các buồng. Nautilus sẽ dần dần chìm xuống nước và được mai táng ở đáy vực thẳm.

Cả Cyrus Smith lẫn các bạn ông đều cho rằng mình không có

quyền phản đối thuyền trưởng Nemo điều gì. Ông ấy nói lên những lời di chúc của mình, họ chỉ còn có việc thực hiện.

- Các ngài đã hứa với tôi rồi nhé! – người đang hấp hối khẽ nói.

- Chúng tôi giữ lời hứa. – viên kỹ sư đáp.

Thuyền trưởng chỉ ra hiệu tỏ lòng cảm ơn và yêu cầu được ở lại một mình trong vài giờ.

Mọi người ra khỏi phòng, đi về phía mũi tàu, họ vào phòng máy, nơi đặt máy phát điện cung cấp cho Nautilus ánh sáng, nhiệt năng và các động cơ của tàu.

Nautilus là một kì quan thật sự của khoa học kĩ thuật, chứa đựng trong nó nhiều điều khác thường khiến viên kỹ sư rất thích thú.

Những người ngụ cư trèo lên sàn tàu cao hơn mặt nước bảy, tám bộ. Ở đó họ ghé vào mộ thấu kính lồi làm bằng thủy tinh dày, qua đó thấy có một buồng lái để không. Đã có một thời người lái tàu Nautilus ở đó, lái nó xuyên qua nhiều tầng nước biển, có ánh điện toả sáng soi rọi đường cho nó chạy.

Sau khi trò chuyện với nhau hồi lâu, Cyrus Smith và các bạn ông đã trở xuống phòng của Nemo.

- Các ngài, – thuyền trưởng nói – các ngài là những con người dũng cảm, trung thực và nhân từ. Các ngài đã hết mực trung thành với sự nghiệp trung của mình. Tôi thường xuyên theo dõi các ngài. Tôi rất quý ngài! Hãy đưa tay đây, ngài Smith.

Cyrus Smith chìa tay ra, thuyền trưởng Nemo nắm chặt lấy.

- Vậy là tốt! – ông thì thầm, rồi nói to lên – Nhưng, nói về tôi thế là đủ rồi. Bây giờ tốt hơn là hãy nói về bản thân các ngài và đảo Lincoln, nơi các ngài đã tìm được chỗ ở... Các ngài định rời khỏi đây phải không?

- Nhưng nhất định chúng tôi sẽ trở lại! – Pencroff nhanh nhẩu trả lời.

- Trở lại? Thôi được, Pencroff, tôi biết các bạn yêu hòn đảo này như thế nào, – thuyền trưởng mỉm cười, nói – Nhờ những nỗ lực của các bạn mà ở đây đã có nhiều thay đổi, và đó thật sự là hòn đảo của các bạn.

- Kế hoạch của chúng tôi là thế này, thưa thuyền trưởng! – Cyrus Smith nói ngay – Chúng tôi tặng hòn đảo cho Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.

- Các ngài nghĩ về đất nước của các ngài, – thuyền trưởng trả lời – Các ngài đã lao động vì sự phồn vinh của đất nước. Và các ngài đúng. Tổ quốc là trên hết! Tất nhiên. Cần phải trở về Tổ quốc khi chết làm sao được nằm trên quê cha, đất tổ! Thế mà tôi thì lại chết ở xa tất cả những gì mà tôi yêu, tôi quý!

- Có lẽ ngài nên chuyển cho ai đó lời di chúc của ngài? – viên kỹ sư nói – Có thể, ngài gởi một di vật gì đó để kỉ niệm cho bạn bè? Chắc ngài còn bạn bè ở Ấn Độ.

- Không, thưa ngài Smith. Tôi không còn bạn bè nữa! Tôi là người cuối cùng trong dòng họ của tôi... Còn những ai biết tôi

thì cho rằng tôi đã chết từ lâu. Ở đây tôi sẽ được an giấc ngàn thu, miễn là... – thuyền trưởng Nemo áp úng, và bỏ lửng câu nói trên, ông tiếp lời: - Thưa ngài Smith, tôi muốn được nói chuyện riêng với ngài.

Tôn trọng ý muốn của người đang hấp hối, các bạn của viên kỹ sư ra khỏi phòng.

Thuyền trưởng Nemo nói chuyện tay đôi với Cyrus Smith mấy phút về việc gì đấy, sau đó kỹ sư gọi các bạn mình lại, nhưng không nói gì với họ về điều mà người hấp hối cho ông biết...

Đêm đến, trạng thái của người bệnh hầu như không có sự biến chuyển gì. Những người ngụ cư không phút nào rời Nautilus.

Chẳng bao lâu, sau lúc nửa đêm, thuyền trưởng Nemo tập trung sinh lực cuối cùng, đưa tay lên để chéo trước ngực với một vẻ khó nhọc, dường như ông muốn chết ở một tư thế bình thản như vậy.

Gần hai giờ sáng, toàn bộ sự sống của ông tập trung trong ánh mắt nhìn chăm chú. Hai con ngươi của ông ngời lên những ánh lửa sự sống lần cuối cùng. Rồi ông thì thào: “Thượng đế và Tổ quốc!” và lặng lẽ qua đời.

Những người ngụ cư đã làm theo những điều thuyền trưởng Nemo yêu cầu. Họ khoá chặt cửa tàu để không giọt nước nào thấm vào. Sau đó, họ tháo hai vòi nước lớn ở đuôi tàu, nước chảy qua các buồng, Nautilus chìm dần và biến khỏi mặt nước phẳng

lặng.

Cyrus Smith và các bạn của ông đã rời khỏi Nautilus, mang theo món quà tặng duy nhất mà ân nhân quá cố của họ đã để lại: Cái tráp nhỏ đựng những của cải giá trị cao.

Những người ngụ cư còn nhìn thấy hồi lâu con tàu ở sâu dưới biển qua tầng nước dày. Dưới ánh sáng của những ngọn đèn điện mạnh, làn nước biển lấp lánh một màu trong xanh, trong khi cái hang động lấy lại hình ảnh một hầm mộ đen ngòm. Nhưng cuối cùng, quãng sáng rực rỡ của tàu cũng mờ dần, và Nautilus trở thành chiếc quan tài của thuyền trưởng Nemo nằm bất động dưới đáy biển.

*

* *

Ngày đầu năm mới, năm 1869, được đánh dấu bằng một trận bão khủng khiếp. Sét đã nhiều lần đánh xuống đảo Lincoln. Một số cây cỏ thụ bị đổ. Phải chăng tự nhiên đã thiết lập mối liên hệ trực tiếp giữa những cơn giông, bão với hiện tượng quái gở đang phát sinh trong lòng đất? Phải chăng những trận giông, bão này là sự phản ánh của những chuyển dịch đã xảy ra trong các tầng sâu của đảo Lincoln?

Ngày 3 tháng giêng, Harbert dậy từ lúc hừng sáng, chú đã lên cao nguyên Tầm nhìn để thắng xe cho một con la kéo, bỗng chú thấy trên miệng núi Franklin một cột khói lớn phun thẳng.

Harbert vội vàng báo cho những người khai khẩn khác biết. Họ cũng đã lên ngay cao nguyên và bắt đầu chăm chú nhìn về hướng núi.

- Ừ nhỉ! – Pencroff kêu lên – Lần này thì không phải là đơn giản là hơi nước nữa rồi! Tuồng như chàng dũng sĩ của chúng ta không những thở, mà lại còn hút thuốc nữa!

Cyrus Smith chăm chú quan sát những cụm khói từ miệng Franklin phun ra. Rồi ông bước đến chỗ các bạn mình và nói:

- Các bạn của tôi, quả thật trong lòng hòn đảo đang xảy ra những biến động rất đáng lo ngại. Chúng ta sẽ không dối mình trước tình hình đó. Cái khối chất lỏng trong núi lửa không những đang ở trạng thái sôi, mà chúng đã bùng cháy, và có thể trong một tương lai không xa, chúng ta sẽ bị phún xuất đe dọa.

- Kệ nó, thưa ngài Cyrus! – Pencroff kêu lên – Chúng ta hoan nghênh hiện tượng này. Biết đâu, bỗng nhiên núi lửa lại phun cho chúng ta những loại quặng hữu ích và quý hiếm thì sao. Ngài đừng lo, chúng ta sẽ biết tận dụng tấm lòng tử tế của nó.

Nhưng, Cyrus Smith lắc đầu không tán thành cách khôi hài của Pencroff. Nét mặt ông bộc lộ rằng cá nhân ông không hi vọng sự tốt lành nào ở quá trình chuyển biến nhanh đến như thế của núi lửa.

- Tôi cảm thấy, – bỗng Ayrton nói (anh ta đã nằm, ghé tai xuống đất nghe ngóng), – tôi nghe có tiếng ầm ầm giống như có tiếng

sấm rền vậy.

Những người ngụ cư chăm chú lắng nghe và phải thừa nhận Ayrton nói đúng. Tiếng âm âm có lúc kèm theo tiếng ồn ào dưới đất lúc mạnh lên, lúc lắng xuống – có cảm giác như trong lòng đất đang bị một cơn lốc dữ dội hoành hành. Tuy nhiên vẫn chưa nghe thấy những âm thanh điển hình của hiện tượng phún xuất phát nổ.

Đến tối, sau khi ăn xong, Cyrus Smith cùng Gédéon Spilett và Harbert đi lên cao nguyên Tầm nhìn. Bóng tối đã bao phủ mặt đất, nhưng lại thuận lợi cho nhiệm vụ của họ là xác định xem lần trong hơi và khói bao trùm quanh miệng, núi lửa đã phun ra những hạt nham thạch bị nóng chảy chưa.

- Miệng núi Franklin ngập lửa kìa? – Harbert chạy vượt lên mọi người, đến cao nguyên Tầm nhìn trước tiên, bỗng kêu lên.

- Các bạn có cảm thấy đất rung chuyển không? – Cyrus Smith hỏi.

- Thấy, - Gédéon Spilett trả lời – nhưng đó chưa phải là động đất thật sự.

- Tôi cũng không bảo là chúng ta đang bị hiện tượng động đất đe dọa – Cyrus Smith nhanh nhẹn đáp lại, – cầu trời tránh cho chúng ta cái tai hoạ ấy.

Gédéon Spilett không hỏi gặng nữa... và lát sau, bất chấp tiếng âm âm dưới đất mỗi lúc một to hơn và vang vọng khắp đảo, các

cư dân trong Lâu đài Đá hoa cương đã thiếp đi trong giấc ngủ bình yên. Hừng sáng hôm sau, Ayrton và viên kỹ sư ngồi lên trên chiếc xe kéo được thắng một cặp la; chúng phóng nước kiệu đến khu chăn nuôi.

Ayrton chăm sóc đàn gia súc, còn Cyrus Smith thì đi ngược dòng suối Đỏ, đến nơi mà trước đây những người ngụ cư đã phát hiện ra nguồn hơn lưu huỳnh.

Bây giờ đây không phải chỉ có một luồng khói, mà là những mười ba luồng khói từ dưới đất phun lên rất mạnh. Rõ ràng là ở chỗ này vỏ trái đất đã phải chịu một áp lực bên trong rất khủng khiếp. Khi nghiên cứu sườn phía bắc của núi Franklin viên kỹ sư cũng gặp một cảnh tượng như vậy, có khi còn rõ ràng hơn ở khu vực suối Đỏ.

Sau đó, viên kỹ sư trở lại khu chăn nuôi, vừa đi vừa lắng nghe tiếng âm âm dưới mặt đất giống như những chuỗi sấm rền liên tục; thỉnh thoảng lại vang lên những tiếng nổ lớn như đạn pháo. Mười giờ, ông đã có mặt ở khu chăn nuôi.

Ayrton đợi ông ở đó.

- Tôi đã cho súc vật ăn rồi. Những con vật bồn chồn thế nào ấy, thưa ngài Smith – Ayrton nói.

- Chúng có linh tính đấy, mà linh tính súc vật thì không sai đâu.

- Thế bây giờ...

- Anh mang theo đèn và bật lửa, Ayrton, – viên kỹ sư đáp – và đi

theo tôi.

Ayrton làm theo lệnh của viên kỹ sư.

Hai người cùng đi đến hang Dakkar theo một con đường mòn hẹp. Họ đi tựa hồ như trên một lớp bông, toàn bộ mặt đất phủ kín những hạt bụi nhỏ li ti trên trần hang rơi xuống.

Thật dễ hiểu, trong những điều kiện như thế thì Cyrus Smith và Ayrton không thể rảo bước được. Tuy vậy, chẳng bao lâu họ cũng lần xuống được tới cửa hang Dakkar.

- Chiếc thuyền còn ở đây chứ? – viên kỹ sư hỏi.

- Vâng. – Ayrton trả lời và kéo chiếc thuyền gọn nhẹ mà anh cùng với Pencroff đã giấu dưới vòm hang đá baran.

- Thế thì ta đi thôi.

Cả hai người ngồi trong thuyền và bơi đi. Ayrton đặt đèn ở mũi thuyền để rọi đường... Họ bơi dọc theo các thành hang bên phải. Một lát sau, viên kỹ sư đã phân biệt rõ tiếng âm âm từ trong lòng đất dội lên.

- Đây là núi lửa đang hoạt động! – ông nói.

Chẳng bao lâu, hòa vào tiếng âm âm dưới đất là mùi hăng hắc của các hợp chất hoá học bốc hơi.

- Thuyền trưởng Nemo sợ chính cái điều này đây! – Cyrus Smith lẩm bẩm, và gương mặt ông hơi tái đi. – Dẫu sao chúng ta cũng phải tới đích.

Chừng độ hai mươi lăm phút sau, kể từ lúc bắt đầu bơi, con

thuyền đã đến cuối hang và dừng lại. Cyrus Smith soi đèn vào từng phần của bức thành ngăn cách hang với miệng núi lửa. Không thể đoán được độ dày của bức thành hang là bao nhiêu. Nhưng chắc gì thành hang quá dày bởi vì tiếng ầm ầm dưới lòng đất ở đây nghe rõ mồn một.

Sau khi khảo sát theo đường ngang, viên kỹ sư lại soi đèn dọc theo thành đá badan, cố rọi sáng phần trên của nó.

Ở đó, ông thấy có khói như hắc ín toả ra qua các kẽ nứt, đầu độc bầu không khí trong hang. Toàn bộ bức thành đá đều nham nhở bởi những vết nứt, một số trong đó, nhất là những vết nứt nổi rõ trên mặt đá badan bằng phẳng, đã lan xuống gần sát tận nước.

Cyrus Smith đứng trầm ngâm. Sau đó, Ayrton thoáng nghe thấy ông lẩm bẩm:

- Đúng, thuyền trưởng Nemo đã nói đúng! Ở đây hang động tiềm ẩn một nguy cơ thật khủng khiếp!

Ayrton không hỏi gì. Theo hiệu lệnh bằng tay của Cyrus Smith, anh ta lại chèo thuyền đi, và nửa giờ sau họ ra khỏi hang.

*

* *

Sau khi làm việc cả ngày ngoài khu chăn nuôi và tin chắc rằng công việc ổn thoả, Cyrus Smith và Ayrton đã ngủ đêm tại đó và sáng ngày 8 tháng giêng họ trở về Lâu đài Đá hoa cương.

Ngay lập tức, viên kỹ sư triệu tập các bạn thông báo với họ rằng

hòn đảo đang bị đe dọa bởi một nguy cơ lớn mà không có sức mạnh nào của con người có thể ngăn nổi.

- Các bạn, – ông nói, giọng lộ rõ sự xúc động sâu sắc, – hòn đảo Lincoln không thuộc một trong số những hòn đảo mà cấu tạo địa chất có thể tồn tại lâu dài với toàn trái đất. Nó không tránh khỏi sự phá huỷ đang tới gần, nguyên nhân sự diệt vong nằm ngay trong chính bản thân nó và không có gì cứu vãn.

Những người ngụ cư đưa mắt nhìn nhau, rồi ngơ ngác nhìn Cyrus Smith – họ không hiểu hết ý nghĩa của những lời ông nói.

- Hãy giải thích rõ hơn, Cyrus – Gédéon Spilett nói.

- Tôi sẽ giải thích ngay bây giờ, – Cyrus Smith trả lời – Tôi sẽ truyền đạt lại cho các bạn biết điều mà thuyền trưởng Nemo đã nói riêng với tôi trong cuộc trao đổi ngắn lần cuối cùng của chúng tôi. Trước khi chết, ông ấy còn muốn giúp đỡ chúng ta bằng một lời tiên tri khủng khiếp.

- Nhưng thuyền trưởng Nemo đã nói gì với ông vậy? – nhà báo hỏi.

- Các bạn biết không, - viên kỹ sư trả lời – hòn đảo Lincoln có cấu tạo khác với những hòn đảo ở Thái Bình Dương: Lớp vỏ trái đất ở đây quá mỏng, do vậy phần đất ngầm của nó sớm muộn thế nào cũng phải sụp đổ... thuyền trưởng Nemo đã nhận định như thế và bản thân tôi ngày hôm qua cũng xác minh lại được điều này sau khi xem xét hang Dakkar. Cái hang ở dưới hòn đảo,

thông tới sát dòng núi lửa và chỉ cách lò lửa trung tâm một bức tường nối liền nhau. Nhưng toàn bộ bức tường ấy đã bị rạn nứt và khí sunfua hình thành bên trong núi lửa đã lọt qua những kẽ nứt đó.

Đêm 23 rạng ngày 24 tháng, dưới áp lực của phún thạch đã dâng lên đến tận miệng núi lửa, đỉnh núi hình chóp, nom giống như một cái nón, đã bị bật tung ra. Tiếng ầm ầm vang lên không thể tưởng tượng nổi. Những người ngụ cư tưởng đảo bị sụp lở nên đã lao ra khỏi Lâu đài Đá hoa cương.

Lúc ấy là hai giờ đêm.

Cả bầu trời ngập trong biển lửa. Miệng núi lửa bây giờ đã hoác rộng ra, phun lửa lên trời đỏ rực. Dòng phún thạch chảy tràn theo các sườn núi, trông như hàng ngàn con rắn lửa khổng lồ.

- Khu chăn nuôi! Khu chăn nuôi! – Ayrton kinh hoàng kêu lên. Đúng là phún thạch đã chảy về phía khu chăn nuôi, do đó sẽ huỷ diệt mất phần đất màu mỡ của đảo. Đáp lại lời của Ayrton, mọi người lao vào chuông la. Trong nháy mắt họ đã thắng xong xe kéo. Tất cả đều chung một ý nghĩ: phóng ra khu chăn nuôi, thả đàn gia súc bị nhốt ở đó ra.

Một giờ sau, cả khu chăn nuôi ngập tràn phún thạch, căn nhà Ayrton bị cháy, hàng rào bị lửa thiêu huỷ. Khu chăn nuôi không còn sót lại một thứ gì nữa!

Đã sang ngày 24 tháng giêng. Trước khi trở về Lâu đài Đá hoa

cương, Cyrus Smith và các bạn của ông đã quyết định xem xét hướng phun thạch cuối cùng sẽ chảy về đâu. Bắt đầu từ núi Franklin, bề mặt đảo dốc về bờ biển phía đông, vì vậy họ cho rằng dòng phun thạch sẽ chảy đến cao nguyên Tầm nhìn.

- Hồ nước sẽ bảo vệ chúng ta. – Gédéon Spilett nói.

- Hi vọng như thế! – Cyrus Smith đáp lại gọn lỏn.

Cyrus Smith không bao giờ mất bình tĩnh trong những hoàn cảnh hiểm nghèo. Ông biết rằng trước mắt ông là những con người có khả năng chấp nhận sự thật cay đắng nhất, và ông đã nói:

- Có thể là hồ nước sẽ chặn đứng dòng phun thạch. Nếu vậy thì một phần hòn đảo sẽ thoát khỏi cảnh phá hoại hoàn toàn, nhưng cũng rất có thể là phun thạch sẽ chảy tràn lan sang các khu rừng Viễn Tây, huỷ hoại hết cây cối trong rừng và trên đảo sẽ không còn lại ngọn cỏ nào. Khi ấy tử thần sẽ đợi chúng ta trên các vách đá trần trụi, và không phải đợi lâu đâu, bởi vì hòn đảo sẽ nổ tung giữa trời.

Đúng lúc ấy, dòng phun thạch len giữa những hàng cây đẹp đẽ đã bị nó thiêu huỷ, lần dần đến hồ nước. Trên đường nó gặp một cái gò nhô cao lên, giá mà cái gò đó dựng đứng và cao hơn thì nó đã chặn được dòng phun thạch.

Những người ngụ cư ngày người ra đứng nhìn cảnh vật lộn diễn ra trước mặt họ giữa hai lực lượng tự nhiên – lửa và nước.

Những dòng phun thạch sôi sục chảy xuống hồ, thế là nước xèo

xèo bốc thành hơi. Những cụm hơi trắng bốc lên rõ cao, xoáy tít như một cơn lốc, giống như có ai đó xả van chiếc nồi hơi không lò ra. Nhưng, dù lượng nước trong hồ nhiều đến đâu thì cuối cùng lửa cũng hút khô, bởi vì nước cạn đi không được bổ sung, còn con sông lửa khủng khiếp có nguồn mạch lửa vô tận tiếp thêm thì không ngừng tuôn ra những lớp sóng dung nham mới. Đêm ngày 8 rạng ngày 9 tháng ba, từ miệng núi lửa một cột khói đã bùng phát ầm ầm như sấm dậy và bốc lên cao trên ba ngàn bộ. Hẳn là thành hang Dakkar đã bị sụp xuống dưới áp suất của khí sunphat bị nén, nước biển đã ủa vào lò lửa trung tâm của núi lửa và khí đã không tìm được lối thoát tự do nữa. Một tiếng nổ với sức mạnh khủng khiếp đã vang lên, cách xa cả trăm hải lý cũng nghe thấy. Những mảnh đá bay tung, rơi xuống đại dương, và vài phút sau, nước biển phủ kín nơi vừa mới đây còn là hòn đảo Lincoln.

Jules Verne

Hòn đảo bí mật

Nguyễn Văn Cửa phỏng dịch

Chương 16

Tàu Duncan xuất hiện

Một tảng đá đơn độc dài ba mươi bộ, bề ngang chừng mười lăm bộ, chỉ hơi nhú khỏi mặt nước mười bộ – đấy là những gì còn lại của hòn đảo đã bị đại dương nuốt chửng – mảnh vụn duy nhất của dãy núi đã tàng ẩn trong mình Lâu đài Đá hoa cương... Cả đảo Lincoln chỉ còn nguyên vẹn một tảng đá hẹp mà giờ đây được dùng làm nơi nương tựa cho sáu người ngụ cư và con chó Top của họ.

Trong thảm họa vừa qua tất cả thú vật bốn chân, chim chóc và các loài động vật khác trên đảo đều bị thiêu thành tro – số thì bị dè bẹp, số khác thì bị chết đuối. Than ôi, cả chú Jup bất hạnh cũng không thoát, có lẽ nó bị ngã xuống một khe nứt trên mặt đất!

Cyrus Smith, Gédéon Spilett, Harbert, Pencroff, Nab và Ayrton còn sống được chỉ là họ đang ngồi với nhau trong lều thì bị một làn sóng không khí hất họ rơi xuống biển đúng lúc tứ phía bị

những mảnh vỡ củ đảo rơi xuống như mưa. Khi họ ngoi được lên mặt nước cách bờ nửa cabletov và nhìn quanh thì chỉ thấy có một tảng đá này và bơi đến, leo lên.

Họ đã sống trên tảng đá trần trụi ấy chín ngày rồi! Một chút lương thực nào đấy được lấy từ kho của Lâu đài Đá hoa cương ngay trước lúc xảy ra thảm hoạ, một ít nước mưa đọng lại trong trũng đá – đấy là tất cả những gì mà những người bất hạnh có được. Con tàu của họ, niềm hi vọng cuối cùng của họ, đã bị vỡ tan tành. Họ bị mất hết khả năng thoát khỏi tảng đá này. Họ bị lạnh và giờ đây không thể kiếm được lửa nữa. Số phận đã định sẵn cho họ cái chết.

Đến ngày thứ chín, 18 tháng ba, lương thực chỉ còn cho hai ngày, mặc dù họ đã cắt bớt khẩu phần đến mức thấp nhất. Tất cả kiến thức của họ, tất cả trí tuệ của họ đều không thể giúp ích gì trong tình trạng nguy khốn như thế này. Số phận của những người ấy hoàn toàn tùy thuộc mệnh trời.

Cyrus Smith giữ được bình tĩnh, Gédéon Spilett hơi tỏ ra lo lắng, còn Pencroff thì tức giận ngấm, cứ đi lui đi tới trên tảng đá.

Harbert không rời viên kỹ sư, nhìn ông với ánh mắt như chờ đợi ở người bạn của mình sự giúp đỡ. Nab và Ayrton thì đành phận.

Năm ngày nữa trôi qua. Cyrus Smith và những người bạn bất hạnh của ông chỉ còn thoi thóp, bởi vì họ ăn chỉ để cần chùng khỏi bị chết đói mà thôi. Mọi người đều đã yếu sức đến mức tột

cùng rồi. Harbert và Nab bắt đầu mê sảng. Họ không còn hi vọng được cứu thoát. Trên tảng đá này, cái chết khủng khiếp vì đói và khát, đang tấn công họ!

Không còn ai có thể đứng vững được và họ nằm bất động hầu như không thở nữa, không nhận biết chuyện gì xảy ra chung quanh mình. Chỉ có Ayrton tỉnh thoảng khó khăn lắm mới ngóc đầu dậy và đưa mắt nhìn ra biển khơi hoang vắng với vẻ thất vọng!

Nhưng sáng 24 tháng ba, Ayrton đã giơ cả hai tay, chỉ về một cái chấm nhỏ trong không gian vô tận của đại dương và quỳ dậy, sau đó đứng lên và vươn thẳng người ra. Anh vẫy vẫy tay như thể làm tín hiệu...

- Duncan! – anh ta khẽ nói.

- Duncan! – Cyrus Smith nhắc lại. Và giơ tay lên ông hô to: - Ôi thượng đế toàn năng! Nghĩa là, ý người như thế đó! Họ đã kịp thời cứu chúng con!

Thực vậy, Duncan đã cứu họ, chiếc tàu buồm của huân tước Glenarvan giờ đây do Robert, con trai của thuyền trưởng Grant, lái, con tàu được phái đi tìm Ayrton, đưa anh ta trở về Tổ quốc sau mười hai năm sống cô đơn trên hòn đảo hoang Tabor và đã chuộc tội lỗi của mình! Thế là những người ngụ cư đã được cứu thoát, con tàu đã chuẩn bị đưa họ về nhà.

- Thuyền trưởng Robert, – Cyrus Smith hỏi – khi ông rời khỏi

đảo Tabor, không tìm thấy Ayrton ở đó, ai đã gợi ý cho ông đi thêm một trăm hải lý về phía đông bắc?

- Tôi biết về nó qua bức thư mà các ông đã để lại trên đảo Tabor.

- Qua bức thư? – Gédéon Spilett sừng sốt hỏi lại.

- Tất nhiên, qua bức thư. Nó đây. – Robert Grant trả lời và chia tờ giấy ra, trong đó cho biết vĩ tuyến và kinh tuyến của đảo Lincoln: “Ayrton và năm người ngụ cư Mỹ hiện đang ở đó”.

- Đúng là thuyền trưởng Nemo đã viết! – Cyrus Smith nói, sau khi đọc bức thư và tin chắc rằng nó được viết bằng đúng nét chữ trên bức thư mà họ đã thấy ở khu chăn nuôi.

- Ô, hóa ra là thế đấy! – Pencroff kêu lên – Vậy nghĩa là ông ấy đã lấy tàu của chúng ta và một mình liều mạng lái nó sang đảo Tabor!

- Các bạn của tôi, – Cyrus Smith xúc động sâu sắc nói – thuyền trưởng Nemo thực sự là ân nhân của chúng ta. Xin chúa trời nhân từ hãy thu nhận linh hồn ông vào lòng mình!”

Khi Cyrus Smith nói những lời ấy tất cả đều bỏ mũ ra và khẽ nhắc tên của thuyền trưởng một cách thành kính.

Đúng lúc ấy Ayrton bước lại gần viên kỹ sư và hỏi:

- Chúng ta để cái tráp vào đâu ạ?

Anh ta đã liều thân cứu được cái tráp ấy trong lúc thảm họa xảy ra và bây giờ trao nó cho viên kỹ sư.

- Ayrton! Ayrton! – Cyrus Smith xúc động kêu lên và quay về

phía Robert Grant, ông nói thêm: - Thừa ông Grant, ông đã để lại trên đảo Tabor một tên tội phạm, còn bây giờ đây, trước mặt ông là một con người lương thiện, và tôi tự hào được vinh dự được bắt tay con người ấy!

Khi đó mọi người đã kể cho Robert Grant nghe lịch sử kì lạ của tình hữu ái giữa thuyền trưởng Nemo và những người khai khẩn đảo Lincoln.

Sau hai tuần lễ, những người ngụ cư đã về đến Mỹ và sung sướng thấy rằng trên quê hương họ hòa bình đã lập lại, cuộc nội chiến đã kết thúc, sự nghiệp chính nghĩa đã thắng.

Một phần lớn những của cải giữ đựng trong cái tráp do thuyền trưởng Nemo để lại cho các cư dân của đảo Lincoln đã được dùng để mua một vùng đất mênh mông ở bang Iowa. Họ đã lấy một viên ngọc trai đẹp nhất trong kho báu gửi tặng huân tước phu nhân Glenarvan, nhân danh những người đã được “Duncan” cứu sống trở về Tổ quốc an toàn.

Những người ngụ cư đã tập hợp trên vùng đất họ mới mua, tất cả những ai mà trước đây họ muốn tiếp đãi nồng hậu trên hòn đảo Lincoln, và kêu gọi họ lao động, tức là mở đường cho họ đi tới no đủ và hạnh phúc. Họ đã lập một vùng di dân lớn, đặt cho nó cái tên của hòn đảo đã biến mất dưới vực nước sâu của Thái Bình Dương. Họ cũng có sông Tạ ơn, núi Franklin, hồ nước nhỏ Grant, rừng Viễn Tây. Tóm lại, vùng di dân của họ cũng như một

hòn đảo, nhưng là hòn đảo trên đất liền. Dưới sự lãnh đạo khôn khéo của viên kỹ sư và các bạn ông, vùng di dân ngày càng trù phú. Không một ai trong số những cư dân trước đây của đảo Lincoln từ giã bạn bè – họ đã thề mãi mãi sống với nhau – Nab không đòi chủ của mình, Ayrton vẫn luôn sẵn sàng hi sinh bản thân mình như trước kia, Pencroff đã trở thành một người chủ trại thực sự y như chàng đã từng là một thủy thủ, Harbert vừa học xong chương trình đại học của mình. Dưới sự hướng dẫn của Cyrus Smith và Gédéon Spilett chàng đã sáng lập tờ báo New Lincoln Herald một tờ báo có nhiều thông tin nhất thế giới. Cyrus Smith và các bạn của ông đã nhiều lần tiếp tại khu di dân của mình những vị khách quý như vợ chồng huân tước Glenarvan, thuyền trưởng John Mangles và vợ của ông ta là Maria Grant chị của Robert Grant, bản thân Robert Grant, thiếu tá Mac Nabbs và tất cả những ai đã tham gia những cuộc phiêu lưu của thuyền trưởng Grant và thuyền trưởng Nemo. Mọi người vẫn sống trong tình hữu ái như trước và tất nhiên là hạnh phúc. Tuy nhiên, họ không bao giờ quên được hòn đảo Lincoln, họ đã sống không thiếu một thứ gì hết suốt bốn năm trời đằng đẵng, giờ đây chỉ còn sót lại một tảng đá hoa cương chơi vơi giữa sóng nước Thái Bình Dương, mộ phần của một con người siêu việt từng là thuyền trưởng Nemo.

Hết